

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH**

PHẠM CAO CƯỜNG

**NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC
THỂ CHẤT TỰ CHỌN (BÓNG ĐÁ, BÓNG RỔ) CHO SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

Bắc Ninh - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

PHẠM CAO CƯỜNG

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC
THỂ CHẤT TỰ CHỌN (BÓNG ĐÁ, BÓNG RỔ) CHO SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Ngành: Giáo dục học

Mã số: 9140101

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. GS.TS LƯU QUANG HIỆP

2. PGS.TS ĐINH QUANG NGỌC

Bắc Ninh - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả trình bày trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào.

Tác giả luận án

Phạm Cao Cường

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	7
1.1. Định hướng đổi mới nội dung chương trình môn học cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp	7
1.1.1. Khái niệm về chương trình đào tạo.....	15
1.1.2. Căn cứ đổi mới nội dung chương trình môn học GDTC	19
1.1.3. Định hướng xây dựng chương trình môn học GDTC.....	20
1.1.4. Cách tiếp cận xây dựng chương trình môn học GDTC	22
1.2. Nguyên tắc xây dựng nội dung chương trình môn học.....	24
1.2.1. Nguyên tắc xây dựng nội dung chương trình môn học.....	24
1.2.2. Nguyên tắc về phương pháp GDTC	27
1.2.3. Các nguyên lý tổ chức huấn luyện cho giờ học.....	31
1.3. Đánh giá chương trình môn học GDTC.....	34
1.3.1. Định nghĩa đánh giá chương trình giáo dục	34
1.3.2. Nguồn thông tin để đánh giá chương trình giáo dục.....	36
1.3.3. Đo lường chương trình môn học GDTC.....	40
1.4. Các công trình nghiên cứu có liên quan	45
1.4.1. Trong môn bóng đá.....	46
1.4.2. Trong môn bóng rổ.....	49
1.5. Tóm tắt chương	51
Chương 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU	53
2.1. Phương pháp nghiên cứu	53
2.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu.....	53
2.1.2. Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm.....	53
2.1.3. Phương pháp quan sát sự phạm.....	54
2.1.4. Phương pháp chuyên gia.....	55
2.1.5. Phương pháp kiểm tra sự phạm.....	55
2.1.6. Phương pháp thực nghiệm sự phạm	60

2.1.7. Phương pháp toán thống kê	60
2.2. Tổ chức nghiên cứu.....	62
2.2.1. Đối tượng nghiên cứu.....	62
2.2.2. Thời gian nghiên cứu.....	63
Chương 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN.....	64
3.1. Đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp	64
3.1.1. Xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng.....	64
3.1.2. Thực trạng chương trình môn GDTC áp dụng cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.....	66
3.1.3. Thực trạng giảng viên giảng dạy chương trình môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp	67
3.1.4. Thực trạng công trình TDDT phục vụ giảng dạy môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp	71
3.1.5. Thực trạng kết quả học môn GDTC của sinh viên.....	72
3.1.6. Thực trạng tính tích cực học tập môn giáo dục thể chất và tập luyện thể thao ngoại khóa cho sinh viên.....	73
3.1.7. Thực trạng nhu cầu môn học tự chọn của sinh viên.....	79
3.1.8. Bàn luận.....	80
3.1. Nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp và các chỉ tiêu đánh giá chương trình môn học	83
3.1.1. Cơ sở khoa học xây dựng chương trình môn học GDTC tự chọn.....	83
3.1.2. Nguyên tắc xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất tự chọn.....	85
3.1.3. Cấu trúc chương trình môn học GDTC tự chọn.....	88
3.1.4. Nội dung chương trình xây dựng	90
3.1.5. Thẩm định chương trình đào tạo thông qua ý kiến đánh giá	91
3.1.6. Bàn luận.....	96

3.2. Đánh giá hiệu quả ứng dụng chương trình một số môn Giáo dục thể chất mới cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.....	99
3.2.1. Tổ chức thực nghiệm sư phạm.....	99
3.2.2. Kết quả ứng dụng chương trình.....	100
3.2.2.1. Kết quả đánh giá hiệu quả chương trình thực nghiệm qua ý kiến phản hồi của sinh viên.....	100
3.2.2.2. Kết quả đánh giá hiệu quả chương trình thực nghiệm qua ý kiến phản hồi của giảng viên.....	103
3.2.2.3. Kết quả học tập của sinh viên.....	107
3.2.2.4. Kết quả xếp loại thể lực của sinh viên.....	110
3.2.3. Bàn luận.....	112
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	115
A. Kết luận.....	115
B. Kiến nghị.....	116
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	
PHỤ LỤC.....	

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

GD-ĐT	Giáo dục - Đào tạo.
GDTC	Giáo dục thể chất.
GV	Giảng viên
SV	Sinh viên.
TDTT	Thể dục thể thao.
VĐV	Vận động viên.

DANH MỤC CÁC BIỂU BẢNG, BIỂU ĐỒ, HÌNH TRONG LUẬN ÁN
BIỂU BẢNG

Thể loại	Số TT	NỘI DUNG	Trang
Bảng	3.1	Độ tin cậy kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp (n=31)	64
	3.2	Chương trình môn học GDTC cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2009-2017	66
	3.3	So sánh thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC với các môn trong chương trình môn học GDTC	69
	3.4	Công trình TDDT phục vụ giảng dạy môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp	71
	3.5	So sánh kết quả học tập môn GDTC của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp	72
	3.6	Hành động học tập và tập luyện ngoại khóa của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp (n = 161)	75
	3.7	Kết quả lựa chọn môn GDTC tự chọn theo nghề nghiệp của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp (n = 161)	78
	3.8	Cấu trúc chương trình môn học GDTC cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp	88
	3.9	Cấu trúc chương trình môn học GDTC tự chọn cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp	88
	3.10	Cấu trúc chương trình môn GDTC cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp	90
	3.11	Độ tin cậy kết quả phỏng vấn thẩm định chương trình môn học GDTC trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp (n=31)	92

Thể loại	Số TT	NỘI DUNG	Trang
	3.12	Kết quả phỏng vấn các nội dung thẩm định chương trình môn GDTC và 02 môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ)	93
	3.13	Thống kê tần suất trả lời về đánh giá chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) qua ý kiến phản hồi của sinh viên (n=70)	101
	3.14	Độ tin cậy của kết quả phản hồi của sinh viên về chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ (n = 70)	102
Bảng	3.15	Thống kê tần suất trả lời về đánh giá chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ thông qua ý kiến giảng viên (n = 11)	104
	3.16	Độ tin cậy của kết quả phản hồi của giảng viên về chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ (n = 11)	106
	3.17	So sánh điểm học tập của sinh viên ở môn học GDTC tự chọn bóng đá, bóng rổ với các lớp tự chọn khác	108
	3.18	So sánh phân loại kết quả học tập của sinh viên ở môn học GDTC tự chọn bóng đá, bóng rổ với các lớp tự chọn khác	109
	3.19	So sánh kết quả xếp loại thể lực của sinh viên ở môn học GDTC tự chọn bóng đá, bóng rổ với các lớp tự chọn khác	111
Biểu đồ	3.1	Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp	65
	3.2	Tỷ lệ về trình độ đào tạo của giảng viên Khoa GDTC – Quốc phòng năm học 2016-2017 (Nguồn: Phòng Đào tạo)	67

Thể loại	Số TT	NỘI DUNG	Trang
	3.3	Tỷ lệ về chuyên ngành đào tạo của giảng viên Khoa GDTC – Quốc phòng năm học 2016-2017 (Nguồn: Phòng Đào tạo)	68
	3.4	Tỷ lệ về độ tuổi của giảng viên Khoa GDTC – Quốc phòng năm 2016 (Nguồn: Phòng Đào tạo)	69
	3.5	So sánh về tỷ lệ giảng viên và tín chỉ giảng dạy trong chương trình đào tạo môn GDTC	70
	3.6	Nhận thức của sinh viên về ý nghĩa môn học GDTC	74
	3.7	Thái độ của sinh viên đối với môn học GDTC	74
	3.8	Thái độ của sinh viên đối với tập luyện ngoại khóa	75
	3.9	Hành động học tập và tập luyện ngoại khóa của sinh viên	79
	3.10	Tỷ lệ lựa chọn môn GDTC tự chọn theo nghề nghiệp của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp	80
	3.11	Kết quả phỏng vấn lựa chọn cấu trúc chương trình môn GDTC và môn học GDTC tự chọn	89
	3.12	Kết quả phỏng vấn các nội dung thẩm định chương trình môn GDTC và 02 môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ)	93
Biểu đồ	3.13	Phân bố kết quả thẩm định chương trình môn GDTC và 02 môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ)	94
	3.14	Kết quả phản hồi của sinh viên về chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ	102
	3.15	Kết quả phản hồi của giảng viên về chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ	106
	3.16	Phân bố điểm học tập giữa nhóm đối chứng và thực nghiệm	107
	3.17	Kết quả điểm môn học GDTC tự chọn giữa nhóm thực	107

Thể loại	Số TT	NỘI DUNG	Trang
		nghiệm và đối chứng	
	3.18	Tỷ lệ phân loại kết quả học tập của sinh viên ở môn học GDTC tự chọn bóng đá, bóng rổ với các lớp tự chọn khác	109
	3.19	Tỷ lệ xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ GD-ĐT	111
Hình	2.1	Dẫn bóng sút cầu môn	57
	2.2	Đá xa	57
	2.3	Dẫn bóng tốc độ	58

PHẦN MỞ ĐẦU

Giáo dục thể chất (GDTC) trong trường đại học là một mặt giáo dục quan trọng không thể thiếu được trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện mục tiêu: “Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài” cho đất nước, cũng như để mỗi công dân, nhất là thế hệ trẻ có điều kiện “Phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức” để đáp ứng nhu cầu đổi mới của sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước. [3], [4]

Từ trước đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi trọng công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể dục thể thao trong trường học các cấp, và trong các văn kiện nghị quyết của Đảng đã xác định tư tưởng chỉ đạo phát triển: “Thực hiện các nhiệm vụ xây dựng con người và thế hệ trẻ thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, có trình độ làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo và có sức khoẻ”, “Cần coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong trường học”. [7], [35]

Hiến pháp nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1992 quy định: “Việc dạy và học thể dục là bắt buộc trong nhà trường”.

Với Chỉ thị 36/CT của Ban bí thư Trung ương Đảng về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới đã nêu: “Thực hiện giáo dục thể chất trong tất cả các trường học, làm cho việc tập luyện thể dục thể thao trở thành nếp sống hàng ngày của hầu hết học sinh, sinh viên”. [3]

Trong sự nghiệp đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, lực lượng tri thức và cán bộ khoa học kỹ thuật có vai trò là động lực thúc đẩy. Để đảm đương được vai trò to lớn đó, đòi hỏi người cán bộ kỹ thuật không những có trình độ giác ngộ chính trị cao, trình độ chuyên môn vững vàng, mà phải có thể chất phát triển. Giáo dục thể chất trong trường học là thực hiện mục tiêu phát triển thể chất cho học sinh, sinh viên góp phần vào việc đào tạo con người phát triển toàn diện.

Song, thực trạng giáo dục thể chất trong trường học còn bộc lộ nhiều khó khăn và tồn tại, như Vụ Công tác học sinh, sinh viên Bộ Giáo dục - Đào tạo đánh giá: “Nhận thức về vị trí, vai trò của giáo dục thể chất còn nhiều hạn chế trong các cấp giáo dục và cơ sở trường. Đặc biệt là việc đánh giá chất lượng về sức khoẻ và thể chất sinh viên trong mục tiêu chung còn chưa tương xứng”.

Mặc dù giáo dục thể chất từ lâu đã trở thành môn học chính thức, bắt buộc trong chương trình các cấp học, ngành học, nhưng cho đến nay vẫn còn bị coi nhẹ. Chương trình môn học chưa hợp lý, chưa phù hợp và đáp ứng yêu cầu của tuổi trẻ học đường, cơ sở vật chất, dụng cụ và sân bãi còn nghèo nàn và thiếu thốn, đội ngũ cán bộ giáo viên còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

Cũng như định hướng nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất của Vụ công tác học sinh, sinh viên Bộ Giáo dục và Đào tạo: “Nghiên cứu cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục thể chất phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi sinh viên và điều kiện đảm bảo của các nhà trường, quan tâm tăng cường các điều kiện đảm bảo đồng bộ về thầy giáo, cơ sở vật chất, thể dục thể thao cho các nhà trường”.

Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp tiền thân là trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật công nghiệp, được nâng cấp lên Đại học từ năm 2007. Nhà trường có đặc thù là trường đào tạo đa ngành, đa nghề, do vậy, số lượng sinh viên của trường ngày càng tăng lên. Trong năm 2014 với tổng chỉ tiêu được giao: 6.500 sinh viên trong đó: Đại học chính quy: 5.000 sinh viên; Cao đẳng chính quy: 1.500 sinh viên, nhà trường đã tổ chức hai đợt xét tuyển năm học 2013-2014 và đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu được giao (Hệ đại học 105%). Hiện tại với tổng số sinh viên của trường lên tới 19.000 sinh viên (trích Báo cáo tổng kết của nhà trường). Mặc dù lãnh đạo nhà trường rất quan tâm tới công tác GDTC cho sinh viên, nhưng do điều kiện thiếu thốn về cơ sở vật chất, các nội dung GDTC của nhà trường theo đó cũng bị hạn chế, đơn điệu. Nhà trường chỉ tổ chức học tập được một số nội dung đơn giản, bắt buộc theo yêu cầu chương trình của Bộ GD-ĐT như: chạy 100m, nhảy dây, thể dục và cầu lông. Các nội dung

môn thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC không thống nhất hàng năm, không gây hứng thú được cho người học, làm hạn chế phong trào tập luyện TDTT và ảnh hưởng tới sự phát triển thể chất của sinh viên.

Nhận thức được điều này, trong những năm vừa qua nhà trường đã có nhiều cố gắng trong cải thiện điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục thể chất. Đặc biệt, trong năm 2017 nhà trường đã xin cấp kinh phí và tiến hành xây dựng 2 sân bóng đá cỏ nhân tạo, 2 sân bóng rổ để phục vụ cho công tác GDTC của nhà trường. Tuy nhiên, vấn đề cấp thiết đặt ra là phải xây dựng được chương trình môn học GDTC của nhà trường với các môn thể thao tự chọn Bóng rổ, Bóng đá, đảm bảo có thể đưa vào ứng dụng giảng dạy từ năm 2018-2019. Để thực hiện được nhiệm vụ này, cần thiết phải tiến hành khảo sát toàn bộ thực trạng công tác GDTC của nhà trường về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, nhu cầu và nhận thức của giảng viên, sinh viên nhà trường..., trên cơ sở đó lựa chọn nội dung và xây dựng chương trình môn học Bóng rổ, Bóng đá cho phù hợp với thực tiễn, phát huy tối đa hiệu quả giờ học các môn thể thao, qua đó nâng cao được hiệu quả công tác GDTC của nhà trường. Song vấn đề này chưa được Nhà trường thực hiện trong giai đoạn vừa qua.

Nghiên cứu xây dựng chương trình môn học GDTC nói chung và môn thể thao tự chọn nói riêng ở các trường đại học đã có một số tác giả tiến hành nghiên cứu như: Trần Hữu Hoan (2011) [53], Nguyễn Mai Hương (2011) [57], Nguyễn Cẩm Ninh (2012) [74], Hồ Đắc Sơn (2004) [83], Vũ Văn Tảo (2003) [85], Lý Thị ánh Tuyết (2005) [99], ... đây đều là những công trình nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn, tuy nhiên chỉ phù hợp với điều kiện của từng trường và từng đối tượng sinh viên. Tuy nhiên, chưa có tác giả nào đi sâu nghiên cứu xây dựng chương trình môn học GDTC tự chọn môn Bóng đá, Bóng rổ cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, Nam Định.

Trên cơ sở phân tích ý nghĩa và tầm quan trọng, tính cấp thiết từ nhu cầu và nhiệm vụ thực tiễn, chúng tôi quyết định tiến hành nghiên cứu đề tài:

“Nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp”

Mục đích nghiên cứu:

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, đề tài tiến hành lựa chọn nội dung và xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) phù hợp với các điều kiện của nhà trường và đặc điểm của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp. Qua đó từng bước nâng cao hơn chất lượng công tác GDTC, góp phần nâng cao hơn chất lượng đào tạo chung của nhà trường.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

Để giải quyết mục đích nghiên cứu trên, đề tài xác định các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Nhiệm vụ 1: Đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng.

Thực trạng chương trình môn GDTC áp dụng cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Thực trạng giảng viên giảng dạy chương trình môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Thực trạng công trình TĐTT phục vụ giảng dạy môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Thực trạng tính tích cực học tập môn giáo dục thể chất và tập luyện thể thao ngoại khóa cho sinh viên.

Thực trạng nhu cầu môn học tự chọn của sinh viên.

Nhiệm vụ 2: Nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp và các chỉ tiêu đánh giá chương trình môn học.

Cơ sở khoa học xây dựng chương trình môn học GDTC.

Nguyên tắc xây dựng chương trình môn học.

Cấu trúc chương trình môn học.

Nội dung chương trình xây dựng.

Thẩm định chương trình đào tạo thông qua ý kiến đánh giá.

Nhiệm vụ 3: Đánh giá hiệu quả ứng dụng chương trình một số môn Giáo dục thể chất mới cho sinh viên Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Tổ chức thực nghiệm sư phạm.

Kết quả ứng dụng chương trình.

Giả thuyết khoa học:

Trong nhiều năm gần đây, công tác GDTC cho sinh viên của Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được những đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn của công tác giáo dục đào tạo. Đề tài cho rằng nguyên nhân chính gây hạn chế hiệu quả công tác GDTC của Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp chủ yếu là do chương trình môn học GDTC chưa mềm dẻo, môn học tự chọn chưa phong phú, do vậy không gây được hứng thú và không phát triển được toàn diện thể chất cho người học. Do vậy, nếu xây dựng bổ sung thêm nội dung chương trình tự chọn một số môn thể thao (bóng đá, bóng rổ), phù hợp với định hướng và kế hoạch phát triển của nhà trường sẽ làm phong phú hơn nội dung học tập môn học GDTC và đào tạo theo hệ thống tín chỉ, qua đó nâng cao chất lượng công tác GDTC cho sinh viên, từng bước góp phần nâng cao hơn chất lượng đào tạo chung của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Ý nghĩa khoa học của luận án:

Qua quá trình nghiên cứu luận án đã hệ thống hóa và bổ sung hoàn thiện các kiến thức lý luận về các vấn đề liên quan như: Định hướng đổi mới nội dung chương trình môn GDTC tự chọn cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp; Nguyên tắc xây dựng nội dung chương trình môn GDTC tự chọn; Đánh giá chương trình môn học GDTC tự chọn. Các nội dung này khi phân tích có sự gắn liền với môn GDTC tự chọn.

Ý nghĩa thực tiễn của luận án:

Quá trình nghiên cứu đã xây dựng được 02 chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) có ý nghĩa thực tiễn trong đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực cho sinh viên trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Khi triển khai thử nghiệm đã mang lại hiệu quả rõ rệt, đáp ứng nhu cầu tập luyện thể thao của sinh viên.

Chương 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Đặc điểm trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp và sự cần thiết phải đổi mới chương trình đào tạo

1.1.1. Đặc điểm trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp I, tiền thân là Trường Trung cấp Kỹ thuật III, được thành lập năm 1956. Trải qua hơn nửa thế kỷ, Nhà trường liên tục phát triển bền vững với những thành tích vẻ vang trong sự nghiệp đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho đất nước.

Quá trình phát triển của nhà trường được khái quát theo 3 giai đoạn.

Giai đoạn 1 với 40 năm đào tạo bậc trung học chuyên nghiệp.

Ngay từ năm 1956, sau thời kỳ cải tạo XHCN, đất nước bước vào công cuộc khôi phục phát triển kinh tế ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, Đảng và Nhà nước ta đã củng cố và phát triển giáo dục, đào tạo. Trường Trung cấp Kỹ thuật III là một trong số những trường THCN được thành lập trong thời kỳ này và trở thành cái nôi cung cấp nguồn cán bộ kỹ thuật cho ngành Công nghiệp Nhẹ. Trường có trụ sở tại phố Hàng Sũ - thành phố Nam Định.

Ngày đầu thành lập, Trường đã hợp tác với các chuyên gia Trung Quốc, Liên Xô, với các cơ sở sản xuất trong nước để xây dựng chương trình, bài giảng, tổ chức đào tạo những khóa học đầu tiên. Ba khoá đầu chỉ với gần 200 học viên ngành Dệt - Sợi, những học viên này đã bắt tay vào việc xây dựng nhiều nhà máy, xí nghiệp đầu tiên của ngành Công nghiệp Dệt Sợi Việt Nam.

Từ chuyên ngành Dệt - Sợi, Trường đã mở ra 13 chuyên ngành, gồm: Cơ khí, Lò hơi, Đường, Mỳ chính, Tinh bột, Muối, Giấy, Chế biến gỗ, Kiến trúc, Thiết kế hội hoạ... Quy mô đào tạo đã tăng hơn 500 học sinh/năm. Nhà trường được chuyển

đến địa điểm 353 Trần Hưng Đạo và đổi tên thành Trường Trung cấp Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ.

Năm 1965, để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của đất nước, sự lớn mạnh của Ngành, cũng như để chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, leo thang ném bom miền Bắc, Nhà trường đã được tách thành 3 trường: Trường Trung học Kỹ thuật Cơ khí vật dụng Hà Bắc; Trường Trung học Kỹ thuật Muối Đồ Sơn Hải Phòng; Trường Trung học Kỹ thuật Dệt Nam Định.

Năm 1969, sau khi Mỹ buộc phải ngừng ném bom miền Bắc, nhà Trường tiếp tục nhiệm vụ phát triển công tác đào tạo, phục vụ kịp thời cho công cuộc khôi phục và phát triển sản xuất của Ngành. Điển hình là chương trình đào tạo phục vụ cơ khí nhỏ cho các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Thái Bình...

Năm 1971, thực hiện chủ trương vừa nghiên cứu vừa đào tạo, Trường được nhập với Viện Công nghiệp Dệt Sợi thành Viện Dệt Sekou Toure.

Năm 1975, sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước ta hoàn toàn thống nhất. Trước yêu cầu mới là nghiên cứu khoa học và đào tạo phải đáp ứng kịp thời cho cả hai miền, nên Viện Dệt Sekou Toure được tách ra thành Viện Công nghiệp Dệt Sợi và chuyển về Hà Nội (đồng thời thành lập thêm Phân viện tại Tp. Hồ Chí Minh) và Trường Trung học Kỹ thuật Dệt ở lại Nam Định có nhiệm vụ chi viện cán bộ, giáo viên cho các trường phía Nam.

Những năm từ 1975 đến đầu thập kỷ 90 thế kỷ trước, do điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, mục tiêu đào tạo trung học chuyên nghiệp đứng trước nguy cơ bị phá vỡ do bị thu hẹp, Bộ Công nghiệp Nhẹ đã cho nhập Trường Trung học Giấy Việt Trì, Trường Cán bộ quản lý Bộ Công nghiệp Nhẹ và hệ Trung học May ở Trường May Dâu Keo (Gia Lâm) về Trường, với tên chung là Trường Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Nam Định và sau đó vào năm 1991, được đổi tên thành Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Nam Định.

Giai đoạn này đã tạo lập văn hóa truyền thống của Nhà trường, đó là: kiên định mục tiêu, đoàn kết sáng tạo, dám nghĩ dám làm, ý chí tiến công cách mạng,

vươn lên không mệt mỏi, luôn luôn đi đầu và đổi mới, giữ vững kỷ cương nề nếp, là lá cờ đầu trong giáo dục chuyên nghiệp của ngành Công nghiệp Nhe.

Giai đoạn 2: Đào tạo cao đẳng kinh tế - kỹ thuật.

Năm 1992, để phù hợp với công cuộc đổi mới, Bộ Công nghiệp Nhe tiếp tục sáp nhập Trường Công nhân Kỹ thuật Công nghiệp Nhe Hà Nội (trước đó là Trường Công nhân thuộc Nhà máy Dệt 8/3) với Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Nhe Nam Định, lấy tên là Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Nhe. Từ đây, Trường có 2 cơ sở: 456 Minh Khai - Hà Nội và 353 Trần Hưng Đạo - Nam Định.

Đây là thời kỳ đổi mới sâu rộng của kinh tế - xã hội. Đất nước bước vào thực hiện sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Điều này đòi hỏi giáo dục, đào tạo phải đổi mới để đáp ứng yêu cầu mới của sản xuất. Nhà trường đã tổ chức đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ "KTVCC/93", phối hợp với Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục, Vụ Đại học, Vụ THCN - Bộ Giáo dục & Đào tạo tiến hành nghiên cứu các mô hình đào tạo của các nước Pháp, Đức, Thái Lan và một số nước khác. Học sinh khóa I hệ cao đẳng ra trường về công tác tại các nhà máy, xí nghiệp được khẳng định là phù hợp với yêu cầu sản xuất.

Trên cơ sở đó, ngày 24/7/1996, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 478/QĐ-TTg nâng cấp Trường thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Nhe, có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trình độ cao đẳng, nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo đa cấp, đa ngành.

Năm 1998, Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp I. Nhà trường đã tập trung mọi lực lượng, tiếp tục đa dạng hóa loại hình và mở rộng quy mô đào tạo, thường xuyên đổi mới nội dung chương trình, biên soạn mới các tài liệu, giáo trình. Trường đã triển khai đào tạo các ngành nghề mới, như: Công nghệ thông tin, Điện tự động hoá, Điện tử, Cơ điện tử, Công nghệ ô tô, Tài chính ngân hàng đối với tất cả các bậc đào tạo, các hệ chính quy, vừa học vừa làm và tổ chức đào tạo liên thông giữa các bậc học.

Nhằm xây dựng và tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, Đảng uỷ Nhà trường đã có Nghị quyết riêng về công tác cán bộ, tiến hành xây dựng chiến lược và lộ trình phát triển đội ngũ đến năm 2015. Các giải pháp chủ yếu của công tác này là tuyển sinh viên tốt nghiệp loại khá trở lên của các trường đại học có uy tín, tổ chức kèm cặp và thử thách trong một thời gian để xác định năng lực thực tế và mức độ tâm huyết với nghề, sau đó lựa chọn và tạo mọi điều kiện cho họ đi bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt.

Chú trọng và đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, coi đó là một nhiệm vụ chính của Nhà trường, Hội đồng Khoa học của Nhà trường được thành lập và nhanh chóng tổ chức triển khai hoạt động. Kết quả trong 11 năm, đã hoàn thành 14 đề tài cấp Bộ, 175 đề tài cấp trường và cấp khoa. Điển hình là các đề tài: Xây dựng chương trình đào tạo liên thông; Công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn; Tin học hóa quản lý nhà trường...

Ngay trong thời kỳ này, Nhà trường đã ý thức được hội nhập quốc tế và khu vực là việc làm cần thiết, do đó đã chú ý đẩy mạnh và tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo với các trường và các tổ chức nước ngoài, như: Học viện Công nghệ Rajamangala (RIT) của Thái Lan, Trung tâm Đào tạo IHK Dresden của CHLB Đức, các Tổ chức AOTS, JODC của Nhật Bản, Trường Đại học Kinh tế tài chính Vân Nam - Trung Quốc...

Nhà trường đã thực hiện tốt mục tiêu gắn đào tạo với thực tế sản xuất bằng hoạt động liên kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu, như: Công ty Dệt Nam Định, Công ty Dệt Huế, Công ty Dệt Nha Trang, Công ty Dệt Hà Nội, Công ty Dệt 8/3, Công ty Bia Hà Nội, Công ty Bia Na Đa, Công ty May Nam Định, Công ty May xuất khẩu Nam Định, Công ty May 10, Công ty Cơ khí Thăng Long, Viện Dệt May, Công ty Giấy Bãi Bằng, Viện Giấy và Xenlulo, Viện Công nghiệp thực phẩm...

Để công tác quản lý chất lượng đào tạo đạt kết quả cao, Nhà trường đã đưa ra các biện pháp, những quy định cụ thể về tiêu chuẩn hóa những nội dung đào tạo và

quy trình xét duyệt đối với giáo viên tham gia thỉnh giảng; tổ chức thi và kiểm tra theo ngân hàng đề thi; tiến hành thanh tra trước khi bắt đầu mỗi kỳ thi; tổ chức thi lý thuyết “3 chung” đối với tất cả các môn học; thi thực hành được gắn với sản phẩm đưa ra thị trường... Đây mạnh công tác quản lý HSSV, tổ chức các đợt sinh hoạt giáo dục và phân loại định kỳ, thường xuyên liên hệ với các gia đình thông qua hệ thống mạng, để thông báo tình hình và phối hợp quản lý, đồng thời tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thu hút đề đào tạo toàn diện đối với HSSV. Kết quả khảo sát cho thấy, trên 85% học sinh tốt nghiệp ra trường đã có việc làm và được các cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận đánh giá cao.

Đồng bộ với các giải pháp trên, Nhà trường đã tăng cường đầu tư cơ sở vật chất. Trong khoảng thời gian 10 năm, Trường đã cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới được nhiều nhà xưởng, như: Các giảng đường C, D, K; xưởng thực hành 3 tầng; nhà làm việc 9 tầng tại cơ sở Hà Nội; giảng đường A1; nhà ăn; nhà làm việc của giáo viên; nhà Hành chính A5 tại cơ sở Nam Định... đã tạo được cảnh quan môi trường ở cả 2 cơ sở khang trang, sạch đẹp. Trường cũng tiến hành mua sắm thêm nhiều trang thiết bị hiện đại, như: Hệ thống máy CNC cho ngành Cơ khí, máy thiết kế mẫu và giác sơ đồ tự động cho ngành May, hệ thống máy may chuyên dụng điều khiển bằng điện tử của Nhật Bản, máy so màu quang phổ và thí nghiệm nhuộm mẫu nhỏ cho ngành Nhuộm, đặc biệt là xây dựng hai hệ thống thư viện, trong đó có thư viện điện tử, hệ thống phòng họp cầu truyền hình trực tuyến giữa hai cơ sở... đáp ứng cơ bản yêu cầu đào tạo của Trường trong giai đoạn mới.

Có thể khẳng định: Đây là thời kỳ phát triển mới của Nhà trường sau 40 năm vững vàng đào tạo trung cấp chuyên nghiệp; Cũng là thời kỳ thể hiện và phát huy văn hóa truyền thống, là thời kỳ có tốc độ phát triển nhanh nhưng chắc chắn và bền vững, tạo nền tảng đáp ứng cho giai đoạn đào tạo đại học sau này.

Giai đoạn 3: Khởi đầu của sự nghiệp đào tạo đại học.

Căn cứ vào khả năng thực tế của Nhà trường và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học công nghệ, có tư duy khoa học và kỹ năng nghề cao, đáp ứng

yêu cầu CNH, HĐH đất nước, đặc biệt là khu vực đồng bằng Sông Hồng, Nhà trường đã được Bộ Công nghiệp đưa vào diện quy hoạch nâng cấp thành trường đại học giai đoạn 2004 - 2010. Thực hiện chỉ đạo của Bộ, năm 2005, Nhà trường đã tiến hành xây dựng Đề án thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp trên cơ sở Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp I.

Ngày 11/9/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1206/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp I.

Ngay sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nhà trường đã khẩn trương triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết và đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo cho phép mở 5 ngành đào tạo đại học, gồm: Công nghệ Dệt, Công nghệ Thực phẩm, Công nghệ Kỹ thuật Điện, Kế toán và Quản trị kinh doanh, với chỉ tiêu 700 SV khóa 1. Nhà trường đã giữ vững uy tín và danh tiếng của một ngôi trường với 40 năm liên tục, vững vàng là trường trung học chuyên nghiệp hàng đầu trong khối giáo dục chuyên nghiệp; 11 năm là trường cao đẳng mạnh của Bộ Công Thương và hôm nay đang bắt đầu một giai đoạn mới đào tạo ở bậc đại học. Là nơi đã đào tạo cho đất nước trên 140.000 cán bộ trình độ đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp có chất lượng cao và đã trở thành một địa chỉ đào tạo có uy tín trong cả nước, có quy mô đào tạo ngày càng tăng, số lượng thí sinh đăng ký dự thi vào trường hàng năm cũng liên tục tăng lên. Kết quả tuyển sinh luôn luôn đạt và vượt chỉ tiêu. Quy mô của Trường hiện nay đã đạt trên 30.000 học sinh sinh viên.

Nhà trường đã được tặng thưởng: 02 Huân chương Độc lập hạng Nhất (2011; 2005), 01 hạng Nhì (2001), 01 hạng Ba (1996), 2 Huân chương Lao động hạng Nhất (1985, 1992) 01 hạng Nhì (1981) và 02 hạng Ba (1960, 1962). Huân chương Tự do hạng Nhất của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (1981) và rất nhiều cờ thưởng, bằng khen của các cấp, các ngành...

Phát huy truyền thống đạt được, xác định rõ định hướng và mục tiêu nhiệm vụ trong thời gian tới, chắc chắn, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp sẽ tiếp tục phát triển bền vững, đóng góp nhiều hơn nữa trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế.

Như vậy, trải qua quá trình hình thành và phát triển, trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp luôn luôn là trường đại học công lập định hướng nghề nghiệp ứng dụng, đào tạo cử nhân và kỹ sư thực hành cho đất nước.

1.1.2. Sự cần thiết phải đổi mới chương trình đào tạo môn học giáo dục thể chất.

Thực hiện nghị quyết 14 của chính phủ (11/2005) về đổi mới cơ bản và toàn diện nền giáo dục Việt nam, giai đoạn 2006-2020. Hướng tới 70% số trường Đại học sẽ đào tạo theo định hướng nghề nghiệp và phát triển theo xu hướng đó có trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Trước đây một chương trình đào tạo đại học, môn học truyền thống được xây dựng dựa trên các nguồn lực: Đội ngũ giảng viên, chương trình tinh hoa được xây dựng bởi hội đồng khoa học chuyên ngành, kinh nghiệm của các trường tương đồng...

Tuy nhiên, xu hướng giáo dục tiên tiến hiện nay lại cho rằng thế giới việc làm mới là điểm xuất phát của việc xây dựng chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp. Bởi vì chính thế giới việc làm sẽ là nơi mà sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ hành nghề. Để xây dựng được chương trình đào tạo như vậy, thì việc đầu tiên là Nhà trường phải tìm hiểu nhu cầu trong tương lai về những đòi hỏi ở sinh viên tốt nghiệp phải có những kiến thức, kỹ năng và thái độ gì? Những năng lực, khả năng nào là cần thiết của người cán bộ kỹ thuật, để có thể giải quyết được các vấn đề đặt ra từ thực tế công việc? Tất cả những thông tin quan trọng đó Nhà trường cần phải xây dựng hệ thống số liệu cụ thể và coi đó là các cứ liệu tham khảo chính khi xây dựng chương trình đào tạo nói chung và chương trình môn học nói riêng.

Để chương trình môn học được xây dựng một cách có khoa học và chặt chẽ cả về nội dung, cấu trúc và tổ chức thực hiện, phù hợp đối tượng: các năng lực còn được chia theo 3 cấp độ từ dễ đến khó. Mức độ thấp nhất đòi hỏi sinh viên đạt được những kiến thức và kỹ năng đơn giản và độc lập. Mức độ trung bình đòi hỏi sinh viên cần có những kiến thức và kỹ năng tổng hợp và chủ động trong các hoạt động chuyên môn của mình. Mức độ 3 là mức độ cao nhất của năng lực, đòi hỏi sinh viên phải có khả năng sử dụng một cách tổng hợp những kiến thức, kỹ năng và thái độ để thực hiện các công việc phức tạp, đặt ra từ yêu cầu thực tế sản xuất, đồng thời, biết chủ động trong kế hoạch đặt ra cũng như khả năng phối hợp thực hiện các công việc được giao. Và xây dựng chương trình môn GDTC tự chọn cho SV cũng không nằm ngoài đòi hỏi cần thiết nêu trên. Tuy nhiên, xây dựng chương trình môn học tự chọn bóng rổ và bóng đá giảng dạy cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp lại có đặc thù cao. Vì nó chịu sự ràng buộc, chi phối giữa quy luật giáo dục chung và các quy luật hình thành kỹ năng kỹ xảo trong thể thao.

Để xây dựng được chương trình môn thể thao tự chọn, ở giai đoạn ban đầu cần thiết phải có sự nghiên cứu định hướng đổi mới, các cách thức tiếp cận và nguyên tắc xây dựng.

Đổi mới chương trình đào tạo nói chung và môn GDTC nói riêng nhằm đáp ứng sứ mạng của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp là: Đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao, có khả năng ứng dụng nghề nghiệp sát với thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành Công Thương và cả nước.

Đáp ứng tầm nhìn phát triển của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp là: Đến năm 2030 là trường đại học hiện đại, định hướng ứng dụng; có môi trường văn hóa thân thiện, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về kiểm định chất lượng. Nhà trường tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ về lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật có chất lượng, uy tín trong và ngoài nước; từng bước tiến đến đại học định hướng nghiên cứu.

Đáp ứng giá trị cốt lõi của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp là:

Tạo môi trường thuận lợi để mọi người yên tâm công tác lâu dài, phát huy tài năng, tính sáng tạo.

Mang lại cho người học môi trường học tập, nghiên cứu tiên tiến để nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng, sáng kiến lập nghiệp, cạnh tranh được về việc làm và cơ hội học tập trong môi trường quốc tế.

Coi trọng chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2. Định hướng đổi mới nội dung chương trình môn học cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp

1.2.1. Khái niệm về chương trình đào tạo

Một từ Latinh cổ đã mô tả “chương trình khóa học” là *curriculumderives*. Trải qua nhiều biến động của quá trình phát triển, ý nghĩa của từ này đã dần được hiểu là một “chuỗi” hoặc các bài học kinh nghiệm. Trải qua nhiều năm nghiên cứu, các nhà giáo dục đã nỗ lực hoàn thiện để định nghĩa về chương trình giảng dạy được cụ thể hơn.

Trong tiếng Anh, thuật ngữ *Curriculum* đã được nhiều nhà giáo dục Việt Nam hiểu là chương trình đào tạo, chương trình giáo dục, chương trình học, chương trình dạy học... Để đưa định nghĩa về chương trình hoàn toàn không phải là việc dễ dàng, tùy thuộc vào quan điểm của mỗi người mà cách hiểu về chương trình sẽ khác nhau. Chẳng hạn, chương trình có thể giải thích là:

Những gì được giảng dạy trong nhà trường;

Tập hợp nhiều môn học;

Tất cả những gì diễn ra trong nhà trường, bao gồm việc dạy trong giờ học, ngoài giờ học, và mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau;

Những gì được dạy trong và ngoài trường mà nhà trường định hướng;

Những hoạt động, kinh nghiệm mà người học trải qua và thu nhận được qua quá trình học trong trường;

Là những môn học hữu ích nhất cho cuộc sống xã hội hiện tại;

Là toàn bộ các hoạt động học tập mà nhà trường tổ chức để người học đạt được những kỹ năng, kiến thức chung ở các môi trường học khác nhau;

Là tất cả những kiến thức mà người học thu nhận được trong trường.

Định nghĩa về chương trình được rất nhiều tác giả nêu ra như sau:

Hilda Taba (1962): Chương trình giảng dạy thường chứa một tuyên bố về mục đích và mục tiêu cụ thể, nó chỉ ra một số lựa chọn và tổ chức nội dung, nó ngụ ý hoặc biểu hiện một số mô hình học tập và giảng dạy nhất định, dù là vì các mục tiêu đòi hỏi họ hay vì tổ chức nội dung đòi hỏi họ. Cuối cùng, nó bao gồm một chương trình đánh giá các kết quả. [107]

David G. Armstrong (1989): là một kế hoạch tổng thể để lựa chọn nội dung và tổ chức kinh nghiệm học tập cho mục đích thay đổi và phát triển hành vi và hiểu biết của người học.

Decker Walker (1990): Chương trình giảng dạy bao gồm những vấn đề sau: (1) rằng giáo viên và học sinh cùng tham gia với nhau; (2) rằng học sinh, giáo viên và những người khác liên quan nhìn chung đều quan trọng để nghiên cứu và học tập, như được chỉ ra đặc biệt bằng cách sử dụng chúng như là một cơ sở để đánh giá sự thành công của cả trường và học giả; (3) Cách thức mà những vấn đề này được tổ chức trong mối quan hệ với nhau, liên quan đến các yếu tố khác trong tình huống giáo dục.

Peter F. Oliva (1989): chương trình, kế hoạch, nội dung và kinh nghiệm học tập.

Theo những cách giải thích và quan niệm của các tác giả nêu trên, thì chương trình được hiểu theo nghĩa hẹp là tập hợp các môn học, hoặc theo nghĩa

rộng hơn là các hoạt động, kinh nghiệm của người học ở cả trong và ngoài nhà trường.

Đến thế kỷ XX, thuật ngữ *chương trình* được mở rộng ý nghĩa hơn. Tùy theo quan điểm về cách tiếp cận xây dựng chương trình, phương thức tổ chức triển khai các hoạt động trong chương trình, nhu cầu thực tế của sự phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, các chuyên gia giáo dục, đã đưa ra các định nghĩa về chương trình một cách khái quát, đầy đủ và khác biệt hơn.

Chương trình được xem xét với qui mô rộng hơn, nhấn mạnh đến sự phát triển kỹ năng và các giá trị khác mà người học đạt được trong trường học. Điều này thể hiện qua quan điểm của Ronald C. Doll (1996) về chương trình: *“Chương trình học của nhà trường là nội dung giáo dục và các hoạt động chính thức và không chính thức; quá trình triển khai nội dung hoạt động, thông qua đó người học thu nhận được kiến thức và sự hiểu biết, phát triển các kỹ năng, thái độ, tình cảm và các giá trị đạo đức dưới sự tổ chức của nhà trường”*.

Một số chuyên gia khác xem xét chương trình một cách tổng thể hơn từ góc độ quản trị, người thiết kế, thực hiện chương trình. Họ quan tâm nhiều hơn đến mục đích, mục tiêu, các phương pháp thực hiện để đạt được mục đích, mục tiêu đó. Như White (1995) cho rằng: *Chương trình là một kế hoạch đào tạo phản ánh các mục tiêu giáo dục, đào tạo mà nhà trường theo đuổi. Bản kế hoạch đó cho biết nội dung và phương pháp dạy và học cần thiết để đạt được mục tiêu đề ra*. Còn Tim Wentling (1993) định nghĩa: *“Chương trình là bản thiết kế tổng thể cho một hoạt động đào tạo. Hoạt động đó có thể chỉ là một khoá học trong thời gian vài giờ, một ngày, một tuần hoặc vài năm. Bản thiết kế tổng thể đó cho ta biết nội dung cần đào tạo, chỉ rõ những gì có thể kỳ vọng ở người học sau khi kết thúc khoá học, nó phác hoạ qui trình thực hiện nội dung đào tạo, nó cũng cho ta biết các phương pháp đào tạo và cách thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập, và toàn bộ các vấn đề của bản thiết kế này được sắp xếp theo một thời gian biểu chặt chẽ”* [115]. Cùng quan điểm về chương trình, tác giả Raph Tyler cho rằng chương trình phải bao gồm 4 yếu tố cơ bản sau: 1)

Mục tiêu đào tạo; 2) Nội dung đào tạo; 3) Phương pháp hay qui trình đào tạo; và 4) Đánh giá kết quả đào tạo.

Còn tác giả Kelly cho rằng, bất luận định nghĩa thế nào về chương trình thì nó đều cần có 4 yếu tố cấu thành: 1) *Ý định của người xây dựng chương trình; 2) Qui trình thực hiện ý định đó; 3) Kinh nghiệm, kiến thức mà người dạy cung cấp cho người học trong khi thực hiện ý định của người thiết kế chương trình; và 4) Một sản phẩm phụ của chương trình giáo dục được thể hiện qua khả năng học tập “ẩn” của người học.* [42], [109]

Nghiên cứu các quan niệm, định nghĩa về chương trình giáo dục thì đa số nhiều tác giả đều có quan điểm đồng thuận với khái niệm của Tim Wentling, Raph Tyler và Kelly về chương trình giáo dục là: *“Chương trình giáo dục là bản thiết kế tổng thể được trình bày một cách có hệ thống cho một hoạt động giáo dục, đào tạo của một khoá học trong một khoảng thời gian xác định, và thể hiện 4 yếu tố sau: 1) Mục tiêu đào tạo được cụ thể hoá qua kết quả đào tạo (Learning outcomes); 2) Nội dung cần đào tạo (các môn học) và thời lượng của chương trình và mỗi môn học; 3) Qui trình và các phương pháp triển khai thực hiện nội dung đào tạo đã được qui định trong chương trình để đạt được mục tiêu đào tạo; và 4) Phương thức kiểm tra – đánh giá kết quả đào tạo”,* ngoài ra cần có hướng dẫn thực hiện chương trình”. [42], [109], [115]

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, chương trình trong lĩnh vực giáo dục là một khái niệm động, quan niệm về chương trình giáo dục được phát triển, mở rộng theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội, của khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông tin. Mục đích chính của chương trình giáo dục là góp phần tạo ra nguồn lực đáp ứng yêu cầu thị trường lao động ở các giai đoạn phát triển khác nhau của xã hội. Chương trình giáo dục cũng phải phát triển, cập nhật không ngừng để thực hiện được chức năng của mình.

Từ những phân tích nêu trên, đề tài cho rằng: Chương trình đào tạo được hiểu là bản kế hoạch được trình bày một cách có hệ thống toàn bộ hoạt động đào tạo với thời gian xác định trong đó mô tả mục tiêu (chuẩn đầu ra), nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học, cách thức đánh giá kết quả đào tạo (đổi chiếu với chuẩn đầu ra).

1.2.2. Căn cứ đổi mới nội dung chương trình môn học giáo dục thể chất.

Để xác định các vấn đề cần đổi mới trong chương trình môn GDTC tự chọn cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, đề tài đã tiến hành nghiên cứu các cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn. Cụ thể như sau:

Cơ sở pháp lý.

Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam sửa đổi năm 2013 tại Điều 37 đã quy định: *“Thanh niên được Nhà nước, gia đình và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân; đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc”*. [80]

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội năm 2011 - 2020, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần XI, năm 2011; [6]

Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 01 tháng 12 năm 2011 về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về TDTT đến năm 2020; [7]

Nghị quyết số 20-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 31 tháng 10 năm 2012 Hội nghị Trung ương lần thứ 6, khóa XI về phát triển khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; [9]

Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa XI về Đề án Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu

cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; [8]

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; [10]

Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ “Quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường”; [35]

Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ); [34]

Các văn bản triển khai có liên quan đến xây dựng chương trình môn học của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Cơ sở thực tiễn.

Chương trình môn học GDTC của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Bài học kinh nghiệm rút ra đối với xây dựng chương trình môn học GDTC của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Các tồn tại, hạn chế của chương trình môn học GDTC của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Thực trạng thể lực của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

1.2.3. Định hướng xây dựng chương trình môn học giáo dục thể chất.

Giáo dục thể chất và thể thao trường học là một mặt của Giáo dục toàn diện, góp phần quan trọng trong việc đào tạo con người mới có năng lực, trí tuệ, thể lực và sức khỏe tốt.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả GDTC và thể thao trường học là yêu cầu khách quan giúp thế hệ trẻ Việt Nam có sức khỏe, thể chất tốt, có kỹ năng cần thiết để hình thành lối sống lành mạnh, vận động tích cực suốt đời, đáp ứng yêu cầu “*Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao*” – một trong ba khâu đột phá của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 đã được xác định tại Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011) [6].

Trên cơ sở phân tích và tổng hợp các công trình nghiên cứu, đề tài xác định các định hướng đổi mới chương trình môn GDTC tự chọn cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp:

Đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành nghề đào tạo của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Đảm bảo chương trình môn học GDTC có sự mềm dẻo trong việc SV được tự chọn các môn thể thao. Đặc biệt đối với lớp sức khỏe yếu là lớp dành cho sinh viên có chỉ định của bác sỹ về tình trạng sức khỏe không đảm bảo cho việc hoạt động TDTT và sinh viên khuyết tật.

Tạo các yêu cầu về cấp độ đạt được với các kỹ năng thực hành của mỗi môn thể thao trong chương trình môn học GDTC tự chọn. Tối thiểu là 2 cấp độ (thể thao nâng cao) nhằm phát triển các sinh viên có khả năng đặc biệt đối với môn thể thao đó. Đây là các lớp thể thao làm nòng cốt cho các đội tuyển của Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Tạo tiền đề phát triển hoạt động thể thao ngoại khóa, nâng cao thể lực cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Cụ thể về đổi mới chương trình GDTC cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp như sau:

Tổ chức đánh giá chất lượng và hiệu quả thực hiện chương trình GDTC hiện hành và đề xuất đổi mới chương trình GDTC theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của SV;

Tổ chức xây dựng quy định về chương trình GDTC theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của SV;

Xây dựng chương trình GDTC chi tiết đảm bảo mục tiêu và thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Tổ chức biên soạn bộ tiêu chí kiểm tra, đánh giá chất lượng chương trình và kết quả thực hiện chương trình GDTC;

Tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng và kết quả thực hiện GDTC;

Xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, tự giác, rèn luyện và bồi dưỡng phẩm chất, năng lực và kỹ năng vận động cho SV;

Tổ chức tập huấn cho đội ngũ giảng viên TDTT về đổi mới phương pháp giảng dạy và cách kiểm tra, đánh giá kết quả GDTC và hoạt động thể thao của SV.

1.2.4. Cách tiếp cận xây dựng chương trình môn học giáo dục thể chất

Cách tiếp cận xây dựng chương trình môn học GDTC phản ánh quan điểm tổng quát bao gồm các cơ sở của một chương trình: cơ sở triết học, lịch sử, tâm lý học, lý luận dạy học và cơ sở xã hội học cũng như các nguyên lý về lý thuyết, thực hành của nội dung chương trình môn học GDTC.

Theo tác giả Nguyễn Đức Chính [36] thì trong quá trình phát triển chương trình giáo dục từ trước tới nay, các chuyên gia xây dựng chương trình thường dựa theo 3 cách tiếp cận sau đây:

- 1) Cách tiếp cận nội dung (The content approach).
- 2) Cách tiếp cận theo mục tiêu (The objective approach).
- 3) Cách tiếp cận quá trình (The process approach) hay cách tiếp cận phát triển (The development approach).

Mỗi cách tiếp cận đều thể hiện ưu điểm và đồng thời cũng bộc lộ những yếu điểm. Trong xây dựng chương trình môn học GDTC của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp được thực hiện theo cách tiếp cận phát triển.

Theo tác giả Nguyễn Đức Chính [36] thì cách tiếp cận phát triển (hay còn gọi là cách tiếp cận quá trình) cho giáo dục là sự phát triển, chương trình giáo dục được xem là quá trình (Curriculum as process and education as development). Giáo dục là sự phát triển với nghĩa là phát triển con người, phát triển mọi tiềm năng, kinh nghiệm của con người để giúp họ có thể làm chủ được bản thân, khẳng định được chính mình trong thực tế, đương đầu với mọi thử thách một cách chủ động, sáng tạo. Xây dựng chương trình theo cách tiếp cận phát triển chú trọng đến sự phát triển khả năng hiểu biết, tiếp thu ở người học hơn là truyền thụ khối lượng nội dung kiến thức đã được xác định từ trước. Chương trình theo cách tiếp cận này sẽ giúp người học phát triển được tối đa các tố chất sẵn có, phát huy được năng lực tiềm ẩn của họ, đây là sự khác biệt với quan điểm tiếp cận theo mục tiêu với nét đặc trưng là cứng nhắc, khuôn mẫu.

Theo cách tiếp cận này với quan điểm là giáo dục là phát triển, còn chương trình đào tạo là quá trình, thì việc tổ chức xây dựng chương trình chú trọng nhiều đến khía cạnh nhân văn của chương trình đào tạo, của đối tượng đào tạo với nhu cầu, sở thích hứng thú riêng, và đây cũng được xem là xuất phát điểm của việc xây dựng chương trình. Xây dựng chương trình theo cách tiếp cận phát triển tạo ra lý thuyết về phương pháp dạy - học chủ động “lấy người học làm trung tâm”. Trong đó, vai trò người thầy chuyển thành người hướng dẫn, người học được rèn luyện cách tự học, tự phát hiện và giải quyết vấn đề, tự điều chỉnh quá trình đào tạo với sự giúp đỡ của người thầy.

Nhiều chuyên gia giáo dục cho rằng cách tiếp cận này có nhiều ưu điểm hơn so với cách tiếp cận theo nội dung và mục tiêu vì chương trình xây dựng theo cách tiếp cận phát triển giúp hình thành ở người học tính chủ động, và chú trọng đến sự phát triển nhân cách, tính sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề trong tình huống thực của cuộc sống của người học.

1.3. Nguyên tắc xây dựng nội dung chương trình môn học

1.3.1. Nguyên tắc xây dựng nội dung chương trình môn học

Để xác định được các nguyên tắc xây dựng nội dung chương trình môn học, đề tài bước đầu đã tiến hành phân tích và tổng hợp các công trình nghiên cứu và tài liệu có liên quan đến xây dựng nội dung chương trình môn học. Đặc biệt là các nguyên tắc xây dựng nội dung chương trình môn học. Các công trình nghiên cứu của các tác giả như: Trần Khánh Đức [42], Trần Hữu Hoan [53], Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức [54], Nguyễn Mai Hương [57], Nguyễn Công Khanh [59], Lưu Xuân Mối [68]. Kết quả phân tích và tổng hợp các công trình nghiên cứu nêu trên đã cho phép đề tài bước đầu đi đến một số nhận xét và thống nhất như sau:

Trong khi thiết kế xây dựng chương trình môn học GDTC, cần tập trung trả lời hai câu hỏi chính sau đây: Dạy cái gì? Nội dung dạy theo trình tự như thế nào? Hay chính là hai vấn đề: Lựa chọn những nội dung nào để đưa vào chương trình; và những nội dung đó được sắp xếp dạy theo trình tự nào. Hai vấn đề này không có gì mới đối với người xây dựng chương trình và người truyền tải chương trình tới người học, nhưng cần có sự thống nhất rõ ràng trong khi xây dựng và thực hiện chương trình môn học GDTC tự chọn cho SV. Để lựa chọn được nội dung cho chương trình môn học GDTC tự chọn thực sự đáp ứng nhu cầu của người học, của chuyên ngành đào tạo, và sắp xếp nội dung đó theo trình tự hợp lý, phù hợp với điều kiện, xem xét một số nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1. Đảm bảo mục tiêu của môn học giáo dục thể chất.

Tham khảo một số chương trình môn học giáo dục thể chất tự chọn của một số ngành đào tạo tại các cơ sở khác nhau, tác giả nhận thấy một nhược điểm khá rõ nét và phổ biến là đa số phần mục tiêu môn học GDTC được viết còn rất chung chung, chưa xác định cụ thể các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng (đặc biệt về kỹ năng thực hành và thể lực chưa thấy xuất hiện trong phần mục tiêu môn học), về thái độ của sinh viên sau khi học xong môn học GDTC. Song có thể

nói, mục tiêu là cơ sở quan trọng đầu tiên cần được xem xét rất kỹ lưỡng. Xác định mục tiêu chung môn học GDTC trước hết phải dựa trên cơ sở mục tiêu đào tạo của ngành, chuyên ngành đào tạo đó (chuẩn đầu ra của ngành đào tạo). Từ mục tiêu chung của môn học GDTC, cần xác định mục tiêu cụ thể của từng phần nội dung (chương, mục), xác định mục tiêu cụ thể thuộc từng lĩnh vực nhận thức, kỹ năng, và thái độ, thậm chí cần xác định mục tiêu cụ thể thuộc thứ bậc nào. Phải dạy những nội dung kiến thức gì để đạt được những mục tiêu cụ thể đó?

Nguyên tắc 2. Tính hiện thực và khả thi.

Cần xem xét đến những vấn đề đưa vào chương trình dạy có thực sự phù hợp với mục tiêu đã đề ra chưa? Và trong điều kiện về giảng viên GDTC, HLV, học liệu, công trình TDDT của cơ sở đào tạo, khoa thì các nội dung đó có khả năng thực hiện được hay không? Các nội dung chương trình đã bao trùm các mục tiêu môn học đã đề ra hay chưa. Nội dung được lựa chọn để dạy không có khả năng thực hiện trong điều kiện cụ thể thì coi như mục tiêu đề ra chưa đạt được.

Nguyên tắc 3. Tính hiện đại (cập nhật) và hữu ích.

Đây là một trong những yêu cầu quan trọng để xây dựng, bổ sung chỉnh sửa chương trình môn học GDTC tự chọn hằng năm hoặc định kỳ đối với cơ sở đào tạo. Nội dung kiến thức lạc hậu, kỹ năng đã trang bị ở bậc học dưới cần được loại bỏ và bổ sung các nội dung kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo mới để theo kịp với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ và biến đổi mạnh mẽ của nhu cầu tập luyện TDDT thường xuyên của sinh viên. Song đây là vấn đề không hề dễ, và luôn được tranh luận và cần có những chứng minh thuyết phục. Mặt khác, những nội dung chúng ta muốn cung cấp cho sinh viên đã thực sự hữu ích cho công việc của họ sau khi ra trường, và tạo tiềm năng theo đuổi tập luyện TDDT thường xuyên và phát huy năng lực của họ sau này hay chưa? Thực sự đây là câu hỏi không dễ để tìm ra câu trả lời. Làm được việc này, cần có sự phân tích tình hình, khảo sát nhu cầu và tham khảo ý kiến của người học về tập luyện TDDT thường xuyên.

Nguyên tắc 4. Mối quan hệ với các môn học khác trong chương trình.

Để tránh sự trùng lặp về nội dung kiến thức, việc xem xét chương trình môn học đang được xây dựng hay chỉnh sửa bổ sung trong mối quan hệ với các môn học khác trong chương trình đào tạo là rất cần thiết. Đặc biệt là xem xét đối với từng cấp độ của từng nội dung tự chọn như: bóng đá, bóng rổ, cầu lông. Mức độ khác biệt của mỗi cấp độ môn học GDTC tự chọn cần gắn liền với các điều kiện tập luyện và đòi hỏi kỹ năng, kỹ xảo động tác ở mức độ cao hơn. Điều này đòi hỏi người xây dựng chương trình môn học phải có cái nhìn xem xét tổng thể toàn bộ chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành nói chung và môn học GDTC nói riêng. Đặc biệt là mối quan hệ giữa các môn GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ...) với nhu cầu tập luyện ngoại khóa của sinh viên và mức độ đáp ứng của công trình TĐTT. Việc xem xét mối quan hệ giữa các môn học GDTC và hoạt động ngoại khóa sẽ giúp người xây dựng chương trình môn học không chỉ tránh được sự trùng lặp, mà còn chỉ ra được môn học tiên quyết, đồng thời đảm bảo được tính hệ thống, trình tự và lôgic của toàn bộ chương trình môn học GDTC.

Sau khi đã lựa chọn được môn học GDTC tự chọn để đưa vào chương trình đào tạo nói chung, lựa chọn được nội dung cần dạy trong chương trình môn học cụ thể (bóng đá, bóng rổ), việc tiếp theo là cần sắp xếp nội dung dạy theo trình tự hợp lý và đảm bảo tính sư phạm của chương trình.

Theo Tim Wentling (1993) [115] và một số nhà giáo dục khác cho rằng cần phải tuân theo một số nguyên tắc cơ bản sau đây khi bố trí nội dung đào tạo thành bài giảng cụ thể:

Từ đơn giản đến phức tạp: Do nhận thức của con người thường bắt đầu nhận thức từ cái đơn giản, dễ hiểu trước, sau đó dần lên những vấn đề phức tạp hơn, do vậy việc sắp xếp các nội dung dạy cần phải phù hợp với mức độ tư duy, nhận thức của người học. Mặt khác, cái phức tạp được cấu thành từ nhiều vấn đề

đơn giản hơn, do vậy việc bố trí trình tự các nội dung dạy trong chương trình từ đơn giản đến phức tạp, từ cái dễ hiểu đến cái khó là hợp lý và lôgic.

Từ cái chung đến cái riêng: Trình bày nội dung kiến thức theo trình tự từ cái chung đến cái riêng, từ tổng quát đến cái cụ thể sẽ giúp cho sinh viên tiếp nhận được kiến thức dễ dàng, tự nhiên và có tính hệ thống hơn. Trường hợp ngược lại, bố trí từ cái riêng đến cái chung, cái tổng quát sẽ dễ dẫn đến sự lộn xộn và mất tính hệ thống. Chẳng hạn, trong khi thuyết trình bài giảng, nếu người dạy cung cấp cho sinh viên một bức tranh tổng quát về nội dung bài dạy thì sẽ định hướng được cho sinh viên sẽ tiếp thu được nội dung gì trong bài dạy và sẽ thu hút được sự chú ý của sinh viên. Trên cơ sở đó người dạy sẽ dễ khai thác, phân tích từng phần của nội dung và sẽ không bỏ sót phần nội dung hoặc ý nội dung. Việc sắp xếp nội dung chương trình còn có thể dựa trên cơ sở từ quan sát đến lý luận, đảm bảo tính tích hợp, và tính thống nhất.

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng các nguyên tắc cơ bản nêu trên cần được tuân thủ theo các nguyên tắc về phương pháp GDTC. Vì GDTC không chỉ đơn thuần là một quá trình sư phạm mà còn là quá trình sư phạm đặc biệt. Vì vậy, chương trình môn học GDTC cần tuân thủ các nguyên tắc đề ra trong lý luận và phương pháp TDDT.

1.3.2. Nguyên tắc về phương pháp giáo dục thể chất.

Sau khi xác định được các nguyên tắc chung trong xây dựng chương trình môn học, đề tài đã tiến hành xác định các nguyên tắc có liên quan đến xây dựng chương trình môn học GDTC. Vì GDTC thực chất là một quá trình sư phạm đặc biệt. Để xác định được các nguyên tắc xây dựng nội dung chương trình môn học, đề tài bước đầu đã tiến hành phân tích và tổng hợp các công trình nghiên cứu và tài liệu có liên quan khoa học TDDT. Đặc biệt là các cơ sở lý luận và phương pháp TDDT nói chung và trường học nói riêng. Các công trình nghiên cứu của của các tác giả như: Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền [46], Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao

Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý [49], Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên [50], Thế Hữu [58], Lê Văn Lãm, Vũ Đức Thu [63], Lê Văn Lãm, Phạm Trọng Thanh [64], V.P.Philin [76], Nguyễn Văn Thời [91], Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn [94], Đồng Văn Triệu [95], Vũ Đức Văn [100], Võ Văn Vũ [103]. Kết quả phân tích và tổng hợp các công trình nghiên cứu nêu trên đã cho phép đề tài bước đầu đi đến một số nhận xét và thống nhất như sau về các nguyên tắc giáo dục thể chất:

Những nguyên lý chung nhất xác định toàn bộ phương hướng và tổ chức hoạt động GDTC là phát triển cân đối, toàn diện con người, giáo dục phải liên hệ với thực tiễn lao động, quốc phòng và nâng cao sức khỏe. Các nguyên tắc về phương pháp GDTC bao gồm:

- 1) Nguyên tắc tự giác và tích cực.
- 2) Nguyên tắc trực quan.
- 3) Nguyên tắc thích hợp và cá biệt hóa.
- 4) Nguyên tắc hệ thống.
- 5) Nguyên tắc tăng dần yêu cầu.

Mặc dù đây là những nguyên tắc cơ bản về phương pháp GDTC, đồng thời có sự phân tách riêng lẻ thành những nguyên tắc cụ thể. Song trong quá trình xây dựng chương trình môn học thì chúng vẫn phải được đảm bảo và liên hệ chặt chẽ với nhau. Mỗi một nguyên tắc là tiền đề để thực hiện các nguyên tắc khác của GDTC, song cũng là tiền đề để xây dựng nội dung chương trình môn học GDTC theo mức độ tăng dần về yêu cầu, lượng vận động, kỹ năng đối với người học ở từng cấp độ chương trình môn học.

Không một nguyên tắc nào kể trên được loại trừ, chương trình môn học TDTT khi xây dựng cần có sự quán triệt thống nhất các nguyên tắc về phương pháp GDTC mới mong đạt được hiệu quả lớn nhất trong thực tiễn GDTC cho sinh viên bậc đại học.

Với mục tiêu của đề tài nhằm xây dựng được các chương trình môn học GDTC tự chọn là bóng rổ và bóng đá, chúng tôi đã tham khảo các tài liệu về ứng dụng các nguyên tắc về phương pháp GDTC trong môn bóng rổ và bóng đá. Kết quả phân tích và tổng hợp các giáo trình bóng rổ của tác giả Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Quốc Quân, Phạm Văn Thảo [97], và bóng đá của tác giả Trần Đức Dũng [40] cho thấy: giảng dạy môn bóng rổ và bóng đá vừa chịu sự chi phối của các quy luật giáo dục chung vừa chịu sự chi phối của các quy luật hình thành kỹ năng kỹ xảo trong thể thao. Các quy luật này được thể hiện trong các nguyên tắc giảng dạy, bởi vậy để đạt hiệu quả cao trong giảng dạy phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc sau:

(1) Nguyên tắc tự giác tích cực.

Nguyên tắc này đòi hỏi phải hình thành ý thức tự giác và hiểu rõ mục đích của việc tập luyện làm cho người tập tham gia một cách tự giác tích cực vào quá trình học tập và biết tự kiểm tra đánh giá những hoạt động và kết quả tập luyện.

Để đảm bảo tính tự giác tích cực trong tập luyện phải thực hiện các yêu cầu sau:

Giải thích mục đích ý nghĩa của mỗi bài tập và phương thức thực hiện bài tập đó.

Tự tìm ra những nguyên nhân thành công và sai lầm (học tập có suy nghĩ).

Nhận xét và đánh giá khách quan các thành tích đạt được.

Giao cho các bài tập để tự tập luyện.

(2) Nguyên tắc hệ thống và liên tục.

Thực hiện nguyên tắc hệ thống trong giảng dạy tức là tuân thủ trình tự hợp lý trong nội dung giảng dạy trong việc áp dụng các phương tiện, phương pháp giáo dục thể chất trong khi tổ chức và tiến hành học tập. Để đảm bảo nguyên tắc hệ thống phải thực hiện các quy tắc sau:

Phải lập kế hoạch cho toàn bộ quá trình tập luyện, xác định trình tự cho các buổi tập và nội dung tập luyện.

Thường xuyên đánh giá kết quả quá trình tập luyện.

Đảm bảo tập luyện thường xuyên liên tục tránh nghỉ tập không có lý do.

Xác định trình tự bài tập và nội dung trong buổi tập đúng đắn.

Đi đôi với việc lặp lại bài tập cần đa dạng hoá các phương tiện tác động (bài tập, phương pháp, điều kiện ngoại cảnh)

(3) Nguyên tắc trực quan.

Các cơ quan thụ cảm (thính giác, thị giác) có vai trò rất quan trọng trong việc tiếp thu động tác... Thông qua các cơ quan này người học hình thành được trong tư duy hình ảnh của động tác. Trong mỗi giai đoạn tập luyện trực quan có vai trò khác nhau. Để đảm bảo nguyên tắc trực quan cần phải tuân thủ các quy tắc sau:

Xác định nội dung, nhiệm vụ học tập cần phải được giải quyết bằng phương tiện trực quan.

Thông qua các giác quan tạo cho người tập khái niệm được toàn bộ động tác.

Sử dụng hợp lý các phương tiện trực quan.

Sử dụng phương tiện trực quan theo trình độ và lứa tuổi. Trình độ và lứa tuổi càng thấp càng nên áp dụng rộng rãi phương tiện trực quan.

(4) Nguyên tắc dễ hiểu, dễ tiếp thu, vừa sức.

Nguyên tắc này đòi hỏi sự lựa chọn và bố trí các bài tập hợp lý theo độ khó và chú ý đến lứa tuổi, giới tính và đặc điểm cá nhân của người học. Nguyên tắc này được thể hiện ở tất cả các thành phần của quá trình giảng dạy: làm mẫu, giải thích, sử dụng tài liệu, lượng vận động... Nguyên tắc vừa sức đòi hỏi tuân thủ các quy tắc sau:

Thực hiện đúng chương trình tập luyện và các tiêu chuẩn về phương tiện.

Chú ý đến lứa tuổi và đặc điểm cá nhân.

Tuân thủ các quy tắc “từ biết đến chưa biết”, “từ dễ đến khó”, “từ đơn giản đến phức tạp”.

(5) Nguyên tắc bền vững.

Nguyên tắc bền vững là bảo đảm duy trì các kỹ năng và khả năng làm việc thu được trong quá trình lâu dài hoặc thay đổi trong sự hạn định trước để khi chuyển động tác thì động tác cũ không bị phá vỡ. Thực hiện nguyên tắc bền vững phải tuân thủ các quy tắc sau:

Không nên vội chuyển sang động tác mới.

Không nên làm tăng độ khó bài tập bằng các động tác mới.

Đưa vào buổi tập những bài tập hoặc những yếu tố đã nắm vững từ trước kết hợp với các yếu tố mới hoặc các dạng mới.

Nâng cao dần cường độ và khối lượng bài tập.

Đánh giá người học một cách khách quan và theo định kỳ.

Nghỉ ngơi hợp lý giữa các bài tập.

Các nguyên tắc giảng dạy trên được phân định chỉ có ý nghĩa tương đối. Các nguyên tắc giảng dạy có sự liên quan chặt chẽ với nhau bởi vì trong quá trình giảng dạy sẽ chịu tác động của nhiều yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Để đạt được hiệu quả trong giảng dạy phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc giảng dạy và kết hợp chặt chẽ các nguyên tắc này trong một thể thống nhất.

1.3.3. Các nguyên lý tổ chức huấn luyện cho giờ học

Hiệu quả của quá trình huấn luyện có thể được bảo đảm trên cơ sở của một cấu trúc nhật định, đó là một trật tự tương đối ổn định liên kết các yếu tố của quá trình huấn luyện, trình tự chung và tương quan có tính quy luật của chúng. Dưới đây sẽ phân tích tóm tắt các nguyên lý tổ chức huấn luyện cho SV.

Kết quả phân tích và tổng hợp các nguồn tài liệu của các tác giả V.P Philin [76], Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn [94], Đồng Văn Triệu [95] chúng tôi rút ra được các nguyên lý tổ chức huấn luyện cho SV trong các buổi tập luyện thể thao.

Các buổi tập luyện thể thao của SV được xây dựng theo các quy luật chung về tổ chức các giờ học giáo dục thể chất. Hiệu quả của chúng phụ thuộc đáng kể vào việc tổ chức hợp lý, bảo đảm mật độ cần thiết của các buổi tập, lựa chọn liều lượng vận động tối ưu, tính toán đầy đủ các đặc điểm cá nhân của SV. Tùy thuộc vào tín chỉ nâng cao và các nhân tố nêu trên, có thể có các hình thức tổ chức tập luyện khác nhau: tập theo nhóm, tập cá nhân riêng lẻ, tập đồng loạt và tự tập. Với hình thức tập luyện theo nhóm sẽ có những điều kiện tốt để tạo nên không khí thi đua trong quá trình tập luyện, sự giúp đỡ lẫn nhau của các SV khi thực hiện bài tập. Hình thức tập luyện cá nhân riêng lẻ các SV sẽ nhận nhiệm vụ và tự thực hiện. Hình thức này có ưu điểm là tạo điều kiện tối ưu để định liều lượng vận động riêng cho cá nhân, giáo dục cho SV tính tự chủ, thái độ sáng tạo trong tập luyện. Với hình thức tập luyện đồng loạt, một nhóm SV đồng thời thực hiện cùng một bài tập. Trong trường hợp này giảng viên có khả năng thực hiện việc chỉ đạo chung đối với nhóm tập và đối xử cá biệt với từng người tập. Một trong những hình thức của quá trình huấn luyện là các buổi tự tập thể dục buổi sáng, các buổi tập cá nhân theo nhiệm vụ của giảng viên giao (toàn bộ bài tập, trình tự thực hiện chúng, tài liệu về phương pháp cần thiết).

Trong quá trình giảng dạy - huấn luyện, người ta phân biệt các buổi huấn luyện thể lực chung và các buổi huấn luyện chuyên môn mà nhiệm vụ chủ yếu của chúng là ưu tiên huấn luyện thể lực chuyên môn, kỹ thuật, chiến thuật. Một buổi huấn luyện bao gồm 3 phần: chuẩn bị, cơ bản, kết thúc. Nội dung cụ thể của mỗi phần do các đặc điểm của buổi tập trong môn thể thao lựa chọn qui định.

Nhiệm vụ của phần chuẩn bị là tổ chức lớp thành đội ngũ, báo cáo, thông báo nhiệm vụ của buổi tập... Vị trí trung tâm trong phần chuẩn bị là chuẩn bị về chức năng cho cơ thể người tập cho hoạt động chủ yếu sắp tới thông qua các bài tập có định lượng và với thời gian ngắn. Việc lựa chọn các phương tiện cho phần chuẩn bị của buổi tập tùy thuộc vào đặc điểm môn thể thao, nhiệm vụ và nội dung của phần cơ bản. Thời gian của phần chuẩn bị thường kéo dài khoảng 30-40 phút.

Trong huấn luyện các vận động viên, phần chuẩn bị của buổi tập được thay bằng khởi động - đó là tập hợp các bài tập được lựa chọn chuyên môn cho VĐV thực hiện nhằm mục đích chuẩn bị cho cơ thể đối với hoạt động sắp tới. Khởi động có tác dụng làm nâng cao các khả năng chức năng của cơ thể VĐV, tạo điều kiện để biểu hiện khả năng hoạt động cực đại. Khởi động bao gồm 2 phần là “làm nóng” cơ thể và điều chỉnh cơ thể để phù hợp với hoạt động thể thao sắp tới. Nhiệm vụ của phần đầu khởi động là nâng cao khả năng hoạt động chung của VĐV chủ yếu bằng cách tăng cường hoạt động các chức năng thực vật của cơ thể. Nhiệm vụ phần thứ hai của khởi động là chuẩn bị cho VĐV bước vào thực hiện bài tập đầu tiên của phần cơ bản, “điều chỉnh” cho phù hợp để thực hiện những bài tập đặc thù đối với môn thể thao và chiếm vị trí chủ yếu trong phần cơ bản của buổi tập. Thời gian khởi động tối thiểu là 25-30 phút.

Nội dung của khởi động trước thi đấu về cơ bản cũng giống như trước buổi huấn luyện, song việc tiến hành khởi động trước thi đấu có những đặc điểm riêng. Nó được bắt đầu trước khi thi đấu từ 60-80 phút và thường gồm 3 phần: “làm nóng cơ thể” và điều chỉnh cho hoạt động sắp tới; dừng lại nghỉ và chuẩn bị ra vị trí thi đấu; điều chỉnh lần cuối cùng tại vị trí thi đấu.

Việc giải quyết các nhiệm vụ phức tạp nhất của buổi tập được thực hiện trong phần cơ bản. Đặc điểm của phần này là có lượng vận động về thể lực và tâm lý cao nhất, đạt mức cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ hoàn thiện tất cả các mặt của quá trình giảng dạy – huấn luyện. Khi lập kế hoạch và thực hiện phần cơ bản của buổi tập, cần tuân thủ các quy tắc sau: các nhiệm vụ huấn luyện kỹ thuật thường được giải quyết trong 1/3 thời gian đầu của phần cơ bản khi mà SV còn đang trong trạng thái sẵn sàng tối ưu để tiếp nhận những yếu tố mới của kỹ thuật thể thao. Lượng vận động lớn nhất được thực hiện trong 1/3 thời gian thứ hai của phần cơ bản và sau đó dần dần được giảm đi ở 1/3 thời gian cuối cùng. Các buổi tập tổng hợp giải quyết song song một vài nhiệm vụ có tác động toàn diện và đáng kể lên cơ thể người tập.

Trình tự áp dụng các bài tập có hướng ưu tiên khác nhau trong phần cơ bản của buổi tập có thể như sau: đầu tiên thực hiện các bài tập phát triển sức nhanh; sau đó các bài tập nhằm phát triển sức mạnh; các bài tập nâng cao khả năng phối hợp động tác thường được thực hiện vào đầu phần cơ bản của buổi tập; các bài tập mềm dẻo thường được luân phiên với những bài tập khác (đặc biệt với các bài tập sức mạnh và tốc độ - sức mạnh). Trong phần cơ bản có thể sử dụng cả những bài tập chuẩn bị, bài tập cơ bản và những dạng bài tập khác. Thời gian của phần cơ bản kéo dài 80-90 phút.

Phần kết thúc buổi tập bảo đảm việc giảm dần lượng vận động, tạo điều kiện cần thiết nhất định cho hoạt động tiếp sau, tổng kết buổi tập. Nội dung chủ yếu của phần kết thúc: thực hiện các bài tập không phức tạp với cường độ giảm dần; các bài tập đội ngũ. Thời gian phần kết thúc buổi tập khoảng 8-10 phút.

Hướng ưu tiên của buổi tập, các nhiệm vụ, phương tiện, phương pháp, độ lớn và tính chất của lượng vận động trong buổi tập được xác định theo kế hoạch giảng dạy - huấn luyện hàng tuần.

Thời gian kéo dài của buổi tập ở bậc đại học phụ thuộc vào năm học, môn thể thao, lứa tuổi, trình độ SV và các nhiệm vụ huấn luyện. Thời gian tiến hành các buổi tập trong ngày được bố trí tùy thuộc vào các điều kiện huấn luyện, chế độ học tập và nghỉ ngơi của SV. Giảng viên cần phải theo dõi để thời gian các buổi tập càng ổn định càng tốt, vì thay đổi chế độ tập luyện thường đi đôi với sự suy giảm khả năng hoạt động của SV, làm xấu đi quá trình hồi phục sau lượng vận động tập luyện và điều đó gây ảnh hưởng xấu đến hiệu quả tập luyện.

1.4. Đánh giá chương trình môn học giáo dục thể chất

1.4.1. Định nghĩa đánh giá chương trình giáo dục

Mechrers và Lehmann (1975) cho rằng kiểm tra, đánh giá là giải thích và miêu tả thành tích học tập của sinh viên. [111]

Quan niệm của tác giả Đặng Bá Lãm [61], [62] về kiểm tra và đánh giá như sau:

Kiểm tra (Assessment) là quá trình xác định mục đích, nội dung, lựa chọn phương pháp, tập hợp số liệu, bằng chứng để xác định mức độ đạt được của người học trong quá trình học tập, rèn luyện và phát triển. Kiểm tra bao gồm việc xác định điều cần kiểm tra, công cụ kiểm tra và sử dụng kết quả kiểm tra, tức là đánh giá. Vì vậy cũng có khi người ta viết liền nhau “kiểm tra - đánh giá”, hoặc chỉ nói đánh giá thì cũng đã bao hàm cả kiểm tra.

Kiểm tra và đánh giá là hai công việc có thứ tự hoặc đan xen nhằm miêu tả thành tích học tập rèn luyện của sinh viên.

Có tác giả cho rằng kiểm tra - đánh giá là sự miêu tả một vài đặc trưng của một số người nào đó hoặc về một vài vấn đề gì đó... có nghĩa là mô tả những đặc trưng về sinh viên, về chương trình, về nội dung, về phương pháp, về phương tiện cũng như những đặc trưng về quản lý quá trình dạy - học.

Kiểm tra - đánh giá cũng có nghĩa là sự phán định. Thông thường đó là giảng viên phán định về sinh viên.

Sự phán định (Judgment) nghĩa là xem xét một công việc, một kết quả, một bằng chứng về thành tích rồi đem nó so sánh với các tiêu chí (tường minh hay không tường minh) để định giá trị.

Đánh giá (Evaluation).

Đánh giá mang đến cho ta ý nghĩa như là sự phán định hàm chứa các mặt kết quả, hiệu quả, hiệu suất của việc đào tạo trong trường đại học thể hiện qua sự phát triển sinh viên.

Đánh giá là một quá trình có hệ thống bao gồm việc thu thập, phân tích, giải thích thông tin nhằm xác định mức độ người học đạt được các mục tiêu dạy học (trả lời câu hỏi: Tốt như thế nào?).

Người ta còn định nghĩa đánh giá là quá trình làm cho rõ mức độ thích hợp của đối tượng được đánh giá so với các mục tiêu đề ra.

Đánh giá có ý nghĩa của sự phân định giá trị. Do vậy sự phân định này luôn luôn đi đến quyết định, quyết định để thay đổi, quyết định để cải tiến.

Có thể mô tả các khâu đó bằng một chu trình thuận chiều kim đồng hồ để điều khiển một quá trình thực hiện công việc, trong đó tiếp theo việc đánh giá là xác định các nguyên nhân, quyết định biện pháp, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện...

Mặc dù khó có thể đưa ra một định nghĩa hoàn chỉnh về đánh giá chương trình giáo dục, nhưng cũng có thể tạm xác định một cách tiếp cận về đánh giá chương trình giáo dục như sau: “Đánh giá chương trình giáo dục là một quá trình thu thập các cứ liệu để có thể quyết định, chấp thuận, sửa đổi hay loại bỏ chương trình giáo dục đó” (A.C. Orstein, F.D. Hunkins 1998) [104]. Đánh giá chương trình giáo dục nhằm phát hiện xem chương trình giáo dục được thiết kế, phát triển và thực hiện đó có tạo ra hay có thể tạo ra những sản phẩm mong muốn hay không? Đánh giá giúp xác định điểm mạnh, điểm yếu của chương trình giáo dục trước khi đem ra thực hiện, hoặc để xác định hiệu quả của nó khi đã thực hiện qua một thời gian nhất định.

1.4.2. Nguồn thông tin để đánh giá chương trình giáo dục

Đánh giá chương trình giáo dục là một hoạt động tập thể. Sự hợp tác này cần thiết trong toàn bộ quá trình đánh giá và bao trùm toàn bộ các hoạt động của chương trình giáo dục, bắt đầu từ lập kế hoạch đánh giá, lựa chọn công cụ và mô hình đánh giá, đến việc thực hiện các giai đoạn trong quá trình đánh giá [2], [42].

Trong hoạt động đánh giá chương trình giáo dục của một cơ sở đào tạo thì giảng viên, người quản lí, cán bộ đánh giá chuyên trách và cả sinh viên cùng với cha mẹ họ cần hợp tác để xác định những gì cần đánh giá trong chương trình giáo dục. Họ hợp tác để thu thập và sử lí dữ liệu. Các kết luận đánh giá không phải do một người, hay nhóm người thực hiện riêng rẽ, và cũng không đánh giá từng bộ phận của chương trình giáo dục. Thông thường chương trình giáo dục

được đánh giá một cách tổng thể và là quyết định của cả tập thể những người có liên quan.

Hilda Taba [107] chỉ ra rằng: sở dĩ cần có sự đánh giá tập thể đối với một chương trình giáo dục vì chỉ nỗ lực tập thể mới cho phép tất cả những người có liên quan dựng lên bức tranh toàn cảnh về chương trình giáo dục. Thí dụ, người dạy viên làm việc với nhau để cung cấp bằng chứng về hiệu quả của chương trình giáo dục đối với các loại sinh viên khác nhau. Nếu họ làm việc đơn độc, họ chỉ có thể nói về sinh viên của họ, còn nếu họ hợp tác với nhau, họ có thể cung cấp thông tin về hiệu quả chương trình giáo dục đối với các loại sinh viên khác nhau.

Sinh viên.

Với tư cách là người học chủ động, sinh viên là người có trách nhiệm tham gia đánh giá không chỉ quá trình học tập của bản thân, mà còn đánh giá cả chương trình giáo dục. Sinh viên làm việc với giảng viên trên lớp, với ban đánh giá chương trình giáo dục để xác định giá trị và hiệu quả của từng bộ phận cấu thành của chương trình giáo dục.

Sinh viên cần tham gia vào quá trình đánh giá chương trình và cả việc đánh giá việc học tập của bản thân. Khi sinh viên tham gia như vậy thì ý thức của họ cũng được nâng lên, họ tự tin hơn trong việc lựa chọn con đường sống vừa được xã hội thừa nhận, vừa có ý nghĩa với bản thân.

Sinh viên cần có vai trò lớn hơn trong việc xác định quá trình đánh giá nào cần áp dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động học tập của họ. Những năm gần đây nhiều trường cho xây dựng hồ sơ học tập của từng sinh viên bao gồm toàn bộ tài liệu liên quan tới việc học của sinh viên đó, trong đó có cả những đề nghị của sinh viên nhằm đạt hiệu quả học tập tốt nhất.

Giảng viên.

Giảng viên là người có vai trò quan trọng nhất trong đánh giá chương trình giáo dục. Thông qua việc ghi chép kết quả học tập của sinh viên đối với những phần khác nhau của chương trình giáo dục, thông qua việc so sánh kết

quả đó với các lớp khác, giảng viên có thể có những đóng góp quan trọng trong quá trình đánh giá chương trình giáo dục.

Cán bộ đánh giá chuyên trách.

Mặc dù đánh giá chương trình giáo dục là một hoạt động hợp tác của nhiều bên có liên quan, song nên có một bên quán xuyến toàn bộ hoạt động đánh giá - đó là cán bộ đánh giá chuyên trách. Cán bộ đánh giá nên là biên chế cơ hữu của bộ phận phát triển chương trình giáo dục của trường. Việc này có lợi thế là cán bộ đánh giá biết hệ thống tổ chức, mục tiêu của trường, các kết luận đánh giá dễ được chấp nhận hơn, giá thành rẻ hơn là đánh giá từ bên ngoài. Tuy nhiên đánh giá trong cũng có nhiều bất lợi. Cán bộ đánh giá trong ít khi muốn viết bài báo cáo mang tính phê phán, hơn nữa người đó còn có nhiều việc khác nên khó có thể chuyên tâm vào việc đánh giá. Nhưng dù sao kinh nghiệm của cán bộ đánh giá trong cũng cần được coi trọng như cán bộ đánh giá ngoài.

Cán bộ đánh giá là một thành viên của đội đánh giá và hoạt động như một quan sát viên nhằm giúp thu thập thông tin để cung cấp cho việc ra quyết định.

Về mặt lý thuyết cán bộ đánh giá hoạt động như tai mắt của việc ra quyết định. Với chức năng này cán bộ đánh giá qua quan sát cung cấp dữ liệu về việc chương trình giáo dục đang hoạt động thế nào trong trường. Cán bộ đánh giá là một nhân vật hỗ trợ cho sự phát triển và thực thi chương trình giáo dục.

Tư vấn (đánh giá ngoài).

Nhiều trường hợp chương trình giáo dục được đánh giá bởi các chuyên gia bên ngoài trường. Một số nhà quản lý giáo dục cho rằng đối với các chương trình giáo dục mới cần được đánh giá từ bên ngoài, bởi lẽ với trình độ chuyên môn giỏi lại không bị “bệnh nghề nghiệp” chi phối, họ sẽ có được những đánh giá trung thực, khách quan. Tuy nhiên, đôi khi đánh giá ngoài cũng bị coi là kẻ ngoại đạo, ngáng đường quá trình đánh giá.

Đánh giá hiệu quả ngoài (outcomes assessment).

Một trong những nguồn thông tin quan trọng trong quá trình đánh giá chương trình giáo dục là các bằng chứng được thu thập một cách hệ thống thông qua hoạt động của sinh viên ngoài chương trình chính khoá. Đó là các hoạt động xã hội tự nguyện, các cơ hội học tập khác phù hợp với mục tiêu đào tạo, các công trình nghiên cứu, các dự án [42].

Thông thường hoạt động đánh giá hiệu quả ngoài được tiến hành thông qua sinh viên năm cuối và sinh viên đã tốt nghiệp đang làm việc ở một cơ sở sản xuất kinh doanh, hoặc đang học tập sau đại học.

Đối với sinh viên năm cuối hoạt động đánh giá ngoài thường được dựa trên môn học (course) đã được học trong chương trình giáo dục. Trên cơ sở của môn học sinh viên thiết kế một dự án, viết một bài tập lớn hoặc thực hiện một đề tài nghiên cứu. Thí dụ, sinh viên sư phạm có thể thiết kế một chương trình giảng dạy môn học từ xây dựng mục tiêu môn học, lịch trình giảng dạy, đề cương bài giảng, phương thức kiểm tra - đánh giá kết quả môn học... Còn sinh viên khoa lịch sử có thể tham gia nghiên cứu và khôi phục lịch sử của một làng, một ngôi chùa, một dòng họ... sinh viên khoa Quản trị kinh doanh có thể xây dựng một dự án hợp tác sản xuất kinh doanh về một ngành nào đó với nước ngoài...

Qua việc thực hiện các hoạt động nêu trên, sinh viên năm cuối có thể áp dụng các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm tích lũy trong suốt 4 - 5 năm học đại học. Khi đánh giá các công trình này của sinh viên năm cuối, có thể phát hiện những điểm mạnh, điểm yếu của chương trình giáo dục và có các quyết định phù hợp.

Nguồn thông tin từ các cơ sở đào tạo Sau đại học, của sinh viên tốt nghiệp đã tham gia lao động sản xuất, của những người đang sử dụng lao động đều rất hữu ích cho việc đánh giá chương trình giáo dục. Những thông tin loại này cho biết sinh viên tốt nghiệp tự đánh giá năng lực của bản thân đối chiếu với yêu cầu của nơi làm việc (hoặc cơ sở đào tạo Sau đại học), những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm có được trong trường đại học hữu ích như thế nào đối với họ? Họ cần thêm những gì để có thể tự tin hơn ở vị trí mới...

1.4.3. Đo lường chương trình môn học giáo dục thể chất.

1.4.3.1. Một số khái niệm về đo lường

Đo lường (Measurment) là cách thu được sự miêu tả bằng số về mức độ một cá nhân đạt được một đặc trưng nhất định, để trả lời câu hỏi: “Đạt được bao nhiêu?” (N.E. Gronlund và C.K Waugh) [108].

Theo tác giả Đặng Bá Lãm [62] thì đề đo lường trong giáo dục cần phân loại các đặc trưng hành vi của người học, sử dụng việc phân loại để định ra các nguyên tắc, các thủ tục, các mức độ sẽ tiến hành đánh giá. Các hành vi ở đây có thể thuộc các hoạt động được tổ chức, hay không được tổ chức. Chẳng hạn các kiến thức trong bài học, các kỹ năng trong bài thí nghiệm, sự cần cù học tập, sự liên hệ và vận dụng, sự hợp tác cùng các bạn đồng nghiệp cũng như các hoạt động xã hội khác. Sinh viên suy nghĩ gì khi làm như vậy, họ hiểu như thế nào khi ứng xử như thế...

Trong thực hành phân loại, quan sát hành vi dù có so sánh với các tiêu chí một cách rõ rệt hay không thì nó cũng phải gắn với mục tiêu của chương trình đánh giá.

Đo lường hoặc thử nghiệm được tiến hành với mục đích xác định trạng thái hay khả năng hoạt động của đối tượng thử nghiệm gọi là test. Không phải mọi phép đo đều có thể sử dụng làm test, mà chỉ có những phép đo giải quyết được những yêu cầu chuyên biệt sau mới gọi là test: Có hệ thống đánh giá; Có tính thông báo; Đủ độ tin cậy. [31], [32]

Theo các nhà khoa học đo lường thể thao như Zaxiorski (Nga), Dương Nghiệp Chí (Việt Nam) [1], [31] thì “Việc xác định mức độ phân loại kết quả test, hay nói riêng ra là phân loại thành tích của người kiểm tra, quá trình đó được gọi là quá trình đánh giá”. Đây là quá trình phân loại, nó khác với quá trình đánh giá nhận xét SV trong giảng dạy. Đánh giá phân loại phức tạp hơn cần phải có số lớn hơn đối tượng được đánh giá và cần đảm bảo hiệu quả hữu ích lớn nhất.

Cũng theo các nhà khoa học đo lường thể thao, quá trình đánh giá có thể tiến hành theo các phương pháp khác nhau như: Xây dựng bảng điểm; Thang đánh giá.

Theo các nhà khoa học đo lường thể thao, “lấy giá trị giới hạn của thành tích làm cơ sở để xếp loại thành tích cho người kiểm tra” được gọi là tiêu chuẩn trong phép đo lường thể thao.

Tiêu chuẩn cần thiết dựa trên cơ sở phân tích con người cần biết làm gì để hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra trong cuộc sống, như tiêu chuẩn rèn luyện thân thể...

Ngoài ra còn có các tiêu chuẩn về phân loại sức khỏe của các lứa tuổi, tiêu chuẩn phân nhóm tuổi...

1.4.3.2. Hệ thống kiểm tra quá trình tập luyện cho sinh viên

Một trong những khâu quan trọng nhất của việc điều khiển quá trình tập luyện đối với SV là hệ thống kiểm tra tổng hợp nhằm đánh giá trình độ tập luyện của SV trong tất cả các học kỳ giảng dạy. Hệ thống kiểm tra tổng hợp có hiệu quả sẽ giúp người dạy đánh giá khách quan phương hướng huấn luyện đã được lựa chọn, theo dõi sát sao sự phát triển trình độ tập luyện của SV và kịp thời điều chỉnh các bài tập sử dụng một cách hợp lý. Để kiểm tra tổng hợp cần phải sử dụng các phương pháp kiểm tra sư phạm và y học. Kiểm tra sư phạm là cơ sở để thu thập thông tin về tình trạng và hiệu quả hoạt động của SV. Nó được áp dụng để đánh giá hiệu quả của các phương tiện và phương pháp mà người dạy sử dụng nhằm xác định sự phát triển của trạng thái và dự báo mức độ phát triển trong tập luyện.

Nhiệm vụ chủ yếu của kiểm tra sư phạm là:

Thống kê lượng vận động tập luyện và thi đấu.

Xác định các mặt khác nhau trong trình độ tập luyện của SV.

Xác định các khả năng để đạt tới những kỹ năng và trình độ thể lực chung theo dự kiến.

Đánh giá hành vi của SV trong tập luyện và thi đấu.

Kiểm tra sự phạm bao gồm các phương pháp chủ yếu là quan sát sự phạm và các thử nghiệm kiểm tra về các mặt khác nhau trong trình độ tập luyện của SV như sự phát triển các tố chất thể lực chung, sự tiếp thu và hoàn thiện các kỹ năng vận động, sự phát triển các phẩm chất tâm lý, ý chí...

Kiểm tra y học nhằm đánh giá về tình trạng sức khỏe, mức độ phát triển thể chất và các mặt chức năng của trình độ thể lực.

Trong quá trình hướng dẫn tập luyện cho SV, giảng viên có thể áp dụng 3 hình thức kiểm tra là:

Kiểm tra kết thúc học kỳ.

Kiểm tra thường kỳ.

Kiểm tra kết quả của từng buổi tập.

Kiểm tra kết thúc học kỳ nhằm làm rõ những thay đổi về trạng thái của SV trong một thời kỳ tập luyện tương ứng với 1 kỳ học tập của SV. Kiểm tra thường kỳ nhằm xác định hiệu quả huấn luyện của một chu kỳ nhỏ (theo tuần). Kiểm tra kết quả của từng buổi tập nhằm xác định chính xác những lượng vận động mà SV đã thực hiện, kết quả của lượng vận động đó cũng như điều chỉnh nó một cách hợp lý khi cần thiết.

Việc lựa chọn các chỉ tiêu kiểm tra phụ thuộc vào các nhiệm vụ giảng dạy trong thời kỳ thực hiện kiểm tra.

Hệ thống kiểm tra tổng hợp trong quá trình tập luyện của SV được thiết lập dựa trên các nguyên tắc như:

Hướng tới mục tiêu đạt trình độ tập luyện tốt nhất.

Đảm bảo sự phát triển toàn diện, hài hòa của các tố chất thể lực.

Trong quá trình thực hiện việc kiểm tra cần đảm bảo các điều kiện sau:

Tính phức hợp của các phương pháp kiểm tra về những mặt khác nhau của trình độ tập luyện và tình trạng sức khoẻ của SV.

Các phương pháp kiểm tra phải phù hợp với đặc điểm của môn thể thao tự chọn.

Định hướng theo các nhân tố chủ đạo trong hoạt động tập luyện của SV.

Phối hợp các chỉ số kiểm tra cơ bản về sự hoàn thiện thể thao và các chỉ số đặc trưng về trình độ tập luyện chuyên môn của SV.

Sử dụng các phương pháp kiểm tra đơn giản, dễ thực hiện.

Thống kê các thông số của lượng vận động tập luyện và thi đấu.

Hiệu quả giảng dạy SV phụ thuộc chủ yếu vào việc đề ra các yêu cầu. Các yêu cầu đề ra có liên quan chặt chẽ với việc thực hiện tốt các nhiệm vụ của quá trình giảng dạy - huấn luyện trong từng học kỳ cụ thể. Chúng chỉ rõ mức độ phát triển của các tố chất thể lực cần thiết cũng như việc hoàn thiện các kỹ năng vận động của môn thể thao tự chọn.

Trong các môn thể thao có chu kỳ, kiểm tra tổng hợp được thực hiện thông qua đánh giá các chỉ số có mối tương quan chặt chẽ với thành tích thể thao. Đối với SV, nó được thực hiện chủ yếu bằng các phương pháp kiểm tra sự phạm và kiểm tra y học.

1.4.3.3. Thống kê hoạt động trong quá trình tập luyện

Theo tác giả Philin V.P [76], Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn [94], Đồng Văn Triệu [95] thì thống kê các chỉ số tập luyện sẽ giúp giảng viên đánh giá việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện, phương pháp và hình thức thực hiện quá trình huấn luyện thể thao, nhằm tìm ra những cách thức có hiệu quả hơn để nâng cao trình độ, tài nghệ thể thao. Bên cạnh đó nó còn giúp theo dõi về các mặt khác nhau của trình độ huấn luyện, sự phát triển của thành tích thể thao, tình trạng thể chất và sức khoẻ của VĐV...

Phân tích các số liệu thông kê sẽ giúp hoàn thiện quá trình giảng dạy, huấn luyện, cần thông kê tất cả các mặt của quá trình huấn luyện và thông thường các chỉ số huấn luyện sẽ được thông kê dưới các hình thức sau:

Thông kê giai đoạn được tiến hành vào đầu và cuối mỗi học kỳ, năm học. Trường hợp thực hiện vào đầu mỗi giai đoạn, thời kỳ... thì được gọi là thông kê ban đầu, còn thực hiện vào cuối - thông kê tổng kết.

Thông kê sơ bộ cho phép xác định mức khởi điểm về trình độ tập luyện của SV hay nhóm SV theo đặc thù nghề nghiệp. Đối chiếu các số liệu thông kê tổng kết với kết quả thông kê sơ bộ sẽ cho phép đánh giá hiệu quả của quá trình giảng dạy và đưa ra những sửa đổi vào tiến trình tiếp theo. Thông kê thường kỳ được tiến hành liên tục trong quá trình thực hiện các buổi tập thể thao riêng biệt, trong các chu kỳ huấn luyện tuần và tháng. Nó có nhiệm vụ ghi lại các phương tiện, phương pháp, độ lớn của lượng vận động tập luyện và thi đấu cũng như sự đánh giá về tình trạng sức khỏe và trình độ tập luyện của SV.

Các số liệu thông kê hàng ngày cho phép ghi nhận thông tin cần thiết về những biến đổi trạng thái của SV, các điều kiện nói chung và tính chất huấn luyện trong thời gian tiến hành buổi tập. Các thông tin này là rất cần thiết để điều khiển có kết quả quá trình tập luyện trong một buổi tập. Các tài liệu thông kê chủ yếu trong quá trình huấn luyện bao gồm:

Sổ thông kê các buổi tập.

Nhật ký tập luyện.

Sổ thông kê của SV, hướng dẫn viên, trọng tài...

Các biên bản thi đấu.

Các phiếu cá nhân và phiếu kiểm tra y học của SV.

Sổ thông kê các buổi tập là một trong những tài liệu thông kê chủ yếu, có hình thức thống nhất dùng cho tất cả các môn thể thao.

Mỗi SV nên ghi chép, theo dõi sự phát triển của trình độ tập luyện của mình, đồng thời giúp giảng viên đánh giá được ảnh hưởng tác động của quá trình tập luyện đối với sức khỏe của các SV. Các nội dung ghi chép của SV cần có các mục sau:

Kế hoạch tập luyện cá nhân.

Nội dung quá trình tập luyện.

Các kết quả thi đấu.

Các kết quả kiểm tra thử nghiệm.

Các số liệu theo dõi y học.

Thống kê về kết quả tập luyện sau một thời gian nhất định.

Kết luận của giảng viên: Vào cuối mỗi tháng, mỗi học kỳ, giảng viên và SV cần tổng kết và phân tích các số liệu về sự phát triển của trình độ tập luyện. Để làm được điều này, cần sử dụng bảng thống kê đơn giản khối lượng và cường độ của lượng vận động tập luyện. So sánh các số liệu này với các thành tích đã đạt được.

Thống kê công tác huấn luyện thể thao có thể được thực hiện dựa trên cơ sở phân tích thận trọng toàn bộ các chỉ số của quá trình tập luyện môn thể thao tự chọn nhằm đạt tới hiệu quả như kế hoạch tập luyện đã đề ra.

1.4.3.4. Một số test kiểm tra thể lực sinh viên

Quá trình tổ chức kiểm tra sự phạm được tiến hành trong 10 tháng, tương ứng với một năm học. Đề tài đã sử dụng hệ thống test đánh giá thể lực theo quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên (Ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT) [19]. Yêu cầu cụ thể đối với từng nội dung đánh giá được trình bày cụ thể trong phương pháp kiểm tra sự phạm.

1.5. Các công trình nghiên cứu có liên quan

1.5.1. Trong môn bóng đá

Để đạt được thành tích thể thao cao người ta phải sử dụng các phương tiện khác nhau. Trong đó, các bài tập là phương tiện chủ yếu trong huấn luyện thể thao. Các bài tập này rất đa dạng và được ứng dụng vào các mục đích khác nhau.

Theo tác giả Trần Đức Dũng [40], có thể phân một cách tương đối các bài tập thành 4 nhóm sau: bài tập huấn luyện chung, bài tập huấn luyện chuyên môn, bài tập bổ trợ và bài tập thi đấu.

Để huấn luyện thể lực tốt nhằm đáp ứng được yêu cầu của bóng đá, khi huấn luyện cần chú ý tới đặc điểm thể hiện của các tố chất thể lực sau: sức bền, sức mạnh, tốc độ, khéo léo, mềm dẻo.

Kết quả nghiên cứu tiêu chí đánh giá năng lực nam VĐV bóng đá trẻ lứa tuổi 14 – 16 (giai đoạn chuyên môn hóa sâu) của tác giả Phạm Xuân Thành [87], luận án đã xác lập được hệ thống các tiêu chí (nội dung) chuyên môn đặc trưng để đánh giá về mặt định tính năng lực của đối tượng nghiên cứu bao gồm 20 chỉ tiêu, test về các mặt sư phạm (kỹ - chiến thuật cá nhân), y sinh học và tâm lý vận động. Trong đó

Các chỉ tiêu hình thái gồm: chiều cao đứng (cm); chỉ số Quetelet (g/cm).

Các chỉ tiêu tâm lý: phản xạ đơn (ms); phản xạ phức (ms).

Các test thể lực chung và chuyên môn: chạy 30m XPC; chạy 60m XPC; Cooper test (m); bật cao đánh đầu (cm).

Các test kỹ thuật là: tâng bóng (lần); tâng bóng 12 điểm chạm (vòng); đá bóng chuẩn từ 20m bằng chân thuận vào cầu môn 2x2m, 5 quả (lần); đá bóng chuẩn từ 20m bằng chân không thuận vào cầu môn 2x2m, 5 quả (lần); dẫn bóng 30m luôn cọc sút cầu môn (s); đá bóng xa chân thuận 5 quả (m); đá bóng xa chân không thuận 5 quả (m); ném biên có đà (m).

Các chỉ tiêu y sinh bao gồm: Dung tích sống (l); tần số mạch đập sau 1 lượng vận động chuẩn (lần); ngưỡng yếm khí tốc độ VanT (m/s); PWC170 (KGm/phút).

Có thể nói, công trình nghiên cứu của tác giả Phạm Xuân Thành chủ yếu nhằm đánh giá năng lực thể lực và năng lực chuyên môn cho VĐV bóng đá trẻ lứa tuổi 14-16. Việc đánh giá chủ yếu được thông qua các chỉ tiêu, test xây dựng và hiệu suất thi đấu của VĐV. Tuy nhiên, luận án của tác giả không đề cập đến việc phát triển thể lực cho đối tượng là SV nói chung và của trường trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp nói riêng. Song những luận cứ và kết quả nghiên cứu của tác giả có liên quan được chúng tôi sử dụng làm căn cứ quan trọng để giải quyết các mục tiêu nghiên cứu của mình. Đặc biệt là các nội dung có liên quan đến đánh giá thể lực trong môn bóng đá.

Trong công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hoàng Thụ [92] về “Nghiên cứu các giải pháp xã hội hóa để phát triển bóng đá đối với trẻ em 3-10 tuổi của Nghệ An”, tác giả đã lựa chọn được 4 giải pháp chính để thực hiện công tác xã hội hóa bóng đá. Trong đó các giải pháp chuyên môn được thực hiện đồng bộ kèm theo các giải pháp xã hội hóa để phát triển bóng đá cho trẻ em từ 3-10 tuổi. Đây là công trình khoa học có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng đề tài của chúng tôi nghiên cứu hoàn toàn khác biệt so với tác giả Nguyễn Hoàng Thụ. Song nội dung của chương trình thực nghiệm trò chơi bóng đá trong 2 năm đối với trẻ mẫu giáo gồm 19 nội dung theo 6 kỹ năng được chúng tôi tham khảo và nghiên cứu ứng dụng trong các nội dung có liên quan đến luận án về phát triển thể lực cho SV trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Về công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Đăng Chiêu [30] với đề tài “Nghiên cứu lượng vận động sinh lý của các VĐV bóng đá lứa tuổi 15-16 và 17-18 trong thời kỳ chuẩn bị cơ bản”. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã xác định được 7 chỉ số có sự biến đổi rõ nét và đặc trưng có sự nhạy cảm cao đối với lượng vận động để đánh giá tác động của lượng vận động trong các bài tập và

buổi tập. Chúng tôi cho rằng, đây là kết quả có giá trị, nó giúp cho việc đánh giá lượng vận động có cơ sở khoa học và chính xác, trên cơ sở này việc huấn luyện VĐV sẽ được nâng cao. Vì vậy, kết quả nghiên cứu của tác giả có giá trị tham khảo đối với đề tài mà chúng tôi nghiên cứu trên đối tượng SV trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Đặc biệt là các số liệu về mặt y sinh đối với lượng vận động.

Trong công trình nghiên cứu của tác giả Trần Duy Hòa [52] với đề tài “Nghiên cứu lựa chọn bài tập phát triển sức bền cho nam VĐV bóng đá trẻ ở giai đoạn chuyên môn hóa ban đầu”. Kết quả nghiên cứu của tác giả đã lựa chọn được 60 bài tập nhằm phát triển sức bền cho nam VĐV bóng đá trẻ lứa tuổi 11-13 gồm 3 nhóm: 35 bài tập phát triển sức bền chung; 16 bài tập phát triển sức bền tốc độ; 9 bài tập phát triển sức mạnh bền. Kết quả nghiên cứu của tác giả được chúng tôi sử dụng làm tài liệu tham khảo quan trọng trong lựa chọn các bài tập phát triển thể lực cho SV trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Đây là vấn đề cần được mở rộng nghiên cứu do đối tượng huấn luyện là khác nhau. Hay nói cách khác, vấn đề mà chúng tôi lựa chọn nghiên cứu không có sự trùng lặp và thực sự khác biệt.

Tác giả Nguyễn Đức Nhâm [73] với đề tài “Nghiên cứu một số đặc điểm hình thái, chức năng, tổ chức thể lực của các VĐV bóng đá nam tuyển trẻ quốc gia Việt Nam lứa tuổi 16 - 19”. Kết quả nghiên cứu đã tìm ra được đặc điểm diễn biến phát triển của các yếu tố hình thái, chức năng và tổ chức thể lực, kỹ thuật của VĐV bóng đá trẻ lứa tuổi 16-19. Đồng thời xác định được tỷ trọng ảnh hưởng của chúng đối với hiệu quả thực hiện kỹ thuật trong thi đấu. Trong đó các tổ chức thể lực chiếm 23.6-26.0%. Trong luận án của tác giả không đề cập đến việc lựa chọn các bài tập phát triển thể lực mà chỉ chủ yếu nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực y sinh.

Từ kết quả phân tích và tổng hợp các nguồn tài liệu, các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước, chúng tôi cho rằng:

1.5.2. Trong môn bóng rổ

Nghiên cứu hệ thống các bài tập ứng dụng trong giảng dạy - huấn luyện môn bóng rổ đã được một số nhà khoa học quan tâm nghiên cứu như: tác giả Lê Nguyệt Nga với đề tài “Nghiên cứu trình độ tập luyện của VĐV bóng rổ nam nữ cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh” [69]; Đặng Hà Việt trên VĐV cấp cao với đề tài “Xây dựng hệ thống bài tập phát triển sức bền chuyên môn cho VĐV đội tuyển bóng rổ nam quốc gia” [102]; trên đối tượng đội tuyển nữ quốc gia về khả năng hồi phục của tác giả Lưu Thiên Sương (2003) [84]; và của tác giả Phạm Văn Thảo về “Nghiên cứu lựa chọn chỉ số và xây dựng chỉ tiêu tuyển chọn ban đầu VĐV bóng rổ nữ Việt Nam lứa tuổi 12 – 13” [86]; Lê Vũ Kiều Hoa (2007) về “Lựa chọn và ứng dụng hệ thống bài tập phát triển sức mạnh chuyên môn cho đội tuyển bóng rổ nữ quốc gia” [51]; Nguyễn Phi Hải (2008), “Ứng dụng máy móc chuyên môn nâng cao hiệu quả phòng thủ cho học sinh bóng rổ trường trung học phổ thông Mát-xcơ-va”, Luận án tiến sĩ. [47]; Đinh Quang Ngọc (2011), “Nghiên cứu lý luận và thực tiễn huấn luyện nâng cao thể lực cho nam VĐV bóng rổ cấp cao Việt Nam” [70]. Các công trình nghiên cứu của các tác giả nêu trên đã đề cập đến nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn trong môn bóng rổ. Mặc dù các nghiên cứu về lựa chọn bài tập được xem xét dưới nhiều góc độ như sự phạm, y sinh... song với đối tượng huấn luyện là SV và trong phạm vi các giờ tín chỉ của môn thể thao tự chọn trong trường đại học còn rất hạn chế. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của các tác giả nêu trên cũng có ý nghĩa tham khảo và vận dụng đối với việc xây dựng, lựa chọn và sắp xếp bài tập nhằm phát triển các tố chất thể lực trong môn bóng rổ cho các đối tượng khác nhau. Do vậy, có thể vận dụng trong xây dựng chương trình môn học GDTC tự chọn môn bóng rổ cho SV trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Nghiên cứu theo hướng hoàn thiện hệ thống bài tập, phát triển các tố chất thể lực trong giảng dạy môn bóng rổ hoặc ngoại khoá cho đối tượng sinh viên trong các trường cao đẳng, đại học có một số tác giả như: Lý Kế Cường (1998)

[39], Nguyễn Hải Đường (2009) [44], Đỗ Quốc Hùng (2002) [56], Lê Mạnh Linh (2010) [66], Nguyễn Thanh Ngọc (2004) [72], Lý Thị Ánh Tuyết (2005) [99].

Phân tích và tổng hợp các đề tài nghiên cứu nêu trên trong giảng dạy - huấn luyện bóng rổ cho thấy có sự tương đồng nhất định trong việc sử dụng hệ thống các bài tập thuộc các nhóm khác nhau nhằm phát triển các năng lực cho người tập bóng rổ như: kỹ thuật, chiến thuật và thể lực (sức nhanh, sức mạnh tốc độ, sức bền, khả năng phối hợp vận động). Các chỉ tiêu, các test được sử dụng thường xuyên trong đánh giá, đa số là dưới góc độ sự phạm. Đối với các đối tượng là sinh viên không chuyên ngành TĐTT thì tỷ lệ và mức độ ưu tiên của các bài tập, các test chủ yếu liên quan đến việc lựa chọn các bài tập bóng rổ để phục vụ huấn luyện kỹ - chiến thuật nâng cao thể lực chung và chuyên môn. Nhóm các chỉ tiêu, test thường sử dụng trong đánh giá môn bóng rổ bao gồm:

Chỉ tiêu hình thái: Chiều cao, cân nặng, dài sải tay, dài bàn tay, rộng bàn tay...

Chỉ tiêu, test chức năng: Khả năng xử lý thông tin, sức bền thần kinh, khả năng phản xạ, công năng tim, test Wingate (công suất yếm khí tổng hợp, công suất yếm khí tối đa, chỉ số suy kiệt và năng lượng).

Các test kiểm tra thể lực: bật nhảy (bật cao tại chỗ, bật xa tại chỗ, gánh tạ bật nhảy tại chỗ, bật nhảy xa một hoặc hai chân, nhảy dây tốc độ, lực bàn tay thuận, ngồi vói, khả năng giữ thăng bằng khi nhắm mắt co một chân, Linoi Agility test, test linh hoạt 505); di chuyển (Chạy cự ly ngắn 20 - 30m, chạy con thoi, chạy zích zắc, chạy chữ T, dẫn bóng luồn cọc, dẫn bóng tốc độ).

Các test chuyên môn: Dẫn bóng tốc độ 20m, dẫn bóng, di chuyển chuyền bóng tối đa trong 30 giây, dẫn bóng số 8 lên rổ 5 lần, di chuyển nhảy ném rổ trong 1 phút, trượt phòng thủ, test Suicides Drill, tại chỗ nhảy ném rổ 20 quả, tại chỗ ném rổ 20 quả.

Quá trình giảng dạy - huấn luyện bóng rổ cần kết hợp chặt chẽ giữa các chỉ tiêu, test đánh giá khác nhau và đánh giá hiệu quả chương trình huấn luyện phải gắn liền với rèn luyện các tố chất thể lực như sức mạnh, sức nhanh, linh

hoạt, khéo léo, sức bền. Tùy theo yêu cầu của mỗi loại năng lực và giai đoạn huấn luyện khác nhau, nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả của công tác giảng dạy - huấn luyện.

Tóm lại Các bài tập chuyên môn có vị trí rất quan trọng, có thể nói là chiếm vị trí chủ yếu trong huấn luyện. Các bài tập huấn luyện chuyên môn có tác động trực tiếp đến thành tích các môn thể thao, trong đó có môn bóng đá và bóng rổ.

Các bài tập chuyên môn là những thành phần của bóng đá và bóng rổ (các kỹ thuật đá, các chiến thuật...), hoặc những bài tập gắn với hoạt động bóng đá và bóng rổ về các cấu trúc hoặc hình thức, về sự thể hiện các tổ chất vận động cũng như yêu cầu đối với các hệ thống chức năng.

Các bài tập huấn luyện chuyên môn trong bóng đá và bóng rổ rất đa dạng, chúng tôi lựa chọn cách phân loại theo 3 dạng sau: các bài tập chuyên môn, các bài tập dẫn dắt, các bài tập trò chơi. Đồng thời chúng tôi cho rằng các bài tập chuyên môn có tác động trực tiếp đến sự phát triển các tổ chất, kỹ chiến thuật chơi (các bài tập sút cầu môn, bài tập tấn công biên, các bài tập xuất phát từ các tư thế khác nhau)

1.6. Tóm tắt chương

GDTC và thể thao trường học có vai trò rất quan trọng trong chiến lược đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho định hướng phát triển đất nước. GDTC và thể thao trường học luôn được Đảng và Nhà nước tạo các nguồn lực thuận nhằm phát triển con người toàn diện. Trong đó chương trình giáo dục thể chất bậc đại học luôn được Bộ Giáo dục – Đào tạo và ngành TDTT quan tâm xây dựng lộ trình và hướng dẫn thực hiện. Đảm bảo thực hiện hài hòa cả hai nhiệm vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học.

Trên cơ sở kết quả phân tích đánh giá, đề tài bước đầu đã xác định được những cơ sở lý luận và khoa học liên quan đến xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học

kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Đặc biệt là xu hướng đổi mới đào tạo theo hệ thống tín chỉ, với các môn học GDTC tự chọn theo nghề nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu rèn luyện thể chất của người học. Đề tài đã xác định được căn cứ đổi mới, định hướng xây dựng, cách thức tiếp cận, nguyên tắc xây dựng, tổ chức huấn luyện và đo lường đối với chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên. Những cơ sở lý luận và khoa học thu được là căn cứ để luận án xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Khi xây dựng chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ), luận án cần xác định chuẩn đầu ra, mục tiêu, nội dung và cấu trúc chương trình phải đảm bảo được tính cập nhật và khả thi.

Kết quả phân tích các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến luận án đã cho thấy, đề tài tiến hành chưa có tác giả nào nghiên cứu về xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Song cũng đã có một số tác giả nghiên cứu về xây dựng chương trình môn học, chương trình đào tạo ở các đối tượng khác nhau; hoặc những vấn đề thực tiễn của môn bóng đá và bóng rổ. Nhưng những nghiên cứu trên đối tượng xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp là rất hạn chế. Tuy vậy, những công trình nghiên cứu đã tham vẫn có giá trị tham khảo hữu hiệu trong xây dựng xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Đặc biệt là trong xây dựng các chương trình môn học tự chọn.

Chương trình môn học GDTC tự chọn đang được Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp quan tâm phát triển. Do vậy, xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) là mới và hết sức cần thiết đối với sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Chương 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

2.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu

Phương pháp này được sử dụng trong quá trình nghiên cứu nhằm mục đích thu thập thông tin từ các nguồn tài liệu khác nhau như, các văn kiện nghị quyết của Đảng, Nhà nước, của Ngành TĐTT và Bộ Giáo dục - Đào tạo cũng như định hướng công tác đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật. Kết quả được phân tích, đánh giá, tổng hợp và tiếp thu một cách có chọn lọc các nguồn thông tin khoa học hiện có như: các văn bản về chương trình đào tạo các ngành kinh tế, kỹ thuật ở nhiều trình độ khác nhau, tập trung vào phân tích nghiên cứu chương trình môn học GDTC nói chung và môn thể thao tự chọn Bóng đá, Bóng rổ của các cơ sở đào tạo và các nguồn tài liệu có liên quan đến việc nghiên cứu cơ sở lý luận cho việc giải quyết các mục tiêu của đề tài.

Các tài liệu được trình bày trong Danh mục tài liệu tham khảo.

2.1.2. Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm

Trong quá trình nghiên cứu đề tài đã sử dụng các phiếu hỏi để phỏng vấn các nhà khoa học, các chuyên gia về GDTC, lãnh đạo các trường Đại học, các giảng viên đang trực tiếp giảng dạy và các sinh viên của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp nhằm thu thập những thông tin cần thiết liên quan tới đề tài. Thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp và gián tiếp nhằm:

Xác định thực trạng nhận thức về công tác GDTC và nhu cầu tham gia các môn tự chọn của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

Lựa chọn tiêu chí và phương pháp đánh giá.

Xin ý kiến đóng góp về nội dung chương trình môn GDTC của các chuyên gia, giảng viên và sinh viên về tính hiệu quả của nội dung chương trình GDTC tự chọn của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

Đối tượng phỏng vấn là giảng viên giảng dạy môn học GDTC của trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp. Ngoài ra, còn trao đổi một số giảng viên ở các cơ sở đào tạo khác.

Nội dung phỏng vấn được trình bày ở phần phụ lục.

Để thực hiện được phương pháp này, đề tài sẽ tiến hành thiết kế phiếu phỏng vấn, mỗi câu hỏi được thiết kế câu trả lời theo thang đo khoảng cách Likert. Cách tính và ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo khoảng cách được tính như sau:

$$\text{Giá trị khoảng cách} = (\text{Giá trị lớn nhất} - \text{Giá trị nhỏ nhất})/n$$

Thang đo 5 mức độ: 1.00 - 1.80 điểm: Rất không đồng ý; 1.81 - 2.60 điểm: Không đồng ý; 2.61 - 3.40 điểm: Bình thường; 3.41 - 4.20 điểm: Đồng ý; 4.21 - 5.00 điểm: Rất đồng ý.

Thang đo khoảng cách 3 mức độ: 1.00 - 1.67 điểm: Ít quan trọng; 1.68 - 2.34 điểm: Quan trọng; 2.35 - 3.00 điểm: Rất quan trọng.

2.1.3. Phương pháp quan sát sự phạm

Chủ yếu quan sát các giờ học chính khóa và ngoại khóa môn giáo dục thể chất để đánh giá thực trạng mức độ hứng thú của sinh viên đối với các giờ học GDTC tự chọn cũng như thực trạng tham gia các hoạt động phong trào TDTT của sinh viên.

Quan sát các giờ giảng dạy trong quá trình thực nghiệm để có sự điều chỉnh cho phù hợp và kịp thời chuẩn đầu ra, mục tiêu, nội dung, phương pháp xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

2.1.4. Phương pháp chuyên gia

Là phương pháp được sử dụng trong quá trình nghiên cứu nhằm lấy ý kiến của các chuyên gia về nội dung chương trình đào tạo liên quan trực tiếp đến giảng dạy môn GDTC; các chuyên gia xác định mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo môn học GDTC tự chọn môn Bóng đá, Bóng rổ đã xây dựng thông qua những ý kiến của các chuyên gia, bổ sung nội dung chương trình và lựa chọn các tiêu chí đánh giá thi kết thúc học phần môn cũng như các tiêu chí cụ thể nhằm đánh giá hiệu quả của chương trình xây dựng và áp dụng trong suốt quá trình nghiên cứu. Phương pháp này được tiến hành thông qua hình thức phỏng vấn trao đổi trực tiếp đối với các chuyên gia và qua các buổi tổ chức hội thảo về nội dung, chương trình cũng như các tiêu chí mà đề tài nghiên cứu.

Đối tượng mà luận án sẽ tiến hành lấy ý kiến khi sử dụng phương pháp này là các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành trong các lĩnh vực TDTT (Tổng cục TDTT, các trường chuyên TDTT cùng một số trường Đại học trên địa bàn Hà Nội, Nam Định có sử dụng chương trình học liên quan tới môn Giáo dục thể chất nghề nghiệp...).

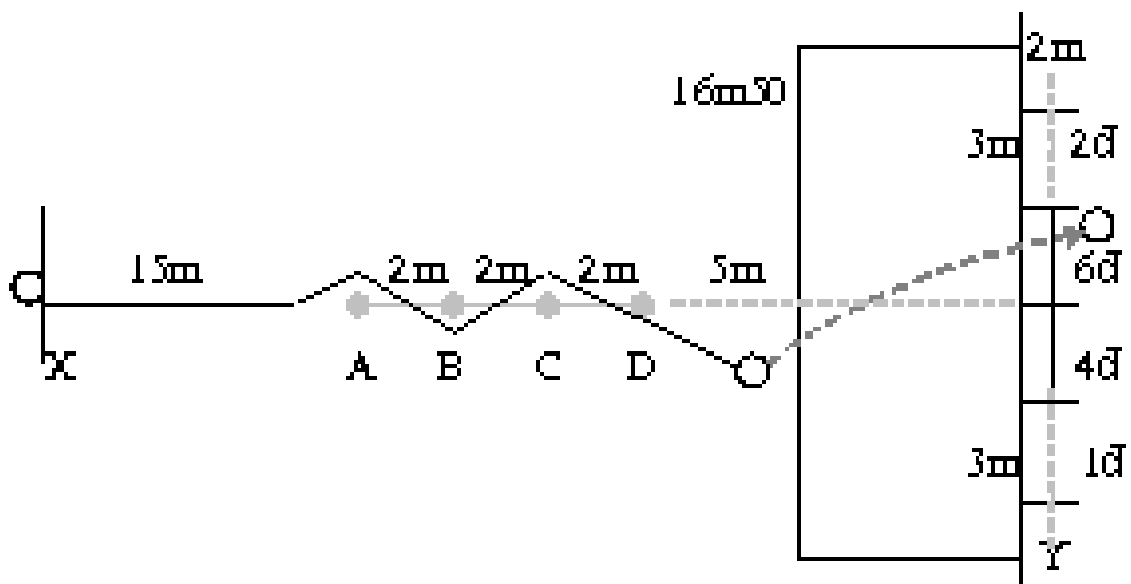
Kết quả thu được thông qua việc sử dụng phương pháp này chính là việc xây dựng được chương trình môn học Giáo dục thể chất tự chọn môn Bóng đá, Bóng rổ cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Qua đó xác định mức độ phù hợp của nội dung chương trình đã xây dựng với đối tượng sinh viên mà Nhà trường đang đào tạo.

2.1.5. Phương pháp kiểm tra sự phạm

Để đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của chương trình môn học GDTC tự chọn môn Bóng đá, Bóng rổ cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, đề tài sử dụng một số test để kiểm tra – đánh giá sau khi kết thúc thực nghiệm các chương trình môn học GDTC tự chọn môn bóng đá và bóng rổ. Cụ thể:

(1) Môn bóng đá tự chọn 1 và 2: Dẫn bóng sút cầu môn (điểm).

Kiểm tra người thi dẫn bóng sút cầu môn 3 lần. 4 cột A, B, C, D cách nhau 2m thẳng tâm cầu môn 2m44 x 7m32. Cột D cách đường 16m50 5m. Cột A cách đường X 15m. Cầu môn chia 2 ô 6 điểm, 4 điểm và 2 ô 2 điểm, 1 điểm rộng 3m ngoài hai bên cầu môn. Người thi dẫn bóng từ X, chạm bóng ít nhất 3 lần dẫn bóng qua cột A, B, C, D sút cầu môn trước khi bóng qua đường 16m50. Thời gian dẫn bóng : Nam <15s ; Nữ <20s. Nếu sút sệt, bóng căng, thẳng. Sút bổng: Nam, bóng bay qua đường cầu môn. Nữ, bóng có thể chạm đất 1 lần trước đường cầu môn. Dẫn bóng chạm 1 cột hay đường 16m50 trừ 1 điểm. Xem hình 2.1.



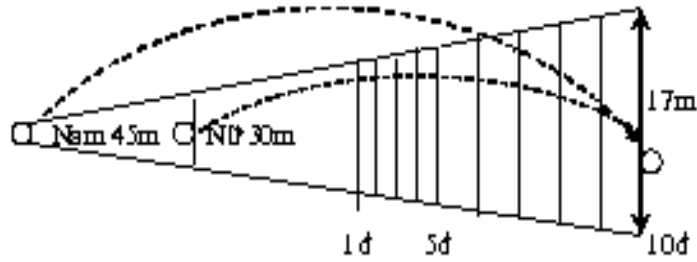
Hình 2.1. Dẫn bóng sút cầu môn

(2) Môn bóng đá tự chọn 1: Đá lòng bóng chết 10 quả (quả).

Kiểm tra số lần người thi đá bóng cố định bằng lòng bàn chân vào cầu môn 2m x 3m từ cự li 12m.

(3) Môn bóng đá tự chọn 2: Đá xa (m).

Kiểm tra thành tích đá bóng xa trong hành lang 17m. Người thi đá bóng cố định 3 lần. Điểm thi là điểm trung bình của 2 lần đá có thành tích cao. Xem hình 2.2.



Hình 2.2. Đá xa

(4) Môn bóng rổ tự chọn 1: Tại chỗ ném rổ 5 quả (quả vào)

VĐV trước khi vào kiểm tra khởi động ném rổ trước từ 5- 10 phút. Bắt đầu kiểm tra VĐV đứng vào vạch ném phạt thực hiện ném rổ liên tục 10 quả có người phục vụ. Thư ký ghi lại số quả vào rổ.

(5) Môn bóng rổ tự chọn 1: Dẫn bóng tốc độ 20m (s)

Thực hiện 02 lần, lấy thành tích cao nhất. Yêu cầu: Không phạm phải luật dẫn bóng. Cách thức thực hiện: SV cầm bóng chuẩn bị ở tư thế xuất phát cao, dẫn bóng tốc độ 20m trên đường thẳng (hình 2.3).



Hình 2.3. Dẫn bóng tốc độ

(6) Môn bóng rổ tự chọn 2: Di động chuyển bắt bóng 2 tay trước ngực (ABCD).

Sinh viên thực hiện theo chiều dài của sân, vừa di chuyển vừa thực hiện động tác chuyển bắt bóng 2 tay trước ngực. Yêu cầu: Ở giai đoạn chuẩn bị bóng ở ngang thắt lưng, bóng được đẩy ra phía trước bằng cách đẩy 2 tay và bàn tay, bóng rời tay có độ xoáy.

(7) Môn bóng rổ tự chọn 2: Dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao 5 lần (quả).

Sinh viên thực hiện dẫn bóng 2 bước, và thực hiện ném rổ ở điểm bật nhảy cao nhất, tay duỗi thẳng để đưa bóng gần rổ tối đa, tiếp đất trên hai chân hơi co ở không xa dưới rổ, giữ được thăng bằng cơ thể. Sinh viên thực hiện 5 lần. Yêu cầu: Không phạm phải luật dẫn bóng.

Trong đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của chương trình môn học GDTC tự chọn môn Bóng đá, Bóng rổ, đề tài còn sử dụng 4 test đánh giá thể lực, thể chất của sinh viên theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

(1) Bật xa tại chỗ (cm).

Mục đích: Đánh giá sức mạnh chi dưới.

Yêu cầu dụng cụ: Thảm cao su giảm chấn, kích thước 1x3m (nếu không có thảm có thể thực hiện trên nền đất, cát mềm). Đặt một thước đo dài làm bằng thanh hợp kim hoặc bằng gỗ kích thước 3x0,3m trên mặt phẳng nằm ngang và ghim chặt xuống thảm (nền đất, cát mềm), tránh xô dịch trong quá trình kiểm tra.

Yêu cầu kỹ thuật động tác: Người được kiểm tra đứng hai chân mở rộng tự nhiên, ngón chân đặt sát mép vạch giới hạn; khi bật nhảy và khi tiếp đất, hai chân tiến hành cùng lúc. Thực hiện hai lần nhảy.

Cách tính thành tích: Kết quả đo được tính bằng độ dài từ vạch xuất phát đến vệt cuối cùng của gót bàn chân (vạch dấu chân trên thảm). Lấy kết quả lần cao nhất.

(2) Chạy 30m xuất phát cao (s)

Mục đích: Đánh giá sức mạnh tốc độ.

Yêu cầu sân bãi, dụng cụ: Đồng hồ bấm giây; đường chạy thẳng có chiều dài ít nhất 40m, chiều rộng ít nhất 2m. Kẻ vạch xuất phát và vạch đích, đặt cọc tiêu bằng nhựa hoặc bằng cờ hiệu ở hai đầu đường chạy. Sau đích có khoảng trống ít nhất 10m để giảm tốc độ sau khi về đích.

Yêu cầu kỹ thuật động tác: Người được kiểm tra thực hiện tư thế xuất phát cao. Thực hiện một lần.

Cách tính thành tích: bằng giây và số lẻ từng 1/100 giây.

(3) Chạy con thoi 4 x 10m (s).

Mục đích: Đánh giá năng lực phối hợp vận động.

Yêu cầu sân bãi, dụng cụ: Đường chạy có kích thước $10 \times 1,2\text{m}$ bằng phẳng, không trơn, bốn góc có vật chuẩn để quay đầu, hai đầu đường chạy có khoảng trống ít nhất là 2m. Dụng cụ gồm đồng hồ bấm giây, thước đo dài, bốn vật chuẩn đánh dấu bốn góc đường chạy.

Yêu cầu kỹ thuật động tác: Người được kiểm tra thực hiện tư thế xuất phát cao. Khi chạy đến vạch 10m, chỉ cần một chân chạm vạch, nhanh chóng quay 180 độ chạy trở về vạch xuất phát và sau khi chân lại chạm vạch xuất phát thì lại quay trở lại. Thực hiện lặp lại cho đến hết quãng đường, tổng số bốn lần 10m với ba lần quay. Quay theo chiều trái hay phải là do thói quen của từng người. Thực hiện một lần.

Cách tính thành tích: bằng giây và số lẻ từng 1/100 giây.

(4) Chạy tùy sức 5 phút (m).

Mục đích: Đánh giá sức bền chung.

Yêu cầu sân bãi, dụng cụ: Đường chạy dài ít nhất 52m, rộng ít nhất 2m, hai đầu kẻ hai đường giới hạn, phía ngoài hai đầu giới hạn có khoảng trống ít nhất 1m để chạy quay vòng. Giữa hai đầu đường chạy (tim đường) đặt vật chuẩn để quay vòng. Trên đoạn 50m đánh dấu từng đoạn 5m để xác định phần lẻ quãng đường ($\pm 5\text{m}$) sau khi hết thời gian chạy. Thiết bị đo gồm có đồng hồ bấm giây, số đeo và tích - kê ghi số ứng với mỗi số đeo.

Yêu cầu kỹ thuật động tác: Người được kiểm tra thực hiện tư thế xuất phát cao (tay cầm một tích - kê tương ứng với số đeo ở ngực). Khi chạy hết đoạn đường 50m, vòng (bên trái) qua vật chuẩn và chạy lặp lại trong thời gian 5 phút. Khi hết giờ, người được kiểm tra lập tức thả tích - kê của mình xuống ngay nơi chân tiếp đất. Thực hiện một lần.

Cách tính thành tích: đơn vị đo quãng đường chạy được là mét.

2.1.6. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Phương pháp thực nghiệm sư phạm nhằm đánh giá hiệu quả của việc xây dựng nội dung chương trình môn Giáo dục thể chất tự chọn môn Bóng đá, Bóng rổ mang lại cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, đồng thời qua đó khẳng định việc lựa chọn, sắp xếp phù hợp, bố cục khoa học của nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất tự chọn đã được xây dựng luôn đạt hiệu quả cao trong quá trình ứng dụng thực tiễn.

Do điều kiện cơ sở vật chất dành cho môn thể thao tự chọn bóng đá, bóng rổ đang trong quá trình xây dựng nên việc ứng dụng chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá, bóng rổ mà đề tài đã xây dựng không thể triển khai trong giờ học chính khóa. Do vậy, đề tài đã lựa chọn đối tượng thực nghiệm sư phạm chỉ giới hạn là sinh viên tham gia trong câu lạc bộ bóng đá, bóng rổ với phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất đang hoàn thiện của Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Qua phương pháp nghiên cứu này, luận án cũng bước đầu kiểm chứng các tiêu chí đánh giá kỹ năng thực hành môn bóng đá, bóng rổ thông qua kết quả kiểm tra kết thúc thực nghiệm của sinh viên trong câu lạc bộ Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Thời gian thực nghiệm sư phạm là tương ứng 1 năm học.

2.1.7. Phương pháp toán thống kê

Các kết quả nghiên cứu thu được qua phỏng vấn và quan sát kiểm tra sư phạm đã được tính bằng phương pháp toán học thống kê. Sử dụng phương pháp này nhằm mục đích xử lý các số liệu thu thập được liên quan đến đề tài. Đề tài sử dụng các công thức sau:

$$\text{Giá trị trung bình: } \bar{x} = \frac{\sum_{i=1}^n x_i}{n}$$

$$\text{Phương sai: } \delta_x^2 = \frac{\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})^2}{n-1}$$

Độ lệch chuẩn: $\delta_x = \sqrt{\delta_x^2}$

Kiểm định t - student: $t = \frac{\bar{x}_1 - \bar{x}_2}{\sqrt{\frac{\delta_1^2}{n_1} + \frac{\delta_2^2}{n_2}}}$

Nhiệm độ tăng trưởng (W%): $W = \frac{v_2 - v_1}{0,5(v_1 + v_2)} \cdot 100$

V₁: Thành tích trước thực nghiệm

V₂: Thành tích sau thực nghiệm.

Các công thức và phương pháp ứng dụng để tính toán các chỉ số có liên quan đến nhu cầu và tiêu dùng TDDT giải trí chỉ tính giá trị trung bình và tỷ lệ phần trăm. Số liệu được chúng tôi xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0, R và Microsoft Excel.

Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha: được thực hiện bằng phần mềm SPSS. Trong đó độ tin cậy của thang đo được đánh giá bằng phương pháp nhất quán nội tại qua hệ số Cronbach's Alpha. Sử dụng phương pháp hệ số tin cậy này trước khi phân tích nhân tố để loại các biến không phù hợp.

Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha chỉ cho biết các đo lường có liên kết với nhau hay không; nhưng không cho biết biến quan sát nào cần bỏ đi và biến quan sát nào cần giữ lại. Khi đó, việc tính toán hệ số tương quan giữa biến-tổng (Cronbach's Alpha if Item Deleted) sẽ giúp loại ra những biến quan sát nào không đóng góp nhiều cho sự mô tả của khái niệm cần đo. Các tiêu chí được sử dụng khi thực hiện đánh giá độ tin cậy thang đo:

Biến quan sát bị loại bỏ khi: Giá trị “Cronbach's Alpha if Item Deleted” lớn hơn “Cronbach's Alpha”; Hoặc các biến quan sát có hệ số tương quan biến-tổng (Corrected Item-Total Correlation) nhỏ hơn 0,4.

Tiêu chuẩn chọn thang đo khi có độ tin cậy Alpha lớn hơn 0,6 (Alpha càng lớn thì độ tin cậy nhất quán nội tại càng cao). Các mức giá trị của Alpha:

lớn hơn 0,8 là thang đo lường tốt; từ 0,7 đến 0,8 là sử dụng được; từ 0,6 trở lên là có thể sử dụng được.

Thực hiện phân tích Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha bằng SPSS: Vào menu Analyze->Scale->Reliability Analysis.

Trong đề tài sử dụng phương pháp này để phân tích độ tin cậy phỏng vấn liên quan đến lấy ý kiến đánh giá của sinh viên, giảng viên về các vấn đề có liên quan đến đề tài.

Tính toán thang đo Likert 3 bậc và 5 bậc: Điểm trung bình (Mean), độ lệch chuẩn (SD), tỷ lệ %, biểu đồ được đề tài xử lý bằng phần mềm mã nguồn mở R của tác giả Ross Ihaka và Robert Gentleman trường đại học Auckland, New Zealand, sau đó được phát triển bởi nhóm R Development Core Team. Các gói lệnh sử dụng gồm: devtools, likert, ls("package:likert"), ggplot2.

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng rổ, bóng đá) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Khách thể nghiên cứu:

Các giảng viên, chuyên gia và các nhà quản lý liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy môn Giáo dục thể chất.

Sinh viên các ngành kinh tế và kỹ thuật tại Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu:

Số lượng mẫu nghiên cứu: 70 sinh viên nhóm thực nghiệm (40 sinh viên câu lạc bộ bóng đá, 30 sinh viên câu lạc bộ bóng rổ); nhóm đối chứng gồm 90 sinh viên lớp học tín chỉ; 31 giảng viên.

Phạm vi không gian nghiên cứu Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp và một số đơn vị trường học đang có chương trình giảng dạy môn Giáo dục thể chất trên địa bàn thành phố Hà Nội, Nam Định.

2.2.2. Thời gian nghiên cứu

Đề tài được tiến hành nghiên cứu từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2018.

Giai đoạn 1: từ tháng 11/2014 đến tháng 12/2014, xác định các vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương, kế hoạch nghiên cứu và bảo vệ đề cương nghiên cứu.

Giai đoạn 2: từ tháng 1/2015 đến tháng 12/2017, thu thập số liệu, xác định các phương pháp, nghiên cứu thực trạng các điều kiện đảm bảo cho môn GDTC. Thông qua kết quả phân tích tài liệu tham khảo, kết quả phỏng vấn để định hướng đổi mới và xây dựng nội dung chương trình môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Thực nghiệm ứng dụng chương trình môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Giai đoạn 3: từ tháng 1/2018 đến tháng 12/2018, xử lý số liệu, viết dự thảo, viết luận án chính thức để chuẩn bị bảo vệ luận án.

Địa điểm nghiên cứu:

Đề tài được tiến hành nghiên cứu tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Chương 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp

3.1.1. Xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng

Kết quả phân tích và tổng hợp các tài liệu cho thấy, tác động đến chất lượng công tác GDTC gồm nhiều yếu tố: chương trình môn học GDTC, đội ngũ giảng viên, công trình TĐTT, người học, nhu cầu tập luyện ngoại khóa... Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện của mỗi trường để xác định được các tiêu chí phù hợp. Đề tài bước đầu đã xác định được 05 tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Đề tài đã tiến hành phỏng vấn 31 cán bộ quản lý, chuyên gia, giảng viên để làm căn cứ lựa chọn các tiêu chí đánh giá.

Nội dung phỏng vấn là đánh giá mức độ quan trọng của các tiêu chí mà đề tài đã lựa chọn thông qua tổng hợp tài liệu tham khảo. Với cách đánh giá: Rất quan trọng; Quan trọng; Ít quan trọng (xem phụ lục 1).

Về xác định độ tin cậy kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 3.1.

Bảng 3.1. Độ tin cậy kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp (n=31)

Thống kê độ tin cậy

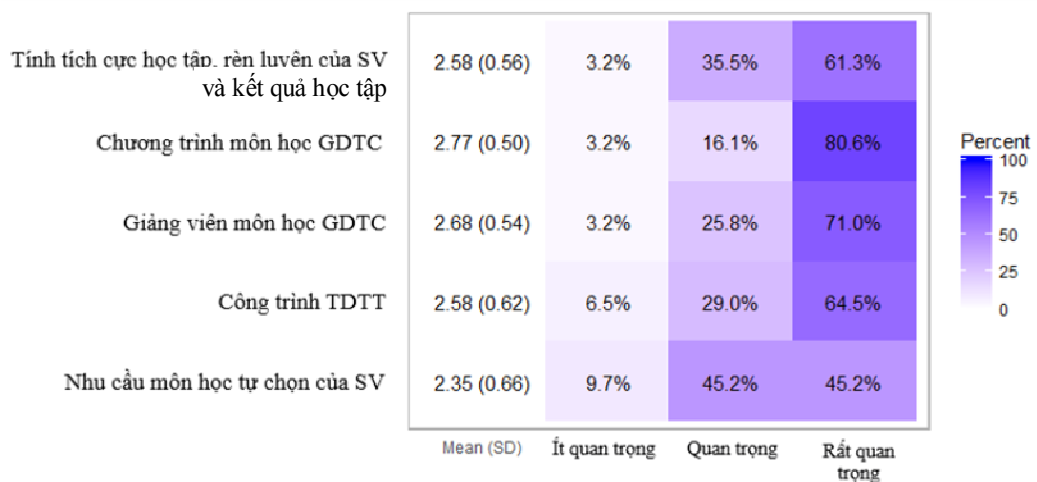
Hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha)	n
0.816	5

Tổng tiêu chí

Tiêu chí	Hệ số tương quan biến-tổng	Hệ số tương quan giữa biến-tổng khi xóa biến
1. Chương trình môn học GDTC	0.852	0.716
2. Giảng viên môn học GDTC	0.684	0.758
3. Công trình TĐTT	0.503	0.812
4. Tính tích cực học tập, rèn luyện của SV và kết quả học tập	0.510	0.806
5. Nhu cầu môn học tự chọn của SV	0.551	0.801

Từ kết quả ở bảng 3.1 cho thấy: Hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha) của tổng 5 tiêu chí phỏng vấn thu được về đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp là 0.816, khi so sánh với giá trị (Cronbach's Alpha if Item Deleted) của từng tiêu chí phỏng vấn chỉ từ 0.716 đến 0.812 và đều < 0.816 . Đồng thời giá trị Corrected Item-Total Correlation thu được ở 5 biện pháp phỏng vấn có giá trị thu được từ 0.503 đến 0.852 > 0.4 . Do vậy, không phải loại bỏ tiêu chí nào và kết quả phỏng vấn thu được đảm bảo độ tin cậy, là thang đo lường ở mức tốt.

Về kết quả trả lời từng tiêu chí được trình bày ở biểu đồ 3.1.



Biểu đồ 3.1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá công tác giáo dục thể chất cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp

Kết quả thu được ở biểu đồ 3.1 cho thấy: Đa số ý kiến trả lời về lựa chọn các tiêu chí đều nằm ở vùng mức độ quan trọng và rất quan trọng chiếm tỷ lệ từ 16.1% đến 80.6%. Phổ màu trên biểu đồ đậm ở cột quan trọng và rất quan trọng. Còn lại là vùng mức độ ít quan trọng chiếm tỷ lệ từ thấp từ 3.2% đến 9.7%. Như vậy, đa số ý kiến đều đánh giá ở mức quan trọng và rất quan trọng về các tiêu chí đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Đặc biệt là tiêu chí “Chương trình môn học GDTC” chiếm tỷ lệ ý kiến rất quan trọng lên tới 80.6%.

Khi tính điểm trung bình thì đạt từ 2.35 - đến 2.77 điểm và độ lệch chuẩn dao động từ 0.50 đến 0.66 điểm. Cao nhất là tiêu chí “Chương trình môn học GDTC” đạt 2.77 điểm. So sánh theo thang đo Likert 3 bậc thì cả 5/5 tiêu chí đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp đều nằm trong khoảng từ 2.35 - đến 3.00 điểm thuộc mức rất quan trọng. Hay nói cách khác là các tiêu chí đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp mà đề tài lựa chọn đều nhận được sự nhất trí cao từ các đối tượng phỏng vấn.

Như vậy, thông qua kết quả phỏng vấn đề tài đã lựa chọn được 05 tiêu chí đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Kết quả đánh giá được đề tài trình bày từ mục 3.1.2 đến mục 3.1.6.

3.1.2. Thực trạng chương trình môn giáo dục thể chất áp dụng cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp

Căn cứ chương trình môn học GDTC của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, đề tài khái quát trình bày những điểm chính ở bảng 3.2.

Bảng 3.2. Chương trình môn học giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2009-2017

Nguồn: Phòng Đào tạo

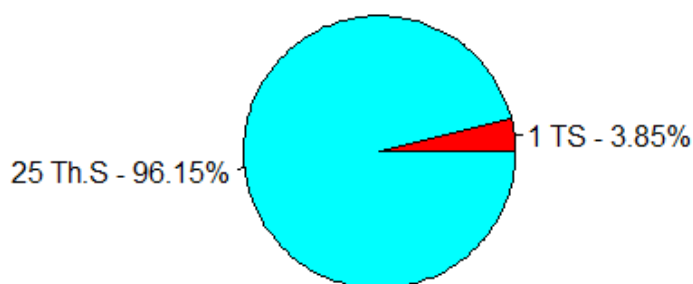
Tín chỉ	Môn	Số tiết				Số SV/lớp
		Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Tổng	
1	Điền kinh 1	2	26	2	30	50-60
2	Cầu lông 1	2	26	2	30	50-60
3	Điền kinh 2	2	26	2	30	50-60
4	Cầu lông 2	2	26	2	30	50-60
5	Rèn luyện tố chất thể lực (chạy luồn cọc, chống đẩy, chạy bền)	2	26	2	30	50-60
	Tổng	10	130	10	150	

Từ kết quả thu được ở bảng 3.2 cho thấy: chương trình môn học GDTC của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp gồm 5 tín chỉ, mỗi tín chỉ 30 tiết, trong đó có 2 tiết lý thuyết, 26 tiết thực hành và 2 tiết kiểm tra. Tổng cộng gồm 150 tiết. Các nội dung chính trong chương trình môn học GDTC gồm: Điền

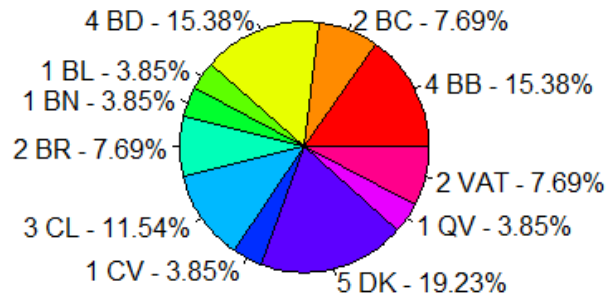
kinh, cầu lông và rèn luyện tố chất thể lực. Trong thực tiễn giảng dạy đã tiến hành biên chế từ 50 – 60 sinh viên trong một lớp tín chỉ. Như vậy, chương trình môn học GDTC của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp về cơ bản đã đáp ứng được quy định của Bộ GD-ĐT. Tuy nhiên, còn tồn tại một số điểm cần tiếp tục được đổi mới. Chương trình môn học GDTC đã tồn tại trong một thời gian quá dài từ 2009-2017 mà chưa có những thay đổi về môn thể thao tự chọn. Vì thực chất môn cầu lông có mang tính tự chọn với hai cấp độ nâng cao là 1 và 2, song thực chất là do Nhà trường chọn, chứ không phải sinh viên tự chọn. Đồng thời nội dung rèn luyện tố chất thể lực ở tín chỉ 5 có nhiều tương đồng với tín chỉ 1 và 3 (điền kinh), không phù hợp với sinh viên ở các nhóm sức khỏe yếu hoặc sở thích tập luyện các môn thể thao khác nhau. Ngoài ra, chuẩn đầu ra của chương trình còn chưa thực sự chi tiết. Từ những phân tích cho thấy, lựa chọn môn thể thao tự chọn và xây dựng chương trình GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) là hết sức cấp thiết.

3.1.3. Thực trạng giảng viên giảng dạy chương trình môn giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp

Tính đến năm học 2016-2017, tổng số giảng viên tham gia giảng dạy môn giáo dục thể chất cho SV trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp là 26 người. Kết quả được trình bày cụ thể ở biểu đồ 3.2 đến biểu đồ 3.5.



Biểu đồ 3.2. Tỷ lệ về trình độ đào tạo của giảng viên Khoa GDTC – Quốc phòng năm học 2016-2017 (Nguồn: Phòng Đào tạo)



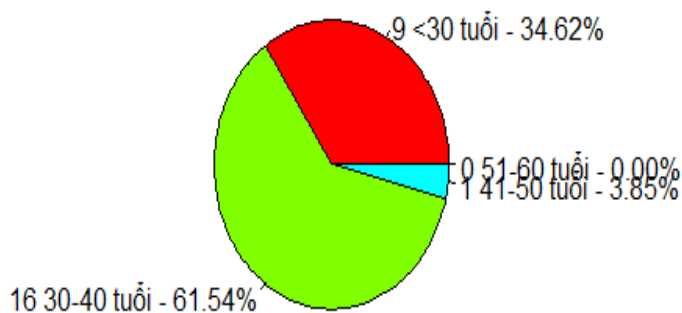
Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ về chuyên ngành đào tạo của giảng viên Khoa GDTC – Quốc phòng năm học 2016-2017 (Nguồn: Phòng Đào tạo)

Từ kết quả thu được ở biểu đồ 3.2 và biểu đồ 3.3 cho thấy: Với định hướng của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp bước đầu là cơ sở đào tạo ứng dụng thì tỷ lệ tiến sĩ phải đạt 25%. Tuy nhiên, tại thời điểm năm học 2016-2017 thì giảng viên GDTC chủ yếu có trình độ thạc sĩ với 25/26 người chiếm tỷ lệ 96.15%, trình độ tiến sĩ có 1/26 người chiếm tỷ lệ 3.85%. Thực trạng này sẽ có ảnh hưởng to lớn đến nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và xây dựng chương trình tự chọn môn GDTC nói riêng.

Khi xem xét dưới góc độ chuyên ngành đào tạo của giảng viên cho thấy có thể phân nhóm như sau: điền kinh, bóng đá, cầu lông, bóng bàn chiếm tỷ lệ từ 11.54% đến 15.38%; bóng chày, bóng rổ, quần vợt đều chiếm 7.69%; và nhóm cuối gồm bơi lội, bóng ném, cờ vua, quần vợt đều chiếm 3.85%. So sánh với chương trình môn học GDTC cho thấy cơ bản có sự phù hợp. Tuy nhiên, số lượng giảng viên so với số tín chỉ đào tạo có sự mất cân bằng và cần được xem xét cụ thể. Vấn đề này được phân tích ở bảng 3.3 và biểu đồ 3.5.

Tỷ lệ Giảng viên/Sinh viên ở mức 1/731 là quá cao so với mục tiêu đặt ra trong Luật giáo dục và Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 (Đạt 01/500 vào năm 2015, đạt 01/400 vào năm 2020 và đạt 01/300 vào năm 2030). Như vậy, đây sẽ là những thách thức to lớn khi tổ chức giảng dạy các môn GDTC tự chọn đòi hỏi chất lượng cao (tăng tỷ lệ Giảng viên/Sinh viên và giảm biên chế sinh viên trong lớp theo các môn thể thao cụ thể). Vì vậy, số lượng môn GDTC tự chọn cần hạn chế từ 2-3 môn và có thể tập luyện với số lượng sinh viên lớn nhất ở mỗi buổi tập.

Về đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên phân bố theo độ tuổi được trình bày ở biểu đồ 3.4.



Biểu đồ 3.4. Tỷ lệ về độ tuổi của giảng viên Khoa GDTC – Quốc phòng năm 2016

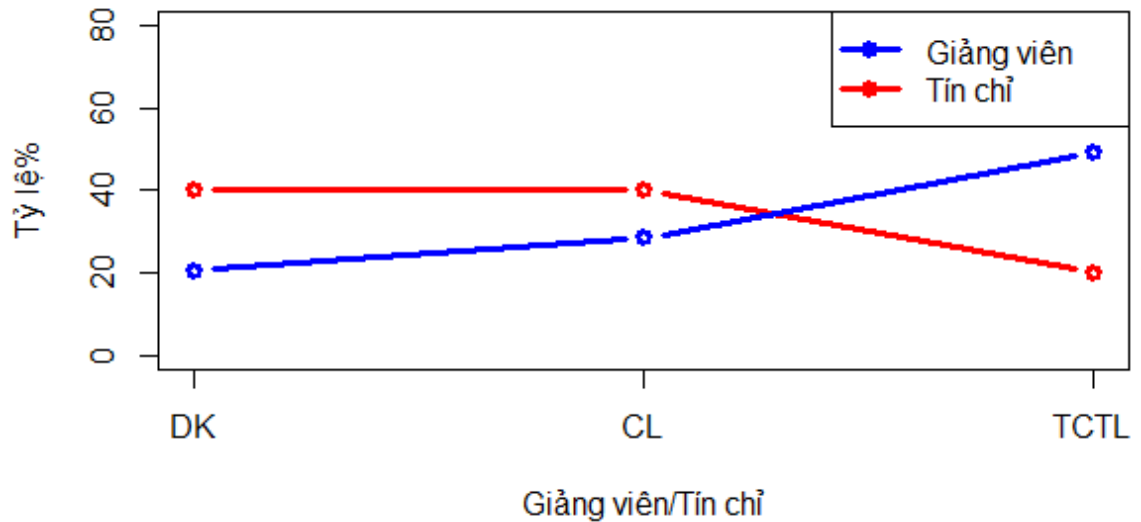
(Nguồn: Phòng Đào tạo)

Kết quả thu được ở biểu đồ 3.4 cho thấy: Phân bố giảng viên GDTC của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp chưa đồng đều ở các nhóm tuổi, chủ yếu ở nhóm 30-40 tuổi chiếm tỷ lệ 61.54% và nhóm <30 tuổi chiếm 34.6%. Nhóm tuổi tiếp theo là 41-50 chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chỉ với 1 người chiếm tỷ lệ 3.85%; và nhóm tuổi 51-60 không có ai. Kết quả cho thấy đây là một thách thức, tuy nhiên cũng là thế mạnh trong triển khai các môn GDTC tự chọn đòi hỏi tính năng động và nhiệt tình của đội ngũ giảng viên.

Khi so sánh đội ngũ giảng viên với số tín chỉ ở các nội dung trong môn GDTC đã thu được kết quả như trình bày ở bảng 3.3 và biểu đồ 4.

Bảng 3.3. So sánh thực trạng đội ngũ giảng viên giáo dục thể chất với các môn trong chương trình môn học giáo dục thể chất.

TT	Môn học	Tín chỉ		Giảng viên		Chênh lệch
		Bắt buộc	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
1	2	3	4	5	6	7=6-4
1	Điền kinh	4	40	5	19.23	-20.77
2	Cầu lông	4	40	3	11.54	-28.46
3	Rèn luyện tố chất thể lực (chạy luân cộc, chống đẩy, chạy bền)	2	20	18	69.23	+49.23
	Tổng số	10		26		



Biểu đồ 3.5. So sánh về tỷ lệ giảng viên và tín chỉ giảng dạy trong chương trình đào tạo môn giáo dục thể chất.

Từ kết quả thu được ở bảng 3.3 và biểu đồ 3.5 cho thấy: Nếu mức chênh lệch thu được là (+) thì ở môn học đó có sự dư thừa giảng viên hoặc (-) là thiếu giảng viên. Như vậy là có môn điền kinh và cầu lông còn thiếu giảng viên, từ 20.77-28.46%; Nội dung rèn luyện tố chất thể lực là dư thừa giảng viên, chiếm 49.23%. Như vậy, thực tế các nội dung bắt buộc (điền kinh 1, điền kinh 2) và tự chọn bắt buộc (cầu lông 1, cầu lông 2) là chủ đạo song lại ở tình trạng thiếu giảng viên, nội dung rèn luyện tố chất thể lực lại thừa giảng viên. Kết quả này cho thấy có sự mất cân đối trong cấu trúc giảng viên GDTC với việc thực thi chương trình môn GDTC. Do vậy, cần có những điều chỉnh quản lý phù hợp với mục tiêu đào tạo, mà một trong những vấn đề chủ chốt là gia tăng số lượng môn thể thao tự chọn để giảm tải các môn tự chọn hiện có là cầu lông và dịch chuyển số giảng viên dư thừa ở nội dung rèn luyện tố chất thể lực. Như vậy, gia tăng số lượng môn GDTC tự chọn bước đầu cho thấy giải quyết được nhiều vấn đề về: cơ cấu đội ngũ giảng viên GDTC, nâng cao chất lượng chương trình môn học GDTC, phát huy điểm mạnh về độ tuổi giảng viên, từng bước giảm tỷ lệ giảng viên/sinh viên dưới góc độ chuyên môn thể thao... Tuy nhiên, việc lựa chọn các môn GDTC tự chọn cần xem xét với sự phù hợp với khả năng đáp ứng của công trình thể thao. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.

3.1.4. Thực trạng công trình TDTT phục vụ giảng dạy môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp

Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp gồm hai cơ sở đào tạo tại Hà Nội và Nam Định. Thống kê công trình thể thao trình bày ở bảng 3.4.

Bảng 3.4. Công trình TDTT phục vụ giảng dạy môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp

Nguồn số liệu: Khoa GDTC – Quốc phòng

TT	Công trình	Số lượng		Ghi chú	Phục vụ	
		Nam Định	Hà Nội		Giảng dạy	Ngoại khóa
1	Sân bóng đá	2	Thuê mặt bằng công viên Thống Nhất	Sân 7, cỏ nhân tạo		×
2	Sân cầu lông	8		Mini 7	×	
3	Điền kinh	4 đường nội bộ × 100m			×	
4	Phòng tập bóng bàn	6				×
5	Sân bóng rổ	2		Ngoài trời		×

Từ kết quả thu được ở bảng 3.4 cho thấy: Công trình thể thao phục vụ giảng dạy môn GDTC của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp là rất hạn hẹp, thiếu cả về số lượng ở từng môn thể thao cụ thể và sự đa dạng để cho các môn thể thao khác. Đặc biệt là tại cơ sở ở Hà Nội thì việc giảng dạy môn GDTC chủ yếu dựa trên hợp đồng “*Thuê mặt bằng công viên Thống Nhất*”. Đây là vấn đề hết sức bất cập và lý giải việc xây dựng chương trình môn GDTC chỉ bao gồm môn điền kinh và cầu lông để phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tuy nhiên, khi xem xét công trình thể thao ở cơ sở Nam Định cho thấy có sự đa dạng hơn ở cơ sở Hà Nội với 2 sân bóng đá cỏ nhân tạo (sân 7) và 2 sân bóng rổ. Do vậy, chương trình môn GDTC không thể giống nhau giữa cơ sở Hà Nội và Nam Định, vì điều kiện công trình thể thao cho thấy có sự khác biệt. Hay nói cách

khác, sinh viên học tập ở cơ sở Nam Định có thể lựa chọn được 2 môn bóng đá và bóng rổ là môn thể thao tự chọn. Tuy nhiên, hiện cả hai chương trình môn học bóng đá và bóng rổ ở cơ sở Nam Định đều chưa được xây dựng. Mặc dù bước đầu đã có sự tham gia tập luyện của sinh viên, hướng dẫn của giảng viên. Do vậy, xây dựng chương trình môn học bóng đá và bóng rổ cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp là hết sức cần thiết và phù hợp với điều kiện công trình thể thao ở cơ sở Nam Định.

3.1.5. Thực trạng kết quả học môn giáo dục thể chất của sinh viên

Để đánh giá Thực trạng kết quả học môn GDTC của sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, đề tài đã sử dụng kết quả học tập của một số lớp ở các khóa trong 3 năm học gần nhất để so sánh. Kết quả tổng hợp điểm ở môn điền kinh 1, môn điền kinh 2 và cầu lông 1 của sinh viên khóa đại học 9 (305 sinh viên), đại học 10 (321 sinh viên) và đại học 11 (314 sinh viên). Kết quả trình bày tại bảng 3.5.

Bảng 3.5. So sánh kết quả học tập môn giáo dục thể chất của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp

Xếp loại	Đại học 9		Đại học 10		Đại học 11		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Xuất sắc	5	1.6	6	1.9	9	2.9	20	2.1
Giỏi	7	2.3	9	2.8	10	3.2	26	2.8
Khá	18	5.9	17	5.3	18	5.7	53	5.6
Trung bình	214	70.2	221	68.8	206	65.6	641	68.2
Yếu	61	20.0	68	21.2	71	22.6	200	21.3
Tổng	305		321		314		940	
χ^2	2.802, Bậc tự do = 8, P = 0.946 > 0.05						123.7, Bậc tự do	

Kết quả bảng 3.5 cho thấy: Tỷ lệ sinh viên có kết quả học tập môn GDTC của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp giữa các khóa 9 đến 11 có tỷ lệ khác nhau. Song kết quả chung của cả ba khóa cụ thể như sau:

Kết quả xếp loại điểm xuất sắc: 20 sinh viên chiếm tỷ lệ 2.1%.

Kết quả xếp loại điểm giỏi: 26 sinh viên chiếm tỷ lệ 2.8%.

Kết quả xếp loại điểm khá: 53 sinh viên chiếm tỷ lệ 5.6%.

Kết quả xếp loại điểm trung bình: 641 sinh viên chiếm tỷ lệ 68.2%.

Kết quả xếp loại điểm yếu: 200 sinh viên chiếm tỷ lệ 21.3%.

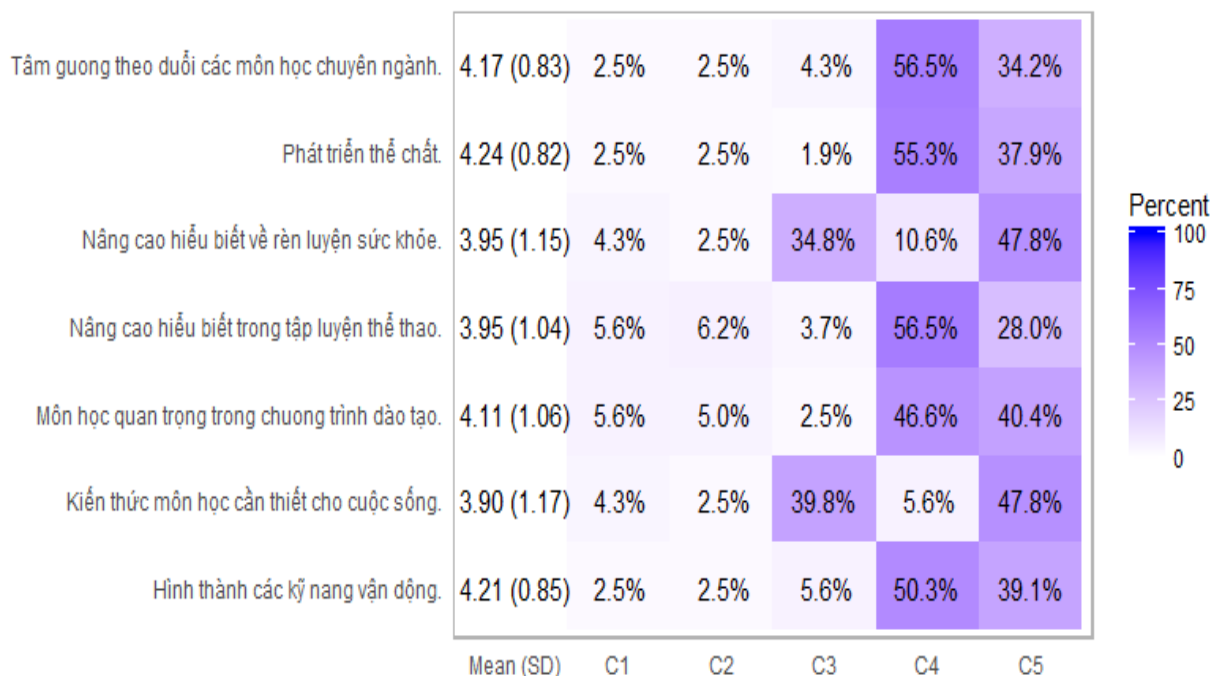
Kết quả kiểm định Khi bình phương giữa ba khóa là 2.802 với $P = 0.946 > 0.05$. Như vậy, kết quả học tập môn GDTC của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp giữa các khóa 9 đến 11 không có sự khác biệt. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên có mức xếp loại yếu chiếm tỷ lệ cao, với 21.3%. Đồng thời khi kiểm định số lượng sinh viên đạt mức trung bình là 641, so sánh với tổng số 940 sinh viên thì Khi bình phương thu được ở bậc tự do là 1 có giá trị 123.7 với $P = 2.2e-16 < 0.05$. Như vậy, tỷ lệ sinh viên có kết quả học tập môn GDTC ở mức trung bình còn quá lớn ở trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Do vậy, đây là cơ sở quan trọng để đổi mới, xây dựng chương trình môn GDTC cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

3.1.6. Thực trạng tính tích cực học tập môn giáo dục thể chất và tập luyện thể thao ngoại khóa cho sinh viên

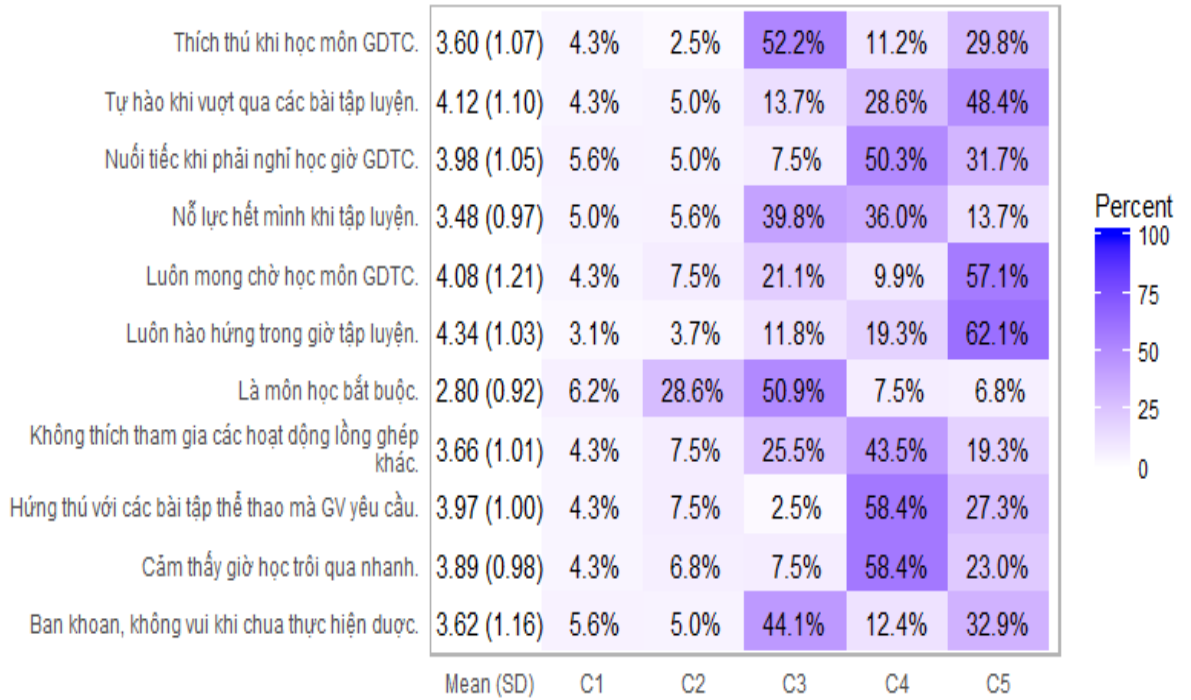
Chương trình môn học GDTC của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp về cơ bản đã đáp ứng được quy định của Bộ GD-ĐT. Tuy nhiên, còn tồn tại một số điểm cần tiếp tục được đổi mới. Chương trình môn học GDTC đã tồn tại trong một thời gian quá dài từ 2009-2017 mà chưa có những thay đổi về môn thể thao tự chọn. Vì vậy, việc lựa chọn môn thể thao tự chọn và xây dựng chương trình GDTC tự chọn cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp là hết sức cấp thiết. Trong đó, xác định được hứng thú học tập môn

GDTC và hoạt động tập luyện ngoại khóa là tiền đề trong xây dựng chương trình môn GDTC tự chọn. Đồng thời cũng là căn cứ quan trọng để xây dựng chương trình môn GDTC tự chọn phù hợp với mục tiêu đào tạo, điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên và thực trạng hoạt động ngoại khóa của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

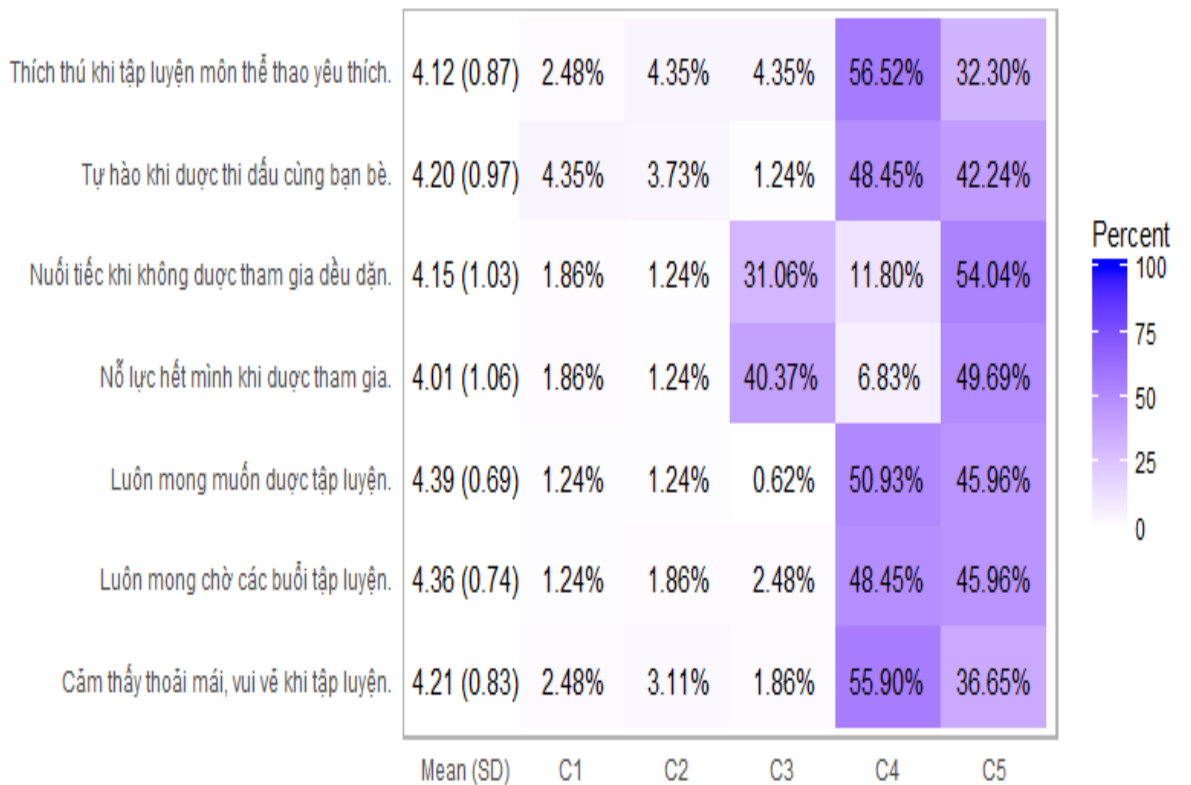
Căn cứ những dấu hiệu của tính tích cực học tập môn GDTC và tập luyện thể thao ngoại khóa, chúng tôi đã xây dựng những câu hỏi phỏng vấn sinh viên về biểu hiện của tính tích cực học tập môn GDTC và tập luyện thể thao ngoại khóa. Bao gồm: Nhận thức và thái độ của sinh viên đối với môn học giáo dục thể chất; Thái độ, hành động học tập và tập luyện thể thao ngoại khóa của sinh viên. Khi trả lời mỗi câu hỏi phỏng vấn, sinh viên sẽ đưa ra nhận định thông qua trả lời theo 5 mức độ của thang đo Likert (Với C1 là rất không đồng ý đến C5 là rất đồng ý). Số lượng phỏng vấn gồm 161 sinh viên. Xử lý kết quả thu được như trình bày ở biểu đồ 3.6 đến biểu đồ 3.9.



Biểu đồ 3.6. Nhận thức của sinh viên về ý nghĩa môn học GDTC



Biểu đồ 3.7. Thái độ của sinh viên đối với môn học GDTC

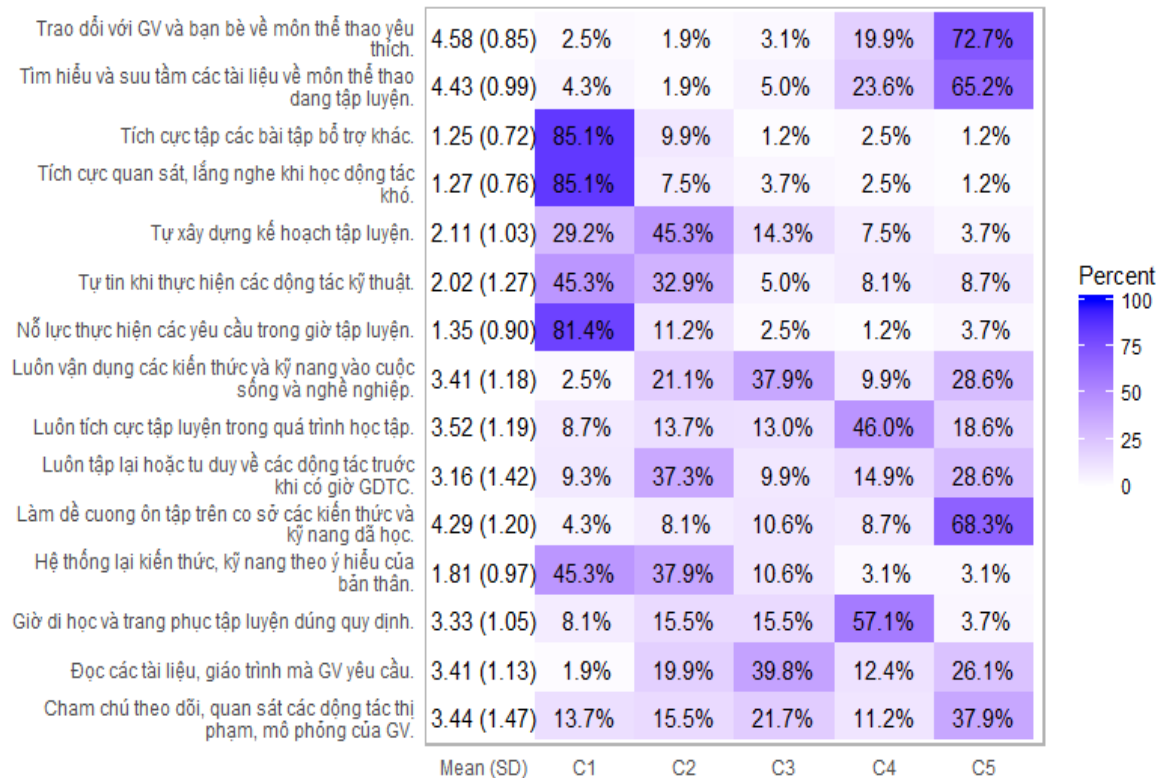


Biểu đồ 3.8. Thái độ của sinh viên đối với tập luyện ngoại khóa

Phỏng vấn về hành động học tập và tập luyện ngoại khóa của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp thu được ở bảng 3.6.

Bảng 3.6. Hành động học tập và tập luyện ngoại khóa của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp (n = 161)

TT	Câu hỏi	Tỷ lệ %			\bar{X}	δ
		Thấp	Giữa	Cao		
1	Tự xây dựng kế hoạch tập luyện	74.53	14.29	11.18	2.11	1.03
2	Luôn tích cực tập luyện trong quá trình học tập	22.36	13.04	64.60	3.52	1.19
3	Nỗ lực thực hiện các yêu cầu trong giờ tập luyện	92.55	2.48	4.97	1.35	0.90
4	Tích cực quan sát, lắng nghe khi học động tác khó	92.55	3.73	3.73	1.27	0.76
5	Hệ thống lại kiến thức, kỹ năng theo ý hiểu của bản thân	83.23	10.56	6.21	1.81	0.97
6	Tự tin khi thực hiện các động tác kỹ thuật	78.26	4.97	16.77	2.02	1.27
7	Làm đề cương ôn tập trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng đã học	12.42	10.56	77.02	4.29	1.20
8	Luôn tập lại hoặc tư duy về các động tác trước khi có giờ GDTC	46.58	9.94	43.48	3.16	1.42
9	Giờ đi học và trang phục tập luyện đúng quy định	23.60	15.53	60.87	3.33	1.05
10	Luôn vận dụng các kiến thức và kỹ năng vào cuộc sống và nghề nghiệp	23.60	37.89	38.51	3.41	1.18
11	Tìm hiểu và sưu tầm các tài liệu về môn thể thao đang tập luyện	6.21	4.97	88.82	4.43	0.99
12	Trao đổi với GV và bạn bè về môn thể thao yêu thích	4.35	3.11	92.55	4.58	0.85
13	Đọc các tài liệu, giáo trình mà GV yêu cầu	21.74	39.75	38.51	3.41	1.13
14	Chăm chú theo dõi, quan sát các động tác thị phạm, mô phỏng của GV	29.19	21.74	49.07	3.44	1.47
15	Tích cực tập các bài tập bổ trợ khác	95.03	1.24	3.73	1.25	0.72



Biểu đồ 3.9. Hành động học tập và tập luyện ngoại khóa của sinh viên

Từ kết quả thu được ở biểu đồ 3.6 đến biểu đồ 3.9 cho thấy:

Các câu hỏi về nhận thức của sinh viên về ý nghĩa môn học GDTC ở biểu đồ 3.6 đều có giá trị trung bình từ 3.90 đến 4.24 với độ lệch chuẩn từ 0.82 đến 1.17. Như vậy đều nằm trong mức đánh giá đồng ý (3.41 - 4.20) và rất đồng ý (4.21 - 5.00). Có 5/7 câu trả lời có tỷ lệ % từ 28.0 đến 47.8 ở phía đồng ý cao (C5), còn lại 2/7 câu có mức bình thường (C3) 34.8 – 39.8%. Như vậy, đa số sinh viên có nhận thức tốt về môn học GDTC.

Các câu hỏi về thái độ của sinh viên đối với môn học GDTC ở biểu đồ 3.7 cho thấy: Có 10/11 câu hỏi có giá trị trung bình từ 3.60 đến 4.34 với độ lệch chuẩn từ 0.97 đến 1.21. Như vậy đều nằm trong mức đánh giá đồng ý và rất đồng ý. Chỉ có 1/11 câu với là 2.80 với bản khoản về môn học GDTC có phải là môn bắt buộc, song vấn đề này là do xuất phát từ chương trình môn học GDTC có môn tự chọn song lại do nhà trường chọn, vì các bó buộc về công trình tập luyện TDDT. Như vậy, phần lớn sinh viên có thái độ tốt đối với môn học GDTC.

Kết quả nhận định về thái độ của sinh viên đối với tập luyện ngoại khóa ở biểu đồ 3.8 cho thấy tất cả các câu hỏi có giá trị trung bình từ 4.01 đến 4.39 với độ lệch chuẩn từ 0.69 đến 1.06. Như vậy đều nằm trong mức đánh giá đồng ý và rất đồng ý. Chứng tỏ, phần lớn sinh viên có thái độ tích cực với tập luyện thể thao ngoại khóa.

Hành động học tập và tập luyện ngoại khóa của sinh viên ở biểu đồ 3.9 cho thấy có 7/15 câu hỏi có trung bình từ 3.41 điểm trở lên ở mức đồng ý, còn lại 8/15 câu hỏi ở mức thấp, đều dưới 3.41 điểm. Như vậy, các em sinh viên nhận thức được ý nghĩa của môn học GDTC và có thái độ tốt với tập luyện thể thao ngoại khóa, song biểu hiện thành hành động học tập và tập luyện ngoại khóa chưa tương xứng với nhận thức và thái độ. Trong giờ học môn GDTC cũng như tập luyện thể thao ngoại khóa, các em chưa chủ động tham gia tập luyện môn thể thao yêu thích, tìm hiểu kiến thức liên quan đến môn học GDTC nói chung và môn thể thao ngoại khóa nói riêng. Đa số sinh viên mới chỉ ở dừng lại ở mức độ nắm kiến thức và kỹ năng động tác mà giảng viên hướng dẫn, thi phạm trên lớp.

Nhận xét: Đa số sinh viên nhận thức tốt ý nghĩa của môn học GDTC, đây là một trong những yếu tố để hình thành nên tính tích cực học tập môn GDTC cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Các sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp đã hiểu rõ ý nghĩa và có thái độ tích cực với môn học GDTC và tập luyện ngoại khóa.

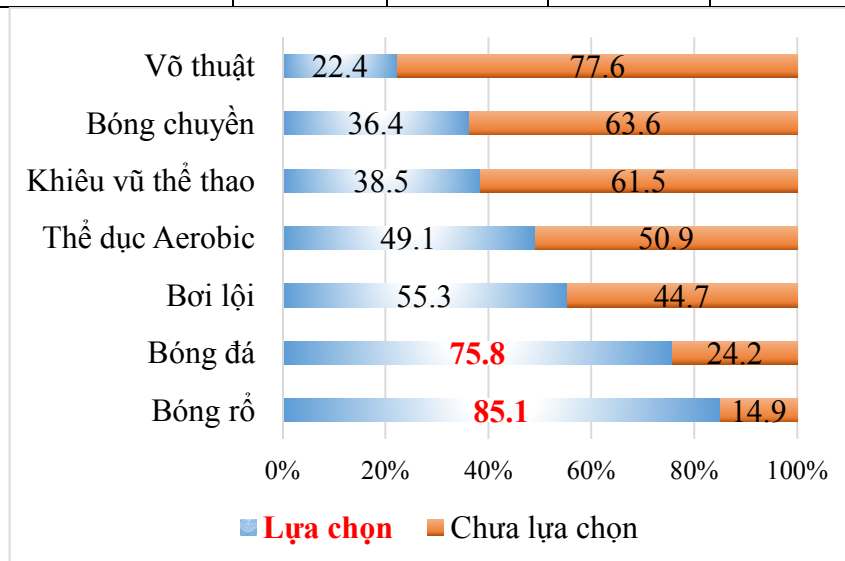
Tính tích cực học tập môn GDTC của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp chưa chuyển hóa thành hành động tập luyện. Sinh viên chưa có những hành động tích cực để tập luyện các bài tập bổ trợ hoặc môn thể thao yêu thích, hoặc để nắm kiến thức một cách sâu rộng và hoàn thiện kỹ năng động tác. Nguyên nhân có phần xuất phát từ chương trình đào tạo chưa có sự đa dạng về các môn thể thao tự chọn.

3.1.7. Thực trạng nhu cầu môn học tự chọn của sinh viên

Để tiếp tục xây dựng chương trình môn học GDTC tự chọn theo nghề nghiệp ngày càng hoàn thiện và đáp ứng được nhu cầu của sinh viên, nhà trường đang từng bước gia tăng thêm số môn thể thao tự chọn. Tuy nhiên, để phù hợp với các nguồn lực về con người và điều kiện cơ sở vật chất, nhà trường bước đầu đã giới thiệu thêm 7 môn và lấy ý kiến của sinh viên về các môn học này. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.7 và biểu đồ 3.10.

Bảng 3.7. Kết quả lựa chọn môn GDTC tự chọn theo nghề nghiệp của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp (n = 161)

TT	Môn GDTC tự chọn	Thứ hạng	Lựa chọn		Chưa lựa chọn	
			n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %
1	Bóng rổ	1	137	85.1	24	14.9
2	Bóng đá	2	122	75.8	39	24.2
3	Bơi lội	3	89	55.3	72	44.7
4	Thể dục Aerobic	4	79	49.1	82	50.9
5	Khiêu vũ thể thao	5	62	38.5	99	61.5
6	Bóng chuyền	6	55	36.4	96	63.6
7	Võ thuật	7	36	22.4	125	77.6



Biểu đồ 3.10. Tỷ lệ lựa chọn môn GDTC tự chọn theo nghề nghiệp của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp

Từ kết quả thu được ở bảng 3.7 và biểu đồ 3.10 cho thấy, mức độ lựa chọn các môn thể thao tự chọn của sinh viên là khác nhau, song xếp theo tỷ lệ % ở mức “Lựa chọn” thì thứ hạng như sau:

Ở nhóm trên 50% với môn bóng rổ chiếm tỷ lệ cao nhất (85.1%), thứ hai là môn bóng đá (75.8%) và thứ ba là môn bơi lội (55.3%).

Ở dưới trên 50% với gồm 4 môn với tỷ lệ lần lượt là: thể dục Aerobic (49.1%), khiêu vũ thể thao (38.5%), bóng chuyền (36.4%), võ thuật (22.4%).

Căn cứ vào ý kiến lựa chọn của sinh viên cho thấy sự cần thiết phải bổ sung thêm các môn GDTC tự chọn theo nghề nghiệp của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Trong đó ưu tiên hàng đầu ở giai đoạn hiện nay là hai môn bóng rổ và bóng đá, còn môn bơi lội vẫn phải dựa trên điều kiện đảm bảo thực hiện khi nhà trường có thể tự chủ về công trình bể bơi.

3.1.8. Bàn luận

Về lựa chọn tiêu chí đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất và chương trình môn học giáo dục thể chất.

So sánh các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học GDTC mà đề tài lựa chọn đã cho thấy có sự khác biệt và đáp ứng xu hướng đổi mới chương trình môn học hiện nay của các tác giả: Nguyễn Trọng Hải và cộng sự (2001) nghiên cứu cơ sở khoa học nhằm xác định nội dung GDTC cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng Việt Nam theo định hướng nghề nghiệp [48]; Nguyễn Cẩm Ninh (2011), Nghiên cứu xây dựng nội dung giảng dạy cử nhân ngành quản lý TĐTT [74]. Đối với một số công trình liên quan đã có sự kế thừa song khác biệt rõ rệt về đối tượng, yêu cầu đặt ra đối với chương trình môn học GDTC bậc đại học của các tác giả: Trần Hữu Hoan (2011), Quản lý xây dựng và đánh giá chương trình môn học trình độ đại học trong học chế tín chỉ [53]; Nguyễn Mai Hương (2011), Quản lý quá trình dạy và học theo học chế tín chỉ trong các trường đại học ở Việt Nam giai đoạn hiện nay

[57]; Nguyễn Văn Thời (2011), Nghiên cứu tổ chức dạy học tự chọn theo chủ đề cơ bản môn thể dục trong các trường trung học cơ sở [91].

Căn cứ mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp thì chương trình môn học xây dựng phải đáp ứng được nhu cầu xã hội. Từ tổng quan các vấn đề nghiên cứu, luận án đã lựa chọn và xác định được các tiêu chí đánh giá một cách khoa học và được dựa trên các mô hình đánh giá. Đặc biệt là dựa trên các định hướng xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của Bộ GD-ĐT và của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Các định hướng này đều nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

Các tiêu chí đánh giá được lựa chọn có tính đến tính linh hoạt cho các chương trình giáo dục, đặc thù ngành nghề đào tạo và bối cảnh của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Từ đó làm cơ sở hình thành các câu phỏng vấn, nội dung khảo sát tập trung vào yếu tố đầu vào, quá trình và đầu ra của chương trình môn học GDTC nói chung và môn thể thao tự chọn nói riêng. Các tiêu chí lựa chọn dùng trong đánh giá thực trạng đều hướng đến mục tiêu về sự cần thiết để phát triển một chương trình mới, phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường. Từ đó đảm bảo, chương trình môn học mới được xây dựng đáp ứng mục đích hoàn thiện chương trình hiện hành, đồng thời đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội và thị trường lao động.

Kết quả phỏng vấn thu được cho thấy có độ tin cậy cao và đều đánh giá ở mức quan trọng và rất quan trọng về các tiêu chí đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Điểm nổi bật trong kết quả thu được là tiêu chí “Chương trình môn học GDTC” chiếm tỷ lệ ý kiến rất quan trọng tới 80.6% và cao nhất trong số 5 tiêu chí được phỏng vấn. Như vậy, xây dựng chương trình môn học GDTC là nội dung dành được sự đồng thuận rất cao từ các đối tượng phỏng vấn. Vì khi xây dựng được chương trình môn học GDTC đồng nghĩa gián tiếp với sự đảm bảo các điều kiện thực hiện của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Về kết quả đánh giá công tác GDTC và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Mặc dù chương trình môn học GDTC đã trình bày được mục tiêu, kiến thức, thái độ. Tuy nhiên, trong thiết kế chương trình môn học GDTC của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp trong những năm qua còn tồn tại bất cập về chuẩn đầu ra. Chương trình chưa có những hướng dẫn cụ thể về mục tiêu chương trình và chuẩn đầu, chưa đảm bảo tác động tích cực đến phát triển thể lực cho sinh viên trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Số lượng tín chỉ lớn (5 tín chỉ) song nội dung môn thể thao tự chọn lại ít, chỉ với hai môn là điền kinh và cầu lông. Điều này cho thấy sự mềm dẻo của chương trình là chưa cao, tính chất môn học là sinh viên tự chọn song thực chất vẫn dựa trên nền tảng nhà trường đã lựa chọn cứng các môn học này. Thực trạng này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thể thao ngoại khóa nói chung và rèn luyện thể lực của sinh viên trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Những bàn luận này một lần nữa cho thấy sự cần thiết phải bổ sung thêm các môn thể thao tự chọn cho sinh viên trong chương trình môn học GDTC của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Tất nhiên, để thực hiện được điều này phải dựa trên các điều kiện đảm bảo về đội ngũ giảng viên, công trình TDDT phù hợp với các môn thể thao tự chọn và nhu cầu tập luyện môn thể thao yêu thích của sinh viên. Những nội dung này cũng đã được luận án đánh giá và tiếp tục bàn luận dưới đây.

Kết quả nghiên cứu thu được từ thực trạng đội ngũ giảng viên thì hoàn toàn có thể đáp ứng được việc triển khai hai môn thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC. Ở môn bóng đá có tỷ lệ giảng viên tốt nghiệp chuyên sâu bóng đá là 15.38% và chuyên sâu bóng rổ là 7.69%. Đồng thời với công trình TDDT hiện có là 2 sân bóng đá và 2 sân bóng rổ là đủ đảm bảo triển khai giảng dạy. Tất nhiên khi giảng dạy cần tính đến số lượng sinh viên đăng ký tối đa ở mỗi môn để đảm bảo mật độ tối ưu nhất. Từ những phân tích về đội ngũ giảng viên và thực trạng công trình TDDT thì việc xây dựng 02 chương trình môn học

thể thao tự chọn (bóng đá và bóng rổ) là hoàn toàn phù hợp với trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Đặc biệt là ở cơ sở đào tạo tại Nam Định.

Khi xem xét thực trạng tích cực học tập môn GDTC và tập luyện thể thao ngoại khóa cho sinh viên nhận thức tốt ý nghĩa của môn học, có thái độ tích cực với môn học GDTC và tập luyện ngoại khóa. Song bên cạnh đó, sinh viên còn tồn tại một số bất cập nhất định. Đó là việc chuyển hóa từ tính tích cực học tập môn GDTC thành hành động tập luyện còn hạn chế ở sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Sinh viên chưa có những hành động tích cực để tập luyện TDTT thường xuyên hoặc tham gia tập luyện môn thể thao yêu thích. Nguyên nhân có phần xuất phát từ sự hạn chế của công trình TDTT, song chúng tôi cho rằng nó cũng có ảnh hưởng lớn từ chương trình đào tạo chưa có sự đa dạng về các môn thể thao tự chọn.

Tóm lại: Thông qua kết quả thu được và bàn luận với các công trình khoa học của các tác giả khác, đề tài đã làm sáng tỏ được thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Các vấn đề có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đến xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn cho sinh viên.

Thông qua bàn luận đã cho thấy những điểm khác biệt của luận án với các công trình nghiên cứu đã công bố. Đồng thời cũng đã làm rõ thêm về những hạn chế, tồn tại để dùng làm căn cứ xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

3.2. Nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp và các chỉ tiêu đánh giá chương trình môn học

3.2.1. Cơ sở khoa học xây dựng chương trình môn học giáo dục thể chất tự chọn

Hoạt động xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp được tiến hành trên những cơ sở pháp lý sau:

Mẫu chương trình đào tạo thực hiện theo Thông tư số 08/2011/TT-BGD&ĐT ngày 17/2/2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT quy định điều kiện, hồ sơ,

quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng [23].

Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới căn bản và toàn diện GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020 [33].

Phạm vi, quyền hạn của các cơ sở đào tạo trong việc xây dựng và thiết kế chương trình đào tạo hệ chính quy, được ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ – BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ GD-ĐT [16].

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Ban chấp hành TW Đảng, năm 2011 [5].

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 1/12/2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020 [7].

Quyết định số 72/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 23 tháng 12 năm 2008 về quy định tổ chức thể thao ngoại khóa cho học sinh sinh viên [20].

Chỉ thị số 40/2008/CT-BGD&ĐT ngày 22/7/2008 và Kế hoạch số 307/KH-BGD&ĐT ngày 22/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động và triển khai phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” [18].

Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo [17].

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGD&ĐT [24].

Nghị quyết số 29 NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế [10].

Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ban hành kèm theo

Quyết định số 2653/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [34].

Nghị định số: 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính Phủ quy định chương trình GDTC và hoạt động TDTT trong nhà trường [35].

Thông tư số 25/2015/TT-BGD&ĐT ngày 14/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học [28].

3.2.2. Nguyên tắc xây dựng chương trình môn học giáo dục thể chất tự chọn

Quá trình xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp tuân thủ những nguyên tắc sau [41], [48], [75]:

Thứ nhất: Mục tiêu các môn học bắt buộc và tự chọn phải là bộ phận hữu cơ của mục tiêu GDTC, có nghĩa phải thể hiện mức độ, định hướng yêu cầu của nghề nghiệp, phải chịu chi phối của đặc điểm, tính chất công việc của sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Thứ hai: Mục tiêu chương trình phải thể hiện ở hai mức độ (mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể), đáp ứng được yêu cầu trên cả hai mặt giáo dục và giáo dưỡng là: Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, giáo dục nhân cách và phẩm chất cho học sinh. Mục tiêu của nội dung quy định những giá trị đạt được cho sinh viên sau quá trình học tập, do vậy mục tiêu chi phối trực tiếp và toàn diện quá trình đào tạo cũng xuất phát từ mục tiêu nội dung đào tạo phải giải quyết tốt hai nhiệm vụ cơ bản của giáo dục và giáo dưỡng [60].

Đảm bảo tính khoa học: Tính khoa học của việc thiết kế cải tiến nội dung GDTC phải được thể hiện ở hai mặt:

Lựa chọn nội dung giảng dạy: Nội dung giảng dạy được lựa chọn cần cập nhật những tiến bộ của xã hội, phù hợp với những điều kiện thực tiễn của Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Nội dung phải phù hợp với sinh viên, tính chất nghề nghiệp và đặc điểm của ngành đào tạo, phải giải quyết được hai vấn đề cơ bản của giáo dục đào tạo là trang bị cho sinh viên tri thức cần thiết và đáp ứng được những đòi hỏi của xã hội.

Sắp xếp nội dung chương trình: Phải đảm bảo tính kế thừa, nội dung sau phải kế thừa nội dung trước. Đối với những môn cơ bản thì giảm thời lượng để dành cho những môn cốt lõi của chương trình. Lựa chọn nội dung giảng dạy phù hợp, đảm bảo những kiến thức theo yêu cầu chuyên môn nghề nghiệp của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, nhằm trang bị những kỹ năng cơ bản trong công tác GDTC đáp ứng yêu cầu của thực tiễn [53], [75], [98].

Đảm bảo tính thống nhất: Tính thống nhất giữa mục tiêu, nội dung và chương trình GDTC. Sự thống nhất giữa nội dung giảng dạy phải phù hợp với mục tiêu đào tạo, được thể hiện sự giải quyết hợp lý giữa yêu cầu về nội dung giảng dạy với kiến thức và năng lực được trang bị cho sinh viên trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Nội dung giảng dạy phù hợp với những điều kiện thực tiễn của nhà trường, đặc biệt là điều kiện con người và cơ sở vật chất, phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, xu thế phát triển của khoa học công nghệ của nền sản xuất hiện đại... [48], [75].

Đảm bảo tính thực tiễn: Khi xác định nội dung giảng dạy GDTC cần phải căn cứ vào bối cảnh cụ thể của giáo dục đại học Việt Nam, những yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực của đất nước, với đội ngũ cán bộ tương lai đào tạo lớp người phát triển cao về trí tuệ - cường tráng về thể chất - phong phú về tinh thần - trong sáng về đạo đức, phục vụ phát triển đất nước. Tuy nhiên, tính thực tiễn của nội dung giảng dạy cũng phù hợp với những điều kiện đảm bảo thực thi nội dung giảng dạy như: giảng viên, cơ sở vật chất... [75], [98].

Đảm bảo tính sự phạm, bao gồm một số vấn đề sau:

Lựa chọn nội dung giảng dạy: Nội dung lựa chọn để xây dựng chương trình chi tiết cho từng học phần phải được xác định ở ba loại hình kiến thức: kiến thức nền tảng (cốt lõi); kiến thức chuyên ngành (nghề nghiệp); kiến thức về phương pháp. Nội dung chương trình phải quy nạp tổng thể kiến thức toàn diện, phù hợp với yêu cầu của mục tiêu đào tạo trong từng ngành nghề đào tạo của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, ngoài ra chương trình còn phải có tính thực tiễn và hiện đại [34], [48], [75].

Cấu trúc nội dung chương trình được sắp xếp đảm bảo tính kế thừa và phát triển, đảm bảo tính liên tục của quá trình nhận thức, nội dung sau kế thừa của nội dung trước. Nội dung cũng phải đảm bảo tính tuần tự, sắp xếp từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức nền tảng đến kiến thức chuyên ngành [48], [75].

Phương pháp giảng dạy: Phương pháp lựa chọn phải đảm bảo sự kết nối mang tính sư phạm truyền thụ và khả năng tiếp thu lĩnh hội của người học, đảm bảo cho quá trình nhận thức tư duy của người học, cần trang bị cho người học nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau. Đặc biệt là áp dụng các phương pháp giảng dạy học tích cực để người học được chủ động phát huy năng lực tự học, tự chiếm lĩnh tri thức [85], [90], [95].

Quá trình kiểm tra đánh giá: Quá trình đánh giá kết quả lao động luôn được gắn liền với thực tiễn dạy và học, là động lực thúc đẩy quá trình đào tạo, phải coi việc đánh giá là một phương pháp hữu hiệu mang tính sư phạm cao trong quá trình đào tạo. Tuy vậy những tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá phải được xây dựng trên nền tảng những nội dung kiến thức đã được thiết kế trong nội dung giảng dạy, phải phù hợp với yêu cầu về năng lực và tri thức cần trang bị cho sinh viên trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Việc kiểm tra đánh giá phải được coi là động lực thúc đẩy quá trình học tập, chứ không tạo áp lực quá lớn đối với sinh viên [61], [62], [93].

Đảm bảo tính cập nhật: Nội dung các môn học trong chương trình đào tạo hiện đại, tạo điều kiện cho người học tiếp thu những kiến thức mới nhất của khu vực và thế giới. Chương trình cần cập nhật những nội dung phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước và phát triển kỹ năng sống.

Đảm bảo tính khả thi: Những nội dung cải tiến của chương trình GDTC phải phù hợp với tình hình đặc điểm tâm sinh lý của sinh viên bậc đại học, phù hợp với lứa tuổi, giới tính, phù hợp với tình hình đội ngũ giảng viên, với điều kiện cơ sở vật chất... và chương trình triển khai phải góp phần tích cực trong công tác nâng cao thể chất sinh viên, đảm bảo phát triển thể chất đạt mức độ

trung bình và tốt các tiêu chuẩn rèn luyện thể lực của Bộ Giáo dục – Đào tạo hoặc phân loại thể chất của người Việt Nam.

3.2.3. Cấu trúc chương trình môn học giáo dục thể chất tự chọn

Dựa trên những cơ sở khoa học và nguyên tắc xây dựng chương trình môn học, đồng thời dựa trên các kết quả đã phân tích ở phần thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Đề tài xây dựng cấu trúc chương trình môn học GDTC và môn thể thao tự chọn.

Về cấu trúc chương trình môn học GDTC cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp được trình bày ở bảng 3.8.

Bảng 3.8. Cấu trúc chương trình môn học giáo dục thể chất cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp

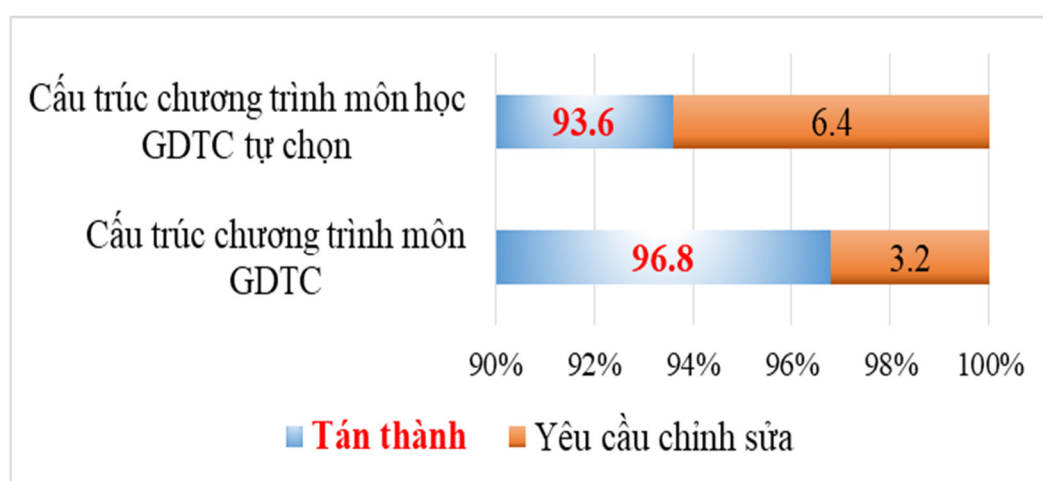
TT	Nội dung	Ghi chú
Phần 1	Mục tiêu, chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình	
I	Mục tiêu	
1	Mục tiêu chung	
2	Mục tiêu cụ thể	
II	Chuẩn đầu ra	
III	Khối lượng kiến thức	
IV	Cấu trúc chương trình đào tạo	
Phần 2	Nội dung chương trình	
I	Giáo dục thể chất chung	Môn bắt buộc
II	Giáo dục thể chất nghề nghiệp	Môn tự chọn
Phần 3	Hướng dẫn thực hiện chương trình	
1	Tổ chức giảng dạy	
2	Đánh giá kết quả học tập	
3	Triển khai thực hiện	

Về cấu trúc chương trình môn học GDTC tự chọn cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp được trình bày ở bảng 3.9.

Bảng 3.9. Cấu trúc chương trình môn học giáo dục thể chất tự chọn cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp

TT	Nội dung	Ghi chú
1	Tên học phần	
2	Số tín chỉ	
3	Trình độ đào tạo	
4	Tính chất học phần	
5	Khoa phụ trách	
6	Bộ môn phụ trách giảng dạy	
7	Mô tả vắn tắt nội dung học phần	Điều kiện đăng ký; Nội dung học
8	Mục tiêu của học phần:	
9	Nội dung chi tiết học phần:	
10	Tài liệu phục vụ cho học phần	Tài liệu học tập; Tài liệu tham khảo
11	Phương pháp đánh giá học phần	Phương pháp giảng dạy – học tập; Đánh giá học phần
12	Hướng dẫn thực hiện	

Sau khi xác định được cấu trúc chương trình môn GDTC và môn học GDTC tự chọn, đề tài đã tiến hành phỏng vấn 31 cán bộ quản lý, giảng viên. Kết quả thu được như trình bày ở bảng ở biểu đồ 3.11.



Biểu đồ 3.11. Kết quả phỏng vấn lựa chọn cấu trúc chương trình môn giáo dục thể chất và môn học giáo dục thể chất tự chọn

Thông qua kết quả thu được ở biểu đồ 3.11 cho thấy: Các ý kiến đều tán thành cao với cấu trúc chương trình mà đề tài đề xuất, chiếm tỷ lệ 93.6% và 96.8%. Và như vậy, cấu trúc này được đề tài triển khai để xây dựng chương trình môn GDTC và môn học GDTC tự chọn.

3.2.4. Nội dung chương trình xây dựng

Dựa trên cấu trúc chương trình môn học đã được lựa chọn ở mục 3.2.3 đề tài đã tiến hành xây dựng chương trình môn GDTC và 02 chương trình môn học giáo dục thể chất tự chọn (bóng rổ và bóng đá). Cấu trúc chương trình môn GDTC cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp được trình bày ở bảng 3.10.

Bảng 3.10. Cấu trúc chương trình môn giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp

Học phần	Nội dung	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Kiểm tra (giờ)	Tổng số (giờ)
Giáo dục thể chất chung	Học phần bắt buộc (2 tín chỉ)				
	1. Lý luận giáo dục thể chất	8			8
	2. Thực hành (Các môn thể thao cơ bản)		24*2	2*2	52
	Tổng	8	48	4	60
Giáo dục thể chất tự chọn theo nghề nghiệp	Học phần tự chọn (2 tín chỉ)				
	Lựa chọn chọn 2 trong 14 học phần của 7 môn TDTT: Thể dục Aerobic, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng đá, Bơi lội, Khiêu vũ thể thao, Võ thuật		28*2		28*2
	Kiểm tra:			2*2	2*2
	Tổng		56	4	60
	Tổng cộng	8	104	8	120

Từ kết quả trình bày ở bảng 3.10 cho thấy: Chương trình môn GDTC cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp gồm 4 tín chỉ, đảm bảo phù hợp với quy định của Bộ GD-ĐT và nhà trường đặt ra.

Nội dung chi tiết chương trình môn GDTC cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp được trình bày cụ thể ở phụ lục 4.

Nội dung chi tiết chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá 1 cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp được trình bày cụ thể ở phụ lục 5.

Nội dung chi tiết chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá 2 cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp được trình bày cụ thể ở phụ lục 6.

Nội dung chi tiết chương trình môn học GDTC tự chọn bóng rổ 1 cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp được trình bày cụ thể ở phụ lục 7.

Nội dung chi tiết chương trình môn học GDTC tự chọn bóng rổ 2 cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp được trình bày cụ thể ở phụ lục 8.

3.2.5. Thẩm định chương trình đào tạo thông qua ý kiến đánh giá

Sau khi xây dựng được 02 chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng rổ và bóng đá), đề tài đã tiến hành thẩm định bước đầu chương trình đào tạo thông qua ý kiến đánh giá của các giảng viên, nhà khoa học. Các bước tiến hành như sau:

(1) Nội dung thẩm định.

Căn cứ xây dựng chương trình môn học;

Chuẩn đầu ra của chương trình môn học;

Cấu trúc chương trình môn học (Sự hợp lý trong việc sắp xếp các kiến thức; Thời lượng của từng nội dung);

Thời lượng của chương trình môn học;

Nội dung của chương trình môn học (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo);

Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo).

(2) Các bước tiến hành.

Chương trình môn học GDTC tự chọn được gửi đến các đối tượng phỏng vấn là 31 cán bộ quản lý, chuyên gia, giảng viên.

Các đối tượng phỏng vấn đọc nhận xét và gửi câu hỏi phản hồi (nếu có).

Trả lời và giải trình các câu hỏi của người phỏng vấn (nếu có).

Đánh giá chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) thông qua phiếu đánh giá. Ở mỗi nội dung thẩm định được đánh giá theo 3 mức độ: Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành (C3); Đạt yêu cầu, nhưng phải chỉnh sửa (C2); Không đạt yêu cầu, phải xây dựng lại (C1).

Kết quả đánh giá độ tin cậy của kết quả phỏng vấn thu được như trình bày ở bảng 3.11.

Bảng 3.11. Độ tin cậy kết quả phỏng vấn thẩm định chương trình môn học GDTC trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp (n=31)

Thông kê độ tin cậy

Hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha)	n
0.845	6

Tổng số nội dung

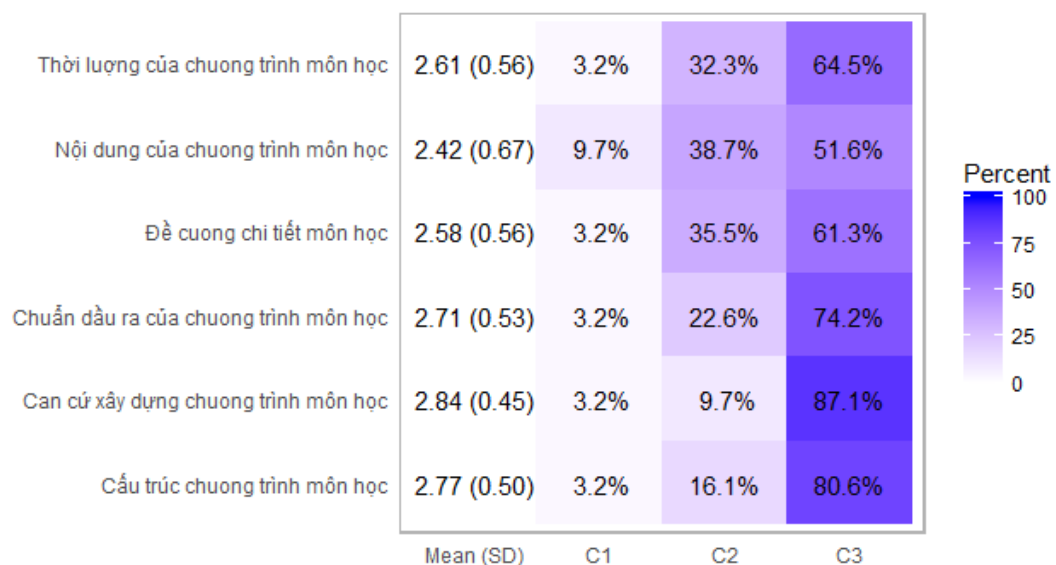
Nội dung thẩm định	Hệ số tương quan biến-tổng	Hệ số tương quan giữa biến-tổng khi xóa biến
1. Căn cứ xây dựng chương trình môn học	0.867	0.781
2. Chuẩn đầu ra của chương trình môn học	0.594	0.825
3. Cấu trúc chương trình môn học	0.707	0.805
4. Thời lượng của chương trình môn học	0.528	0.838
5. Nội dung của chương trình môn học	0.628	0.823
6. Đề cương chi tiết môn học	0.514	0.841

Từ kết quả ở bảng 3.11 cho thấy: Hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha) của tổng 6 nội dung thẩm định chương trình môn học GDTC trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp là 0.808, khi so sánh với giá trị (Cronbach's Alpha if Item Deleted) của từng nội dung thẩm định chỉ từ 0.767 đến 0.798 và đều nhỏ hơn 0.808. Đồng thời giá trị Corrected Item-Total Correlation thu được ở 6 nội dung thẩm định có giá trị thu được từ 0.474 đến 0.822 và đều lớn hơn 0.4. Như vậy, kết quả thẩm định thu được đảm bảo độ tin cậy, là thang đo lường ở mức tốt.

Về kết quả trả lời từng tiêu chí được trình bày ở bảng 3.12 và biểu đồ 3.12.

Bảng 3.12. Kết quả phỏng vấn các nội dung thẩm định chương trình môn GDTC và 02 môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ)

TT	Nội dung thẩm định	Phỏng vấn thẩm định			\bar{X}	δ
		Không đạt yêu cầu, phải xây dựng lại (C1)	Đạt yêu cầu, nhưng phải chỉnh sửa (C2)	Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành (C3)		
1	Căn cứ xây dựng chương trình môn học	3.23	9.68	87.10	2.84	0.45
2	Chuẩn đầu ra của chương trình môn học	3.23	22.58	74.19	2.71	0.53
3	Cấu trúc chương trình môn học	3.23	16.13	80.65	2.77	0.50
4	Thời lượng của chương trình môn học	3.23	32.26	64.52	2.61	0.56
5	Nội dung của chương trình môn học	9.68	38.71	51.61	2.42	0.67
6	Đề cương chi tiết môn học	3.23	35.48	61.29	2.58	0.56

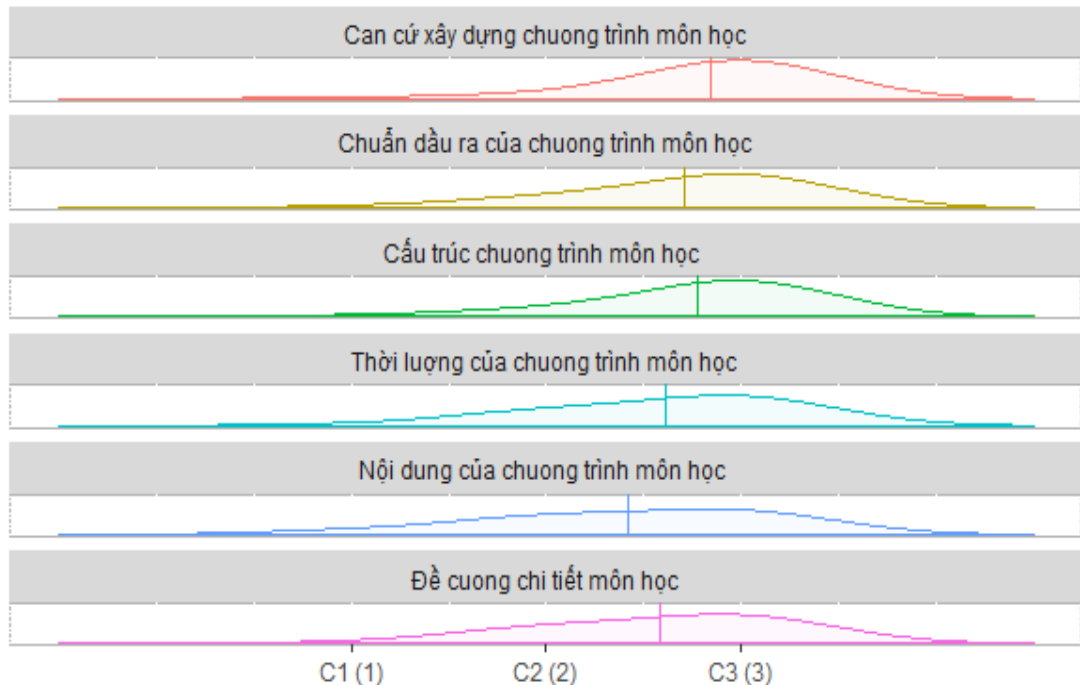


Biểu đồ 3.12. Kết quả phỏng vấn các nội dung thẩm định chương trình môn GDTC và 02 môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ)

Kết quả thu được ở bảng 3.12 và biểu đồ 3.12 cho thấy: Đa số các nội dung thẩm định đều đánh giá “Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành”, chiếm tỷ lệ từ 51.6% đến 87.1%. Phổ màu trên biểu đồ đậm ở cột C3 (Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành) và rất quan trọng. Còn lại là vùng mức độ “Không đạt yêu cầu, phải xây dựng lại” chiếm tỷ lệ từ thấp từ 3.2% đến 9.7%. Như vậy, đa số ý kiến thẩm định đều đánh giá các nội dung ở mức “Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành” đối với chương trình môn GDTC cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Khi tính điểm trung bình thì các nội dung thẩm định đạt từ 2.42 - đến 2.84 điểm, độ lệch chuẩn dao động từ 0.45 đến 0.67 điểm. So sánh theo thang đo Likert 3 bậc thì cả 5/5 nội dung thẩm định chương trình môn học GDTC cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp đều nằm trong khoảng từ 2.35 - đến 3.00 điểm thuộc mức rất “Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành”. Hay nói cách khác là chương trình môn học GDTC nói chung và 02 chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) mà đề tài xây dựng đều nhận được sự nhất trí cao từ các đối tượng phỏng vấn thẩm định.

Phân bố kết quả phỏng vấn thẩm định các nội dung đánh giá chương trình môn học GDTC nói chung và 02 chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) còn được biểu diễn trên biểu đồ 3.13.



Biểu đồ 3.13. Phân bố kết quả thẩm định chương trình môn GDTC và 02 môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ)

Kết quả thu được ở biểu đồ 3.13 cho thấy: Các đường vạch dọc phân chia ở mỗi nội dung thẩm định đều ở vị trí quá bán giữa cột C2 (Đạt yêu cầu, nhưng phải chỉnh sửa) và cột C3 (Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành). Song đa số đều tiệm cận C3. Như vậy, mức độ đánh giá các nội dung thẩm định chương trình môn GDTC và 02 môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) đều chủ yếu tập trung về mức đánh giá “Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành”.

Tóm lại: Thông qua cơ sở khoa học và thực tiễn, các bước triển khai xây dựng, đặc biệt là kết quả phỏng vấn thẩm định chương trình môn GDTC và 02 môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) cho sinh viên trường Đại học kỹ thuật Công nghiệp. Đề tài đã bước đầu xây dựng được 02 chương môn học GDTC tự chọn với 2 tín chỉ. Bao gồm: bóng đá 1 và bóng đá 2; bóng rổ 1 và bóng rổ 2.

3.2.6. Bàn luận

Từ kết quả đánh giá thực trạng đã được đề tài chuyển hóa thành quá trình xây dựng chương trình môn GDTC nói chung và đặc biệt là 02 môn học GDTC tự chọn (bóng đá và bóng rổ). Quá trình xây dựng chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) đã tiếp cận theo theo mô hình năng lực với việc chuẩn hóa đầu ra của chương trình.

So sánh với các công trình nghiên cứu của các tác giả như Nguyễn Trọng Hải và cộng sự [48], Trần Hữu Hoan [53], Nguyễn Mai Hương [57], Nguyễn Cẩm Ninh [74], Hồ Đắc Sơn [83], Nguyễn Văn Thời [91]... ngoài một số điểm tương đồng về định hướng xây dựng chương trình đào tạo nói chung và môn học GDTC nói riêng. Đồng thời có một số điểm chung với các công trình nghiên cứu của các tác giả về chỉ tiêu đánh giá chương trình môn học... Tuy nhiên, nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp được luận án xây dựng là khác biệt và gắn liền với kế hoạch chiến lược của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Các chỉ tiêu đánh giá chương trình môn học Giáo dục thể chất tự chọn mà luận án xây dựng đều nhận được sự đồng thuận cao. Kết quả xây dựng chương trình môn Giáo dục thể chất tự chọn (bóng đá, bóng rổ) mới cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp đã đạt được một số điểm nổi bật sau:

Luận án đã tuân thủ và kế thừa các mục tiêu cơ bản của chương trình GDTC do Bộ GD-ĐT ban hành và dựa trên Quyết định số 43/2007/QĐ - Bộ GD-ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ. Đồng thời đảm bảo các quy định và điều kiện đảm bảo mà trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp đặt ra. Nội dung chương trình môn học GDTC đã bao gồm lượng kiến thức và kỹ năng cần thiết để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình môn GDTC và 02 môn học GDTC tự chọn. Tức là quá trình xây dựng chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) đã thỏa mãn được cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, đáp ứng được yêu cầu về chuẩn đầu ra.

Về nội dung của chương trình xây dựng đã đảm bảo mức độ hoàn thiện mục tiêu của chương trình. Những nội dung lựa chọn trong chương trình xây dựng được thiết kế phù hợp với điều kiện đào tạo, về cơ sở vật chất, về đội ngũ cán bộ giảng viên. Hàm lượng kiến thức cơ bản được đảm bảo, kỹ năng thực hành là khả thi, song đồng thời vẫn đủ hàm lượng để người học tiếp tục phát triển hiểu biết và nâng cao kỹ năng thực hiện của mình trong thực tế thi đấu ở các môn thể thao tự chọn.

Về cấu trúc chương trình có sự cân đối giữa môn học bắt buộc và môn học tự chọn, với 2 tín chỉ bắt buộc và 2 tín chỉ tự chọn. Cấu trúc chương trình môn học GDTC phù hợp với số lượng tín chỉ tối thiểu mà Bộ GD-ĐT đặt ra (3 tín chỉ). Cấu trúc chương trình hai môn học GDTC tự chọn (bóng đá và bóng rổ) có số lượng tiết thực hành là 28 tiết/môn và 2 tiết kiểm tra/môn. Trong chương trình hai môn học GDTC tự chọn không có giờ lý thuyết, song thực tế các nội dung này vẫn được tích hợp trong các giờ thực hành. Điều này xuất phát từ điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, song nó không làm ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy của các giờ học GDTC.

Về phương pháp giảng dạy: Trong chương trình hai môn học GDTC tự chọn (bóng đá và bóng rổ) thì chủ yếu tập trung vào hướng dẫn tài liệu học tập cho sinh viên và kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ của môn học. Đối với giảng viên thì chủ yếu nhấn mạnh đến kỹ năng thị phạm động tác, giảng giải, phân tích kỹ thuật, trực quan sinh động. Đề cao thái độ tự giác tích cực của người học. Mặc dù không nêu chi tiết các phương pháp giảng dạy cụ thể, song trong thực tế triển khai, giảng viên luôn cập nhật, nắm bắt các xu thế đổi mới phương pháp dạy và học đại học. Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp luôn luôn hỗ trợ và khuyến khích giảng viên sử dụng nhiều phương pháp tiên tiến, hiện đại được kết hợp với các phương pháp truyền thống nhằm đảm bảo phù hợp với người học. Do vậy, trong các chương trình được xây dựng ở phụ lục 4 đến phụ lục 8 chỉ giới thiệu những điểm chính của phương pháp giảng dạy. Song trong thực tiễn thì những phương pháp, phương tiện hiện đại luôn được giảng viên sử

dụng trong quá trình dạy học. Đảm bảo sự kết hợp giữa lý thuyết và kỹ năng thực hành môn thể thao bóng đá và bóng rổ cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Về nguồn học liệu phục vụ giảng dạy hai môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ: Trong 02 chương trình môn học đã xây dựng thì nguồn học liệu chủ yếu là các giáo trình và tài liệu của trường Đại học TDTT Bắc Ninh và Tổng cục TDTT. Ở mỗi nội dung giảng dạy và nhiệm vụ giao cho sinh viên được luận án trích dẫn cụ thể với các giáo trình, tài liệu sử dụng. Có thể nói học liệu sử dụng trong 02 chương trình mà luận án xây dựng còn hạn chế. Song thực tế này sẽ được nhà trường hoàn thiện xây dựng 02 cuốn giáo trình này khi chương trình môn học GDTC tự chọn chính thức được phê duyệt. Đây là điều kiện cần thiết để đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng cho môn học GDTC của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Về đánh giá học phần: Kết quả đánh giá học phần của các môn học GDTC tự chọn được tuân thủ theo đúng quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và quy định của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Điểm kết thúc được xác định gồm điểm: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ. Đối với điểm chuyên cần, ngoài yêu cầu phải đảm bảo 50% số giờ tín chỉ, chương trình xây dựng còn đặt ra các yêu cầu đặc thù của tập luyện thể thao. Các nội dung bao gồm: Bài tập: Thực hiện đủ lượng vận động theo yêu cầu của bài tập trên lớp. Tự giác tập luyện ngoài giờ học (ngoại khóa); Dụng cụ học tập: Sinh viên mặc đúng trang phục thể thao. Các nội dung đánh giá giữa kỳ cụ thể và gắn liền với các tiêu chí đánh giá. Điểm thi cuối kỳ chiếm tỷ trọng 60% với thang điểm đánh được xây dựng cho từng nội dung kiểm tra và kèm theo các yêu cầu, tiêu chí cụ thể. Có thể nói, chương trình xây dựng đảm bảo dễ dàng triển khai và thuận tiện trong kiểm tra – đánh giá người học.

Quá trình xây dựng chương trình môn Giáo dục thể chất và 02 môn học GDTC tự chọn (bóng đá và bóng rổ) cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp đã tuân thủ tính pháp lý, phù hợp theo hệ thống tín chỉ. Đồng

thời thông qua ý kiến phỏng vấn thăm định đã được đánh giá ở mức đạt yêu cầu và đề nghị ban hành.

Như vậy, chương trình môn giáo dục thể chất và 02 môn học giáo dục thể chất tự chọn được xây dựng trong khuôn khổ đầy đủ cơ sở khoa học, hệ thống thống tin chỉ, phù hợp với thực tiễn, điều kiện cơ sở vật chất và trình độ chuyên môn của giảng viên. Nội dung và mục tiêu của chương trình phù hợp với khả năng tiếp thu của sinh viên. Cấu trúc chương trình và thời lượng chương trình đảm bảo tính sư phạm, tính cập nhật... đủ điều kiện để sinh viên hình thành các kỹ năng thuần thục và tham gia các hoạt động ngoại khóa ở mức cao hơn.

3.3. Đánh giá hiệu quả ứng dụng chương trình một số môn Giáo dục thể chất mới cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp

3.3.1. Tổ chức thực nghiệm sư phạm

Mục đích thực nghiệm.

Để khẳng định tính khả thi, tính ứng dụng của chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) thông qua việc sử dụng các tiêu chuẩn kiểm tra đã đề xuất trong chương trình (phụ lục 5 đến 8) để thử nghiệm đánh giá chương trình chi tiết mỗi môn tự chọn trong chương trình GDTC. Song, trong khuôn khổ luận án, với điều kiện nhất định, mục đích của đánh giá thử nghiệm này chỉ dừng ở mức độ tìm hiểu ý kiến của đối tượng được tham gia đánh giá về một môn học cụ thể, mức độ đạt chuẩn của môn học đó so với các tiêu chuẩn kiểm tra, và nhằm đưa ra một số nhận xét khái quát về môn học xây dựng. Đây là một đánh giá ngắn gọn song vẫn chứa đựng những điểm căn bản của một quy trình toàn vẹn.

Lộ trình ứng dụng chương trình giảng dạy 02 môn học GDTC tự chọn bóng rổ và bóng đá cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Sau khi xây dựng được chương trình giảng dạy bóng rổ và bóng đá cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, luận án tiến hành ứng dụng chương trình từ tháng 9/2016 đến tháng 06/2017 trong phạm vi câu lạc bộ

bóng đá và bóng rổ. Thời gian thực nghiệm gồm 2 học kỳ. Việc đánh giá hiệu quả được tiến hành sau khi kết thúc quá trình thực nghiệm.

Hình thức thực nghiệm: So sánh song song.

Đối tượng thực nghiệm: 70 sinh viên nhóm thực nghiệm (40 sinh viên câu lạc bộ bóng đá, 30 sinh viên câu lạc bộ bóng rổ); nhóm đối chứng gồm 90 sinh viên lớp học tín chỉ;

Lộ trình ứng dụng thực nghiệm chương trình giảng dạy 02 môn thể thao tự chọn bóng rổ và bóng đá:

Thời lượng chương trình 15 giờ tín chỉ tương đương 30 tiết thực học của sinh viên (1 tín chỉ), mỗi học kỳ 15 buổi và 1 buổi thi kết thúc; mỗi tiết 50 phút.

Nội dung đánh giá hiệu quả ứng dụng chương trình:

Bước 1: Đánh giá hiệu quả của chương trình thực nghiệm qua ý kiến phản hồi của giảng viên và sinh viên khi dạy học xong chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) đã xây dựng.

Bước 2: Đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau khi ứng dụng thực nghiệm chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng rổ và bóng đá).

Bước 2: Đánh giá hiệu quả của chương trình thực nghiệm qua các test đánh giá thể lực cho sinh viên theo quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD-ĐT. So sánh với các đối tượng tập luyện khác.

Kết quả thực nghiệm được trình bày tại mục 3.3.2 của luận án.

3.3.2. Kết quả ứng dụng chương trình

3.3.2.1. Kết quả đánh giá hiệu quả chương trình thực nghiệm qua ý kiến phản hồi của sinh viên

Kết quả đánh giá chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) cho sinh viên trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp thông qua ý kiến phản hồi của sinh viên với 5 câu hỏi nhận định (xem phụ lục 9). Cụ thể: Nội

dung môn học hữu ích với nghề nghiệp (SV1); Phương pháp giảng dạy đã lỗi cuốn được SV tập luyện (SV2); Bài tập, lượng vận động tác động tốt đến kỹ năng thực hành (SV3); Chương trình thúc đẩy SV tập luyện ngoại khóa và nâng cao (SV4); Nội dung kiểm tra - đánh giá phản ánh tốt năng lực của SV (SV5); Mức độ đồng thuận về chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) được xác định thông qua kết quả phỏng vấn 70 sinh viên. Kết quả về tần suất trả lời được trình bày tại bảng 3.13.

Bảng 3.13. Thống kê tần suất trả lời về đánh giá chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) qua ý kiến phản hồi của sinh viên (n=70)

TT	Phương án trả lời	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1	Rất đồng ý	173	49.4
2	Đồng ý	115	32.9
3	Không ý kiến	48	13.7
4	Không đồng ý	8	2.3
5	Rất không đồng ý	6	1.7
	Tổng	350	100

Kết quả thu được ở bảng 3.13: tần suất trả lời ở phương án “Rất đồng ý” là 173 chiếm 49.4%; phương án “Đồng ý” là 115 chiếm tỷ lệ 32.9%; phương án “Không ý kiến” là 48 chiếm tỷ lệ 13.7%. Như vậy, tổng các phương án trả lời rất đồng ý và đồng ý là 82.3%. Như vậy, chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp mà đề tài bước đầu xây dựng được đa số các ý kiến đánh giá là phù hợp.

Để xác định độ tin cậy của kết quả phỏng vấn, đề tài đã kiểm nghiệm thông qua xác định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Kết quả được trình bày ở bảng 3.14.

Bảng 3.14. Độ tin cậy của kết quả phản hồi của sinh viên về chương trình môn học giáo dục thể chất tự chọn bóng đá và bóng rổ (n = 70)

Thống kê độ tin cậy

Hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha)	n
0.764	5

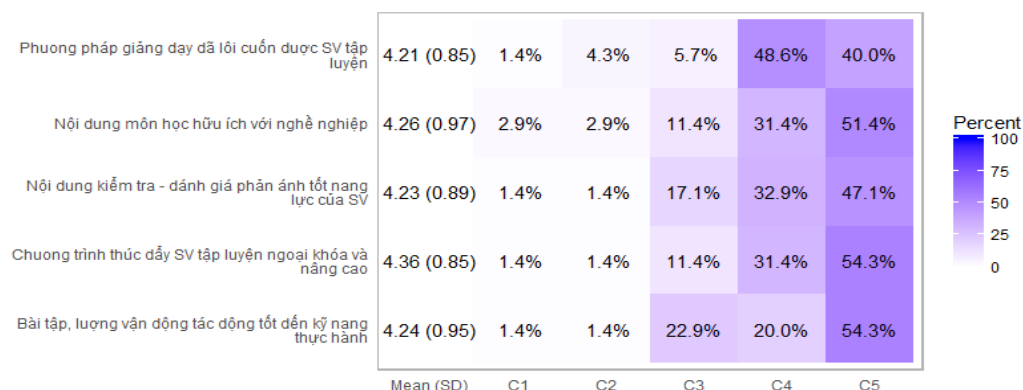
Tổng số nội dung

Nội dung	Hệ số tương quan biến-tổng	Hệ số tương quan giữa biến-tổng khi xóa biến
1. Nội dung môn học hữu ích với nghề nghiệp	0.563	0.711
2. Phương pháp giảng dạy đã lôi cuốn được SV tập luyện	0.623	0.692
3. Bài tập, lượng vận động tác động tốt đến kỹ năng thực hành	0.572	0.707
4. Chương trình thúc đẩy SV tập luyện ngoại khóa và nâng cao	0.465	0.744
5. Nội dung kiểm tra - đánh giá phản ánh tốt năng lực của SV	0.451	0.749

Từ kết quả ở bảng 3.14 cho thấy: Hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha) của tổng 5 nội dung phản hồi thông qua phỏng vấn thu được về chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp là 0.764, khi so sánh với giá trị (Cronbach's Alpha if Item Deleted) của từng tiêu chí phỏng vấn chỉ từ 0.692 đến 0.749 và đều < 0.764. Đồng thời giá trị Corrected Item-Total Correlation thu được ở 5 nội dung phản hồi có giá

trị thu được từ 0.451 đến 0.623 > 0.4. Do vậy, kết quả phỏng vấn thu được đảm bảo độ tin cậy, là thang đo lường ở mức tốt.

Về kết quả trả lời từng tiêu chí được trình bày ở biểu đồ 3.14.



Biểu đồ 3.14. Kết quả phản hồi của sinh viên về chương trình môn học giáo dục thể chất tự chọn bóng đá và bóng rổ

Kết quả thu được ở biểu đồ 3.14 cho thấy: Đa số ý kiến phản hồi của sinh viên về chương trình môn tự chọn bóng đá và bóng rổ nằm ở vùng mức độ đồng ý và rất đồng ý chiếm tỷ lệ từ 20.0% đến 54.3%. Phần màu trên biểu đồ đậm ở cột đồng ý và rất đồng ý. Còn lại là vùng mức độ không đồng ý chiếm tỷ lệ từ thấp từ 1.4% đến 4.3%. Như vậy, đa số ý kiến đều đánh giá ở đồng ý và rất đồng ý với chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Khi tính điểm trung bình đạt từ 4.21 - đến 4.36 điểm và độ lệch chuẩn dao động từ 0.85 đến 0.97 điểm. So sánh theo thang đo Likert 5 bậc thì cả 5/5 nội dung phản hồi về chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp đều nằm trong khoảng từ 4.21 - đến 5.00 điểm thuộc mức rất đồng ý. Hay nói cách khác là chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ cho sinh viên trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp mà đề tài xây dựng đều nhận được sự nhất trí cao từ sinh viên sau khi kết thúc thử nghiệm.

3.3.2.2. Kết quả đánh giá hiệu quả chương trình thực nghiệm qua ý kiến phản hồi của giảng viên

Đánh giá chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ thông qua ý kiến phản hồi của giảng viên thông qua 5 câu hỏi nhận định theo thang đo Likert (xem phụ lục 10). Cụ thể: Nội dung chương trình đảm bảo đáp ứng được chuẩn đầu ra (GV1); Thiết kế chương trình được sắp xếp hợp lý (GV2); Chương trình phù hợp với đội ngũ giảng viên và công trình TDTT (GV3); Chương trình hữu ích để SV tập luyện TDTT thường xuyên (GV4); Phương pháp kiểm tra đánh giá tích cực và công bằng (GV5).

Mức độ đồng thuận về chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ được xác định thông qua kết quả phỏng vấn, đối tượng phỏng vấn của đề tài là 11 giảng viên. Kết quả về tần suất trả lời được trình bày tại bảng 3.15.

Bảng 3.15. Thống kê tần suất trả lời về đánh giá chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ thông qua ý kiến giảng viên (n = 11)

TT	Phương án trả lời	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1	Rất phù hợp	37	67.3
2	Phù hợp	12	21.8
3	Chưa phù hợp	6	10.9
	Tổng	55	100

Kết quả thu được ở bảng 3.15: tần suất trả lời ở phương án “Rất phù hợp” là 37 chiếm 67.3%; phương án “Phù hợp” là 12 chiếm tỷ lệ 21.8%; phương án “Chưa phù hợp” là 6 chiếm tỷ lệ 10.9%. Như vậy, tổng các phương án trả lời rất phù hợp và phù hợp là 89.1%. Như vậy, chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ mà đề tài bước đầu xây dựng được đa số các ý kiến đánh giá là phù hợp với sinh viên và điều kiện giảng dạy của trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Để xác định độ tin cậy của ý kiến phản hồi, đề tài đã sử dụng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Kết quả được trình bày ở bảng 3.16.

Bảng 3.16. Độ tin cậy của kết quả phản hồi của giảng viên về chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ (n = 11)

Thông kê độ tin cậy

Hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha)	n
0.931	5

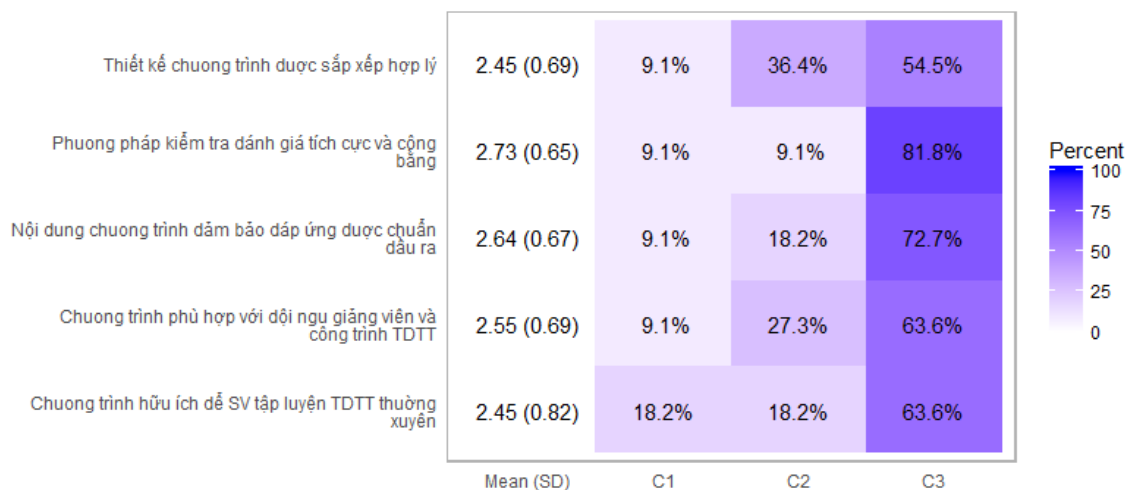
Tổng số nội dung

Nội dung	Hệ số tương quan biến-tổng	Hệ số tương quan giữa biến-tổng khi xóa biến
1. Nội dung chương trình đảm bảo đáp ứng được chuẩn đầu ra.	0.795	0.920
2. Thiết kế chương trình được sắp xếp hợp lý.	0.812	0.916
3. Chương trình phù hợp với đội ngũ giảng viên và công trình TĐTT.	0.756	0.927
4. Chương trình hữu ích để SV tập luyện TĐTT thường xuyên.	0.815	0.919
5. Phương pháp kiểm tra đánh giá tích cực và công bằng.	0.942	0.894

Từ kết quả ở bảng 3.16 cho thấy: Hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha) của tổng 5 nội dung phản hồi thông qua phỏng vấn thu được về chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp là 0.931, khi so sánh với giá trị (Cronbach's Alpha if Item Deleted) của từng tiêu chí phỏng vấn chỉ từ 0.894 đến 0.927 và đều < 0.931. Đồng thời giá trị Corrected Item-Total Correlation thu được ở 5 nội dung phản hồi có giá

trị thu được từ 0.795 đến 0.942 > 0.4. Do vậy, kết quả phỏng vấn thu được đảm bảo độ tin cậy, là thang đo lường ở mức tốt.

Về kết quả trả lời từng tiêu chí được trình bày ở biểu đồ 3.15.



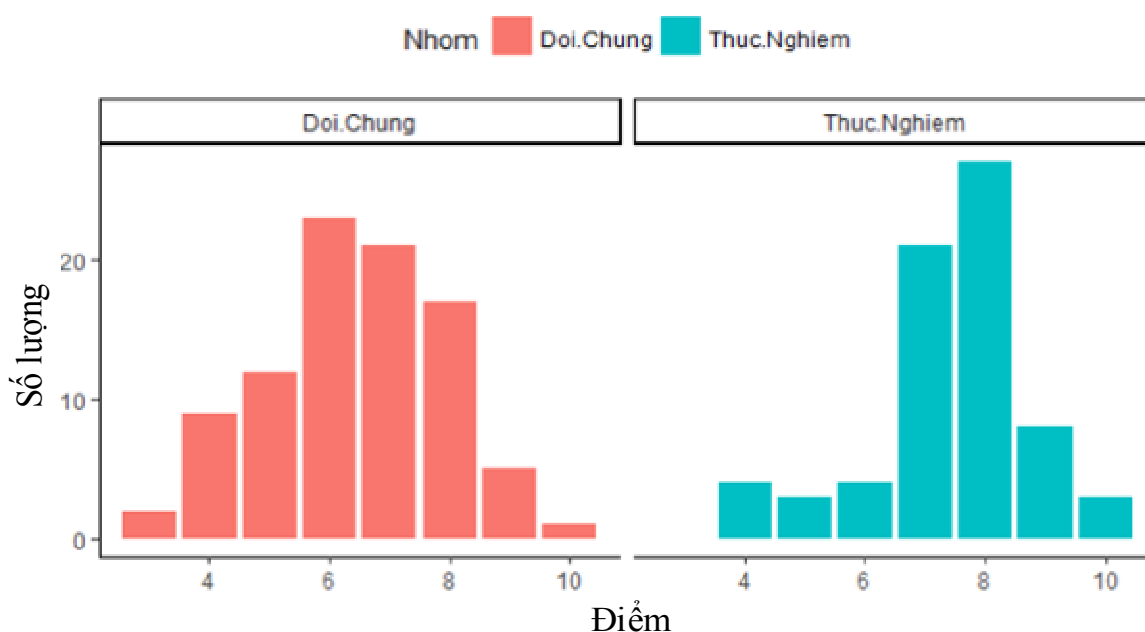
Biểu đồ 3.15. Kết quả phản hồi của giảng viên về chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ

Kết quả thu được ở biểu đồ 3.15 cho thấy: Đa số ý kiến phản hồi của giảng viên về chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ nằm ở vùng mức độ rất phù hợp chiếm tỷ lệ từ 54.5% đến 81.8%. Phần màu trên biểu đồ đậm ở cột rất phù hợp. Còn lại là vùng mức độ chưa phù hợp chiếm tỷ lệ từ thấp từ 9.1% đến 18.2%. Như vậy, đa số ý kiến đều đánh giá chương trình môn tự chọn bóng đá và bóng rổ rất phù hợp với sinh viên và điều kiện trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Khi tính điểm trung bình thì đạt từ 2.45 - đến 2.73 điểm và độ lệch chuẩn dao động từ 0.65 đến 0.82 điểm. So sánh theo thang đo Likert 3 bậc thì cả 3/3 nội dung phản hồi về chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp đều nằm trong khoảng từ 2.35 - 3.00 điểm thuộc mức rất phù hợp. Hay nói cách khác là chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ cho sinh viên trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp mà đề tài xây dựng đều nhận được sự nhất trí cao từ giảng viên sau khi kết thúc thử nghiệm.

3.3.2.3. Kết quả học tập của sinh viên

Để đánh giá hiệu quả chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ cho sinh viên trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, sau khi thi kết thúc thực nghiệm, đề tài tiến hành tổng hợp điểm ở 2 lớp tín chỉ (90 sinh viên) và so sánh với kết quả học tập với 70 sinh viên tham gia thực nghiệm ở 2 câu lạc bộ bóng đá và bóng rổ. Phân bố điểm học tập giữa nhóm đối chứng và thực nghiệm thu được như trình bày ở biểu đồ 3.16.



Biểu đồ 3.16. Phân bố điểm học tập giữa nhóm đối chứng và thực nghiệm

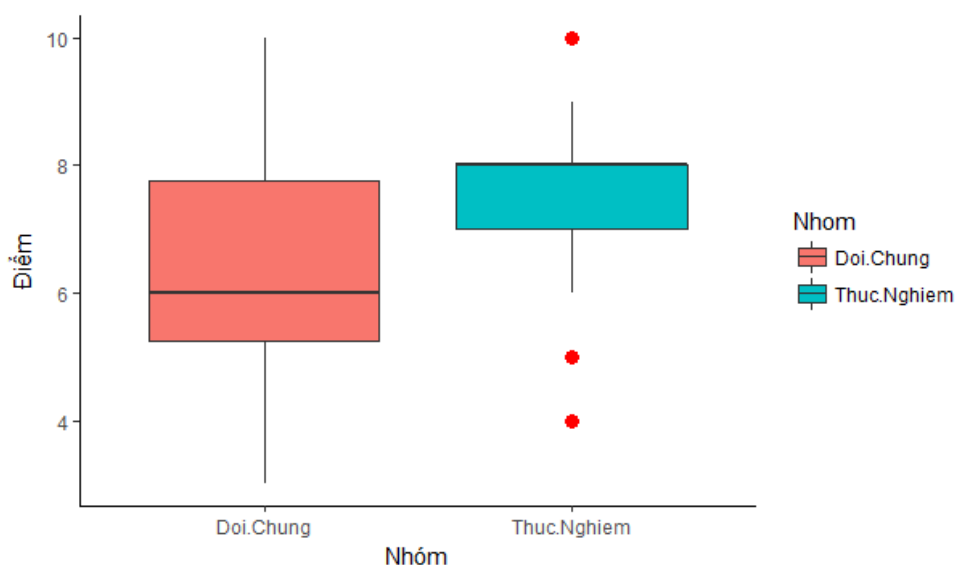
Xác định điểm trung bình chung và sự khác biệt về kết quả học tập được trình bày ở bảng 3.17.

Bảng 3.17. So sánh điểm học tập của sinh viên ở môn học giáo dục thể chất tự chọn bóng đá, bóng rổ với các lớp tự chọn khác

TT	Nhóm	Điểm		t	P
		\bar{X}	δ		
1	Đối chứng (n=90)	6.42	1.50	4.462	1.557e-05
2	Thực nghiệm (n=70)	7.43	1.35		

Từ kết quả thu được ở bảng 3.17 cho thấy: Điểm trung bình chung của nhóm thực nghiệm (7.43 điểm) là cao hơn nhóm đối chứng (6.42 điểm). Khi sử dụng kiểm định t để đánh giá đã cho thấy sự khác biệt giữa hai nhóm với giá trị thu được là 4.462 với $P=1.557e-05 < 0.001$.

Phân bố điểm học tập và trung vị giữa hai nhóm đối chứng và thực nghiệm còn được biểu diễn trên biểu đồ 3.17.



Biểu đồ 3.17. Kết quả điểm môn học giáo dục thể chất tự chọn giữa nhóm thực nghiệm và đối chứng

So sánh trên biểu đồ 3.17, giá trị trung vị (median – đường gạch ngang trong các hộp) và bách phân vị (vị trí đường trung vị trong hộp) cho thấy tỷ lệ điểm của nhóm đối chứng chủ yếu nằm ở vùng thấp, còn ở nhóm thực nghiệm thuộc vùng cao hơn. Cùng với phân tích điểm trung bình của nhóm thực nghiệm lớn hơn nhóm đối chứng, một lần nữa khẳng định sự khác biệt.

Phân loại kết quả học tập của sinh viên ở môn học GDTC tự chọn bóng đá, bóng rổ với các lớp tự chọn khác được trình bày ở bảng 3.18.

Bảng 3.18. So sánh phân loại kết quả học tập của sinh viên ở môn học giáo dục thể chất tự chọn bóng đá, bóng rổ với các lớp tự chọn khác

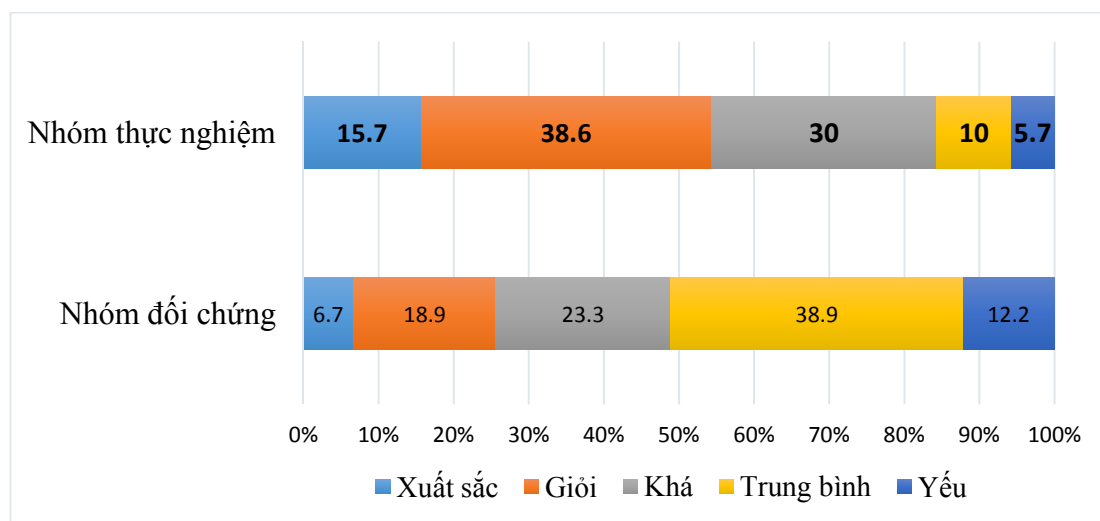
Xếp loại	Nhóm đối chứng (n=90)		Nhóm thực nghiệm (n=70)	
	<i>Số lượng</i>	<i>%</i>	<i>Số lượng</i>	<i>%</i>
Xuất sắc	6	6.7	11	15.7
Giỏi	17	18.9	27	38.6
Khá	21	23.3	21	30.0
Trung bình	35	38.9	7	10.0
Yếu	11	12.2	4	5.7
Tổng	90		70	
$\chi^2 = 23.545, df = 4, P = 9.855e-05 < 0.001$				

Kết quả bảng 3.18 và kiểm định Khi bình phương cho thấy: Tỷ lệ sinh viên nhóm thực nghiệm đạt điểm xuất sắc - giỏi - khá cao hơn nhóm đối chứng, ngược lại số SV đạt điểm yếu – trung bình thấp hơn nhóm đối chứng. Kết quả cụ thể như sau: Điểm xuất sắc thì tỷ lệ sinh viên ở nhóm thực nghiệm là 15.7%, còn nhóm đối chứng thấp hơn với 6.7%. Điểm giỏi thì tỷ lệ sinh viên ở nhóm thực nghiệm là 38.6%, còn nhóm đối chứng thấp hơn với 18.9%. Điểm khá thì tỷ lệ sinh viên ở nhóm thực nghiệm là 30.0%, còn nhóm đối chứng thấp hơn với 23.3%.

Xếp loại điểm trung bình thì tỷ lệ sinh viên ở nhóm thực nghiệm là 10.0%, còn nhóm đối chứng cao hơn với 38.9%. Điểm yếu thì tỷ lệ sinh viên ở nhóm thực nghiệm là 5.7%, còn nhóm đối chứng cao hơn với 12.2%.

Kết quả kiểm định Khi bình phương (χ^2) giữa hai nhóm là 23.545 với $P=9.855e-05 < 0.001$. Như vậy, Khi bình phương tính > Khi bình phương bảng nên kết quả học tập giữa nhóm thực nghiệm so với nhóm đối chứng có sự khác biệt, tức là tốt hơn hẳn so với nhóm đối chứng.

Để thấy làm rõ hơn sự biệt giữa nhóm thực nghiệm so với nhóm đối chứng, đề tài đã biểu diễn tỷ lệ % về số lượng sinh viên đạt ở các mức xếp loại điểm học tập thông qua biểu đồ 3.18.



Biểu đồ 3.18. Tỷ lệ phân loại kết quả học tập của sinh viên ở môn học Giáo dục thể chất tự chọn bóng đá, bóng rổ với các lớp tự chọn khác

Kết quả thu được đã khẳng định hiệu quả của chương trình môn học Giáo dục thể chất tự chọn bóng đá và bóng rổ cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

3.3.2.4. Kết quả xếp loại thể lực của sinh viên

Để đánh giá hiệu quả của chương trình môn học Giáo dục thể chất tự chọn bóng đá và bóng rổ cho sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, sau khi thi kết thúc quá trình thực nghiệm, đề tài tiến hành so sánh kết quả xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục – Đào tạo cho sinh viên. Kết quả trình bày tại bảng 3.19.

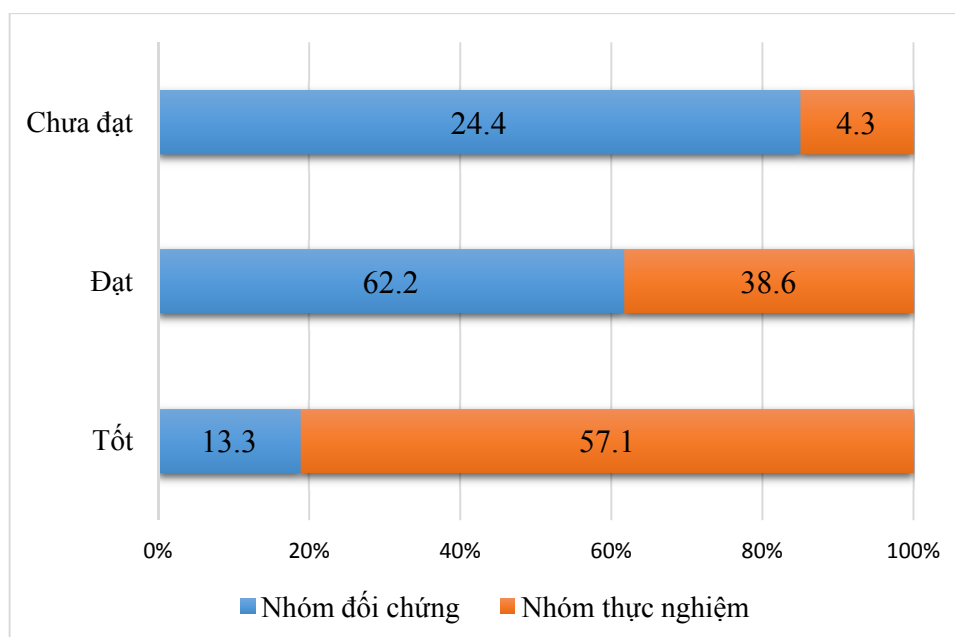
Bảng 3.19. So sánh kết quả xếp loại thể lực của sinh viên ở môn học giáo dục thể chất tự chọn bóng đá, bóng rổ với các lớp tự chọn khác

TT	Xếp loại		Nhóm	
			Đối chứng (n=90)	Thực nghiệm (n=70)
1	Tốt	Số lượng	12	40
		%	13.3	57.1
2	Đạt	Số lượng	56	27
		%	62.2	38.6
3	Chưa đạt	Số lượng	22	3
		%	24.4	4.3
	χ^2		37.739	
	df		2	
	P		6.383e-09	

Kết quả bảng 3.19 và kiểm định Khi bình phương cho thấy: Số lượng sinh viên nhóm thực nghiệm có tỷ lệ sinh viên xếp loại mức tốt là 57.1% cao hơn hẳn nhóm thực nghiệm với 13.3%. Còn tỷ lệ số SV ở mức xếp loại chưa đạt lại thấp hơn hẳn nhóm đối chứng với 4.3%, trong khi nhóm đối chứng là 24.4%.

Kết quả kiểm định Khi bình phương (χ^2) giữa thời điểm trước và sau thực nghiệm là 37.739 với $P = 6.383e-09 < 0.001$. Như vậy, Khi bình phương tính > Khi bình phương bảng nên kết quả xếp loại thể lực của sinh viên nhóm thực nghiệm so với nhóm đối chứng có sự khác biệt, tức là tốt hơn hẳn so với nhóm đối chứng.

Để thấy rõ hơn sự khác nhau về xếp loại thể lực giữa hai nhóm đối chứng và thực nghiệm, đề tài đã biểu diễn kết quả xếp loại thông qua biểu đồ 3.19.



Biểu đồ 3.19. Tỷ lệ xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ GD-ĐT

Kết quả nghiên biểu diễn trên biểu đồ một lần nữa khẳng định hiệu quả của việc ứng dụng chương trình môn học GDTC tự chọn môn bóng đá và bóng rổ mới cho sinh viên trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

3.3.3. Bàn luận

Chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ mà đề tài xây dựng cho sinh viên trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp đã đạt hiệu quả cao. Thông qua kết quả thu được và đối chiếu với các công trình khoa học của các tác giả khác, đề tài đã làm sáng tỏ được tính khả thi của 02 chương trình môn học GDTC tự chọn (bóng rổ và bóng đá).

So sánh đối chiếu với các công trình nghiên cứu của một số tác giả về đánh giá thể lực chung có sự tương đồng về phương pháp tiến hành: Nguyễn Hữu Châu [29], Nguyễn Hải Đường [44], Nguyễn Trọng Hải và cộng sự [48], Đỗ Quốc Hùng [56], Vũ Đức Văn [100], Võ Văn Vũ [103].

Mặc dù quá trình thử nghiệm được tiến hành trên câu lạc bộ bóng đá và bóng rổ, song điều này không làm ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm của luận án. Vì thực chất các câu lạc bộ bóng đá và bóng rổ của nhà trường đều mới được thành lập dựa trên các nền tảng về cơ sở chất chất TDTT hoàn thành trong

những năm gần đây. Điểm khác biệt nhỏ chỉ là về mức độ yêu thích môn thể thao lựa chọn là xuất phát từ sinh viên. Còn chương trình hiện tại chỉ có các môn thể thao tự chọn là điền kinh và cầu lông. Tuy nhiên, điều này cũng chính là thế mạnh của kết quả nghiên cứu của luận án khi lựa chọn được chương trình môn học thể thao tự chọn phù hợp với sinh viên. Do vậy, kết quả thu được bước đầu đã phản ánh được sự mềm dẻo và đáp ứng được chuẩn đầu ra của chương trình môn học GDTC nói riêng và mục tiêu đào tạo chung của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Mặc dù với tổng số lượng câu hỏi không phải là lớn để phỏng vấn trên hai đối tượng sinh viên và giảng viên sau khi hoàn thành chương trình dạy học các môn thể thao tự chọn bóng đá và bóng rổ, song đã phản ánh được những điểm cốt yếu của chương trình xây dựng. Kết quả thu được cho thấy, thang đo hoàn toàn phù hợp và sử dụng tốt để nhận định về các vấn đề liên quan khi triển khai thực tế chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ.

Về kết quả đánh giá môn học GDTC tự chọn và thể lực sinh viên: Các công cụ sử dụng trong đánh giá và so sánh giữa hai nhóm thực nghiệm là thường được áp dụng trong nghiên cứu thuộc lĩnh vực TĐTT. Do vậy, trong đề tài chỉ nhấn mạnh đến kết quả phân loại cuối cùng. Kết quả thu được thì ở tất cả các phân loại của các nội dung kiểm tra – đánh giá thì nhóm thực nghiệm đều tốt hơn hẳn nhóm đối chứng, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Hiệu quả thu được sau quá trình thực nghiệm đã một lần nữa khẳng định các ý kiến đánh giá của các chuyên gia, giảng viên thông qua phỏng vấn thăm định chương trình là tin cậy. Chương trình xây dựng đã đáp ứng được tính khoa học, đáp ứng được mục tiêu đào tạo của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Tóm lại, thông qua đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, những tồn tại và ưu điểm thu được đều cho thấy sự cần thiết phải xây dựng được

các chương trình môn học GDTC tự chọn cho sinh viên. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng thu được, đề tài đã xây dựng 02 chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá, bóng rổ dựa trên khung chương trình môn học GDTC là phù hợp với các điều kiện đảm bảo và nhu cầu của sinh viên Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Khi triển khai xây dựng chương trình môn học GDTC và 02 môn học GDTC tự chọn bóng đá, bóng rổ đã tuân thủ những cơ sở pháp lý, khoa học và điều kiện nhà trường. Chương trình sau khi xây dựng đã nhận được đánh giá tích cực từ các đối tượng phỏng vấn thăm định. Điều này đã phản ánh các bước tiến hành xây dựng chương trình của luận án là phù hợp và tin cậy.

Kết quả đánh giá hiệu quả chương trình một lần nữa đã khẳng định tính khoa học, thực tiễn thống nhất, khả thi như nguyên tắc xây dựng chương trình môn học đã đề cập. Quá trình thực nghiệm, kiểm tra - đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn khách quan. Do vậy, kết quả thu được đã phản ánh đúng thực chất vấn đề. Nhóm thực nghiệm tốt hơn nhóm đối chứng cả về kết quả học tập và xếp loại thể lực.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

A. Kết luận

Từ những kết quả nghiên cứu nêu trên của đề tài, cho phép đi đến một số kết luận sau:

1. Luận án đã xác định được 5 tiêu chí dùng để đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn Giáo dục thể chất của Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Cụ thể:

- (1) Chương trình môn học GDTC;
- (2) Giảng viên môn học GDTC;
- (3) Công trình TĐTT;
- (4) Tính tích cực học tập, rèn luyện của SV và kết quả học tập;
- (5) Nhu cầu môn học tự chọn của SV.

Kết quả đánh giá thực trạng đã xác định được các tồn tại, hạn chế, đồng thời làm cơ sở để xây dựng các chương trình môn học GDTC tự chọn. Cụ thể: Chương trình môn GDTC chưa mềm dẻo, thiếu đa dạng về các môn học GDTC tự chọn; Sinh viên có nhận thức, thái độ phù hợp với môn GDTC và tập luyện ngoại khóa, song chuyển đổi thành hành động chưa tích cực; Nhu cầu với môn học GDTC tự chọn cao với môn bóng đá và bóng rổ, song chưa có trong chương trình môn GDTC; Các yếu tố đảm bảo điều kiện thực hiện về giảng viên và công trình TĐTT là khả thi ở một số cơ sở đào tạo như Nam Định. Như vậy, lựa chọn môn học GDTC tự chọn là bóng đá, bóng rổ để xây dựng chương trình học GDTC tự chọn cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp là hết sức cấp thiết và phù hợp.

2. Luận án đã xây dựng được 01 chương trình môn GDTC, 04 chương trình chi tiết môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ. Các chương trình xây dựng được căn cứ trên các cơ sở, nguyên tắc khoa học theo xu hướng tiếp cận năng lực, đồng thời dựa trên cơ sở thực tiễn để xác định cấu trúc, nội dung

chương trình phù hợp với trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Kết quả phỏng vấn thăm định chương trình mà luận án xây dựng đã nhận được sự đồng thuận cao ở mức “Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành”.

3. Kết quả ứng dụng thử nghiệm chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ trong 01 năm học cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp đã nhận được phản hồi tích cực và nâng cao được kết quả học tập, thể lực cho sinh viên. Cụ thể như sau:

Chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ cho sinh viên trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp mà đề tài xây dựng đều nhận được sự nhất trí cao từ giảng viên và sinh viên sau khi kết thúc thử nghiệm.

Kết quả học tập môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) khi so sánh giữa nhóm thực nghiệm so với nhóm đối chứng có sự khác biệt, tỷ lệ sinh viên đạt ở các mức xếp loại điểm học tập nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng.

Đánh giá thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của Bộ GD-ĐT thì nhóm thực nghiệm đã tốt hơn và có sự khác biệt so với nhóm đối chứng.

B. Kiến nghị

Từ những kết luận của luận án, cho phép đi đến kiến nghị sau:

1. Kiến nghị trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp ban hành chương trình môn GDTC và chương trình môn học GDTC tự chọn bóng đá và bóng rổ mà đề tài đã xây dựng. Từ đó góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Đồng thời cho tiếp tục nghiên cứu triển khai đối với các môn thể thao tự chọn khác để ngày càng hoàn thiện chương trình môn GDTC, đáp ứng đào tạo chất lượng cao.

2. Để áp dụng chương trình môn GDTC và 02 môn học GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) cần hoàn thiện hệ thống các bài tập và gắn với các phương pháp giảng dạy. Tổ chức học môn thể thao tự chọn kết hợp với hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Phạm Cao Cường (2018), “Thực trạng công tác GDTC của Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp”, *Tạp chí Khoa học TDTT*, số 2/2018, tr. 39-42.
2. Phạm Cao Cường (2018), “Thực trạng tính tích cực học tập môn giáo dục thể chất và tập luyện thể thao ngoại khóa của sinh viên trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp”, *Tạp chí Đào tạo và Huấn luyện thể thao*, số 2/2018, tr. 53-55.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

1. Aulic I. V (1982), *Đánh giá trình độ tập luyện thể thao* (Phạm Ngọc Trâm dịch), NXB TDTT, Hà Nội.
2. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Thành Hưng (2004), *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai - Vấn đề và giải pháp*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
3. Ban Bí thư trung ương Đảng (1994), *Chỉ thị 36/ CT-TW của Ban bí thư TW Đảng về công tác TDTT trong giai đoạn mới, ngày 24/03/1994.*
4. Ban Bí thư Trung ương Đảng(2002), *Chỉ thị 17/CT-TW ngày 23-10-2002 về phát triển TDTT đến năm 2010* , Hà Nội.
5. Ban chấp hành TW Đảng (2011), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI.*
6. Ban chấp hành TW Đảng (2011), *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội năm 2011 - 2020*, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần XI.
7. Ban chấp hành TW Đảng (2011), *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020*, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 1/12/2011.
8. Ban chấp hành TW Đảng (2012), *Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa XI về Đề án Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
9. Ban chấp hành TW Đảng (2012), *Nghị quyết số 20-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 31 tháng 10 năm 2012 Hội nghị Trương ương lần thứ 6, khóa XI.*
10. Ban chấp hành TW Đảng (2013), *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều*

kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Nghị quyết số 29 NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

11. BandaRevski I. A (1970), *Độ tin cậy của các test thực nghiệm trong thể thao*, NXB TDTT, Mátxcova.
12. Lê Khánh Bằng (1992), *Các phương pháp và biện pháp cải tiến phương pháp dạy học ở Đại học*, Tạp chí Khoa học Giáo dục.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Kỷ yếu Hội thảo về đảm bảo chất lượng giáo dục đại học Việt Nam*, Trường Đại học Đà Lạt, tháng 4/2000. UNESCO/PROAP-MOET/NIED.
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo(2001), *Chiến lược phát triển giáo dục đào tạo đến 2010 phục vụ CNH, HĐH đất nước*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Tài liệu xây dựng bộ chương trình khung cho các ngành đào tạo Đại học và cao đẳng*, Hà Nội.
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Phạm vi, quyền hạn của các cơ sở đào tạo trong việc xây dựng và thiết kế chương trình đào tạo hệ chính quy*, Quyết định số 25/2006/QĐ – BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ GD&ĐT
17. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007.
18. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Phát động và triển khai phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”*, Chỉ thị số 40/2008/CT-BGD&ĐT ngày 22/7/2008 và Kế hoạch số 307/KH-BGD&ĐT ngày 22/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
19. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực HS, SV*, Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008.

20. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khoá cho học sinh, sinh viên*, Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2008.
21. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Đổi mới quản lý hệ thống giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
22. Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), Quyết định số 5842/QĐ-BGDĐT về chuyển đổi tên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học theo thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT.
23. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng*, Thông tư số 08/2011/TT-BGD&ĐT ngày 17/2/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT
24. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
25. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014.
26. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW*, ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
27. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học*, Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015.

28. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*, Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015.
29. Nguyễn Hữu Châu (2006), *Cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng giáo dục và đánh giá chất lượng giáo dục*, Luận án khoa học và công nghệ cấp bộ, Hà Nội.
30. Nguyễn Đăng Chiêu (2004), "*Nghiên cứu lượng vận động sinh lý của các VĐV bóng đá lứa tuổi 15-16 và 17-18 trong thời kỳ chuẩn bị cơ bản*", Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
31. Dương Nghiệp Chí (1983), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
32. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
33. Chính phủ (2005), *Đổi mới căn bản và toàn diện GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020*, Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ.
34. Chính phủ (2013), *Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020* (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ).
35. Chính phủ (2015), *Quy định chương trình GDTC và hoạt động TDTT trong nhà trường*, Nghị định số: 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính Phủ.
36. Nguyễn Đức Chính (2008), *Thiết kế và đánh giá chương trình giáo dục*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
37. A.G.Côvaliôp (1970), *Tâm lí học cá nhân*, tập 1, Nxb Giáo dục Hà Nội.

38. Hoàng Chúng (1982), *Phương pháp toán thống kê trong khoa học giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
39. Lý Kế Cường (1998), *Nghiên cứu hệ thống bài tập nâng cao hiệu quả phối hợp tấn công nhằm công phá chiến thuật phòng thủ kèm người toàn sân của đối phương sử dụng cho đội nam Đại học Mở- Địa chất trong các giải vô địch Bóng rổ toàn quốc hạng A1 những năm gần đây*, Luận văn thạc sĩ.
40. Trần Đức Dũng (2007), *Giáo trình bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội.
41. Đại học Quốc gia Hà Nội (2005), *Giáo dục Đại học chất lượng và đánh giá*, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
42. Trần Khánh Đức (2011), *Giáo trình Sự phát triển các quan điểm giáo dục*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
43. Trần Khánh Đức (2011), *Đo lường và Đánh giá trong giáo dục*, Khoa Sư phạm, ĐHQG Hà Nội.
44. Nguyễn Hải Đường (2009), *Lựa chọn hệ thống bài tập nhằm phát triển sức mạnh tốc độ cho sinh viên chuyên sâu bóng rổ trường đại học TDTT Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ.
45. D.Hare (1996), *Học thuyết huấn luyện*, Người dịch: Trương Anh Tuấn, Bùi Thế Hiển, Nxb TDTT, Hà Nội.
46. Hoàng Hà – Trần Nam Giao – Nguyễn Thị Lệ Hằng – Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy GDTC - tập 1*, Nxb ĐHQG-HCM.
47. Nguyễn Phi Hải (2009), *Ứng dụng máy móc chuyên môn nâng cao hiệu quả phòng thủ cho học sinh bóng rổ trường trung học phổ thông Matxcova*, Luận án tiến sĩ.
48. Nguyễn Trọng Hải và cộng sự (2001), *Nghiên cứu cơ sở khoa học nhằm xác định nội dung GDTC cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng Việt Nam theo định hướng nghề nghiệp*, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.

49. Dương Văn Hiền – Nguyễn Chí Cường – Phạm Cho – Cao Hồng Châu – Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, Nxb ĐHQG-HCM.
50. Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (1995), *Sinh lý học TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.
51. Lê Vũ Kiều Hoa (2007), *Nghiên cứu lựa chọn và ứng dụng hệ thống bài tập phát triển sức mạnh chuyên môn cho đội tuyển bóng rổ nữ quốc gia*, Luận văn thạc sĩ.
52. Trần Duy Hòa (2012), *Nghiên cứu lựa chọn bài tập phát triển sức bền cho nam VĐV bóng đá trẻ ở giai đoạn chuyên môn hóa ban đầu*", Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
53. Trần Hữu Hoan (2011), *Quản lý xây dựng và đánh giá chương trình môn học trình độ đại học trong học chế tín chỉ*, Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN.
54. Đặng Vũ Hoạt (Chủ biên) – Hà Thị Đức (2004), *Lý luận dạy học đại học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
55. Trịnh Trung Hiếu, Nguyễn Sỹ Hà (1994), *Huấn luyện thể thao*, Nxb TDTT Hà Nội.
56. Đỗ Quốc Hùng (2002), *Nghiên cứu hệ thống bài tập nhằm huấn luyện thể lực chuyên môn cho đội tuyển Bóng rổ nam trường Đại học Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ.
57. Nguyễn Mai Hương (2011), *Quản lý quá trình dạy và học theo học chế tín chỉ trong các trường đại học ở Việt Nam giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN.
58. Thế Hữu (2005), *Quản lý thể thao thành tích cao trong các trường đại học Mỹ*", Nxb Thể thao Nhân dân.

59. Nguyễn Công Khanh (2004), *Đánh giá và Đo lường trong khoa học xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
60. Lê Việt Khuyên (2014), “*Đào tạo tín chỉ trong chương trình POHE*”, *Dự án Phát triển GDDH theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) ở Việt Nam (giai đoạn 2)*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
61. Đặng Bá Lãm và cộng sự (1995), *Các phương pháp kiểm tra đánh giá trong giảng dạy đại học*, Đề tài B94-38-09PP, Viện NC phát triển GD, Hà Nội.
62. Đặng Bá Lãm (2003), *Kiểm tra – Đánh giá trong Dạy – Học đại học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
63. Lê Văn Lãm, Vũ Đức Thu (2000), *Thực trạng phát triển thể chất học sinh, sinh viên trước thềm thế kỷ 21*, Nxb TDTT, Hà Nội.
64. Lê Văn Lãm, Phạm Trọng Thanh (2000), *GDTC của một số nước trên thế giới*, Nxb TDTT, Hà Nội.
65. Phạm Văn Lập (1998), *Phát triển chương trình đào tạo*, Đại học QGHN.
66. Lê Mạnh Linh (2010), *Nghiên cứu một số biện pháp nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho sinh viên chuyên sâu bóng rổ trường đại học sư phạm TDTT Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ.
67. Nguyễn Mậu Loan (1999), *Tâm lý học TDTT*, Nxb Giáo dục.
68. Lưu Xuân Mới (2000), *Lý luận dạy học đại học*, NXB Giáo dục Hà Nội.
69. Lê Nguyệt Nga (2004), *Nghiên cứu trình độ tập luyện của VĐV bóng rổ nam nữ cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh*, Đề tài của Sở Khoa học công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.
70. Đinh Quang Ngọc (2011), *Nghiên cứu lý luận và thực tiễn huấn luyện nâng cao thể lực cho nam VĐV bóng rổ cấp cao Việt Nam*, Luận án tiến sĩ.
71. Lê Đức Ngọc (2005), *Giáo dục đại học: Chất lượng và đánh giá*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

72. Nguyễn Thanh Ngọc (2004), *Nghiên cứu xây dựng hệ thống các bài tập nhằm nâng cao yếu tố sức bền cho VĐV Bóng rổ trường Đại học Kinh tế quốc dân*, Luận văn thạc sĩ.
73. Nguyễn Đức Nhâm (2005), "*Nghiên cứu một số đặc điểm hình thái, chức năng, tố chất thể lực của các VĐV bóng đá nam tuyển trẻ quốc gia Việt Nam lứa tuổi 16 - 19*", Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TDTT Hà Nội.
74. Nguyễn Cẩm Ninh (2011), *Nghiên cứu xây dựng nội dung giảng dạy cử nhân ngành quản lý TDTT*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục.
75. Peter F. Oliva (2006), *Xây dựng chương trình học*, Nguyễn Kim Dung dịch, Nxb Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.
76. Philin V.P (1996), *Lý luận và phương pháp thể thao trẻ*, dịch: Nguyễn Quang Hưng, Nxb TDTT Hà Nội.
77. Quốc hội Việt Nam (2005), *Luật Giáo dục Việt Nam*, số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005.
78. Quốc hội Việt Nam (2006), *Luật Dạy nghề*, số 76/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006.
79. Quốc hội Việt Nam (2012), *Luật Giáo dục đại học*, số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012.
80. Quốc hội Việt Nam (2013), *Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam sửa đổi năm 2013*.
81. P.A. Rudich (1980), *Tâm lý học TDTT*, Nxb TDTT Hà Nội.
82. Nguyễn Xuân Sinh (1999), *Giáo trình Phương pháp NCKH TDTT*, NXB TDTT Hà Nội.
83. Hồ Đắc Sơn (2004), *Nâng cao hiệu quả hướng nghiệp của chương trình giáo dục thể chất cho SV khoa giáo dục thể thao*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện khoa học TDTT Hà Nội.

84. Lưu Thiên Sương (2003), *Nghiên cứu đánh giá sự mệt mỏi - hồi phục của VĐV đội tuyển bóng rổ nữ quốc gia trong các giai đoạn tập luyện năm 2003*, Luận văn thạc sĩ.
85. Vũ Văn Tảo (2003), *Đổi mới phương pháp dạy học trong các trường Đại học, Cao đẳng và đào tạo giáo viên trung học cơ sở*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, 08/2003.
86. Phạm Văn Thảo (1998), *Nghiên cứu lựa chọn chỉ số và xây dựng chỉ tiêu tuyển chọn ban đầu VĐV bóng rổ nữ Việt Nam lứa tuổi 12 - 13*, Luận văn thạc sĩ.
87. Phạm Xuân Thành (2007), "*Nghiên cứu tiêu chí đánh giá năng lực nam VĐV bóng đá trẻ lứa tuổi 14-16 (giai đoạn chuyên môn hóa sâu)*", Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
88. Lâm Quang Thiệp (2010), *Đo lường trong giáo dục – Lý thuyết và ứng dụng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
89. Lâm Quang Thiệp (2012), *Đo lường và đánh giá hoạt động học tập trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
90. Lê Anh Thơ (2010), *Một số trò chơi vận động dân gian và thể thao dân tộc*, Nxb TDTT, Hà Nội.
91. Nguyễn Văn Thời (2011), *Nghiên cứu tổ chức dạy học tự chọn theo chủ đề cơ bản môn thể dục trong các trường trung học cơ sở*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
92. Nguyễn Hoàng Thụ (2009), "*Nghiên cứu các giải pháp xã hội hóa để phát triển bóng đá đối với trẻ em 3-10 tuổi của Nghệ An*", Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TDTT Hà Nội.
93. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2007), *Giáo trình Lý luận và phương pháp TDTT*, Nxb Đại học Sư Phạm, Hà Nội.

94. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2006), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT Hà Nội.
95. Đồng Văn Triệu (2006), *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*, Nxb TDTT, Hà Nội.
96. Đồng Văn Triệu (2007), *Lượng vận động và lập kế hoạch trong huấn luyện và thi đấu thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
97. Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Quốc Quân, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình bóng rổ*, Nxb TDTT, Hà Nội.
98. Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp (2014), Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần, Quyết định số 187 /QĐ-ĐHKTKTCN ngày 29/5/2014.
99. Lý Thị ánh Tuyết (2005), *Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống bài tập trong giảng dạy môn bóng rổ cho sinh viên trường ĐH KHXH-NV Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ.
100. Vũ Đức Văn (2008), *Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học cơ sở của thành phố Hải Phòng*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
101. Phạm Ngọc Viễn (2012), *Tâm lý học TDTT*, Nxb TDTT.
102. Đặng Hà Việt (2007), *Xây dựng hệ thống bài tập phát triển sức bền chuyên môn cho VĐV đội tuyển bóng rổ nam quốc gia*, Luận văn tiến sĩ.
103. Võ Văn Vũ (2015), *Đánh giá thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường trung học phổ thông ở Đà Nẵng*, Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.

TIẾNG ANH

104. Allan C. Ornstein and Francis P. Hunkins (1998), *Curriculum: Foundations, Principles, and Issues*, Allyn and Bacon.
105. Beashel, P. and Taylor, J. (1996) *Advanced Studies in Physical Education and Sport*. UK: Thomas Nelson and Sons Ltd.
106. Beashel, P. and Taylor, J. (1997) *The World of Sport Examined*. UK: Thomas Nelson and Sons Ltd.
107. Hilda Taba (1993), *Elaboracion del Curriculum*, Publisher: Troquel Editorial.
108. C. Keith Waugh, N.E. Gronlund (2012), *Assessment of Student Achievement*, Publisher: Pearson.
109. A.V.Kelly (1989), *The curriculum: Theory and practice*, third edition, Paul Chapman publishing Ltd.
110. Malcolm M Provus (1971), *Discrepancy evaluation for educational program improvement and assessment*, Publisher: McCutchan Pub. Corp.
111. E.L. Lehmann (1975), *Nonparametrics: Statistical Methods Based on Ranks by E. L. Lehmann*, Publisher: McGraw-Hill.
112. Michael Scriven (1976), *Reasoning*, Publisher: McGraw-Hill Book Company.
113. Daniel L. Stufflebeam, Anthony J. Shinkfield (2007), *Evaluation Theory, Models, and Applications*, Publisher: Jossey-Bass.
114. J.M.Shafritz (1998), *The Facts on File Dictionary of Education*.
115. Tim Wentling (1993), *Planning for effective training: A guide to curriculum development*. Published by Food and Agricultural Organization of the United Nations

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. PHIẾU PHỎNG VẤN LỰA CHỌN TIÊU CHÍ

BỘ VH,TT&DL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Nhằm giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đề tài: “*Nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp*”, mong đồng chí nghiên cứu kỹ những câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng.

Xin đồng chí cho biết sơ lược về bản thân.

Họ và tên: Trình độ:

Chức vụ: Đơn vị công tác:

Câu hỏi 1. Theo đ/c thì các tiêu chí nào dưới đây được lựa chọn để đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

TT	Tiêu chí	Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng
1	Chương trình môn học GDTC	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Giảng viên môn học GDTC	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Công trình TDTT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Tính tích cực học tập, rèn luyện của SV và kết quả học tập	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Nhu cầu môn học tự chọn của SV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của đồng chí./.

PHỤ LỤC 2. PHIẾU PHỎNG VẤN SINH VIÊN

BỘ VH,TT&DL CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Nhằm giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đề tài: “*Nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp*”, mong anh (chị) nghiên cứu kỹ các câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng.

Câu hỏi 1. Anh/chị hãy cho biết nhận định của mình về ý nghĩa, vai trò của môn học GDTC.

T T	Nội dung	Mức độ đồng ý				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1	Phát triển thể chất.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Nâng cao hiểu biết trong tập luyện thể thao.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Môn học quan trọng trong chương trình đào tạo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Kiến thức môn học cần thiết cho cuộc sống.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Hình thành các kỹ năng vận động.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Tầm gương theo đuổi các môn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

T T	Nội dung	Mức độ đồng ý				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Rất không đồng ý
	học chuyên ngành.					
7	Nâng cao hiểu biết về rèn luyện sức khỏe.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi 2. Anh/chị hãy cho biết nhận định của mình khi tham gia học tập và rèn luyện môn học GDTC.

T T	Nội dung	Mức độ đồng ý				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1	Là môn học bắt buộc.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Hứng thú với các bài tập thể thao mà GV yêu cầu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Thích thú khi học môn GDTC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Tự hào khi vượt qua các bài tập luyện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Nỗ lực hết mình khi tập luyện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Không thích tham gia các hoạt động lồng ghép khác.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

T T	Nội dung	Mức độ đồng ý				
		Rất đồng ý	ĐỒNG ý	Phân vân	Khôn g đồng ý	Rất không đồng ý
7	Luôn mong chờ học môn GDTC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Luôn hào hứng trong giờ tập luyện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Cảm thấy giờ học trôi qua nhanh.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Băn khoăn, không vui khi chưa thực hiện được.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Nuối tiếc khi phải nghỉ học giờ GDTC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi 3. Anh/chị hãy cho biết nhận định của mình khi tham gia tập luyện ngoại khóa.

T T	Nội dung	Mức độ đồng ý				
		Rất đồng ý	ĐỒNG ý	Phân vân	Khôn g đồng ý	Rất không đồng ý
1	Luôn mong muốn được tập luyện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Thích thú khi tập luyện môn thể	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

T T	Nội dung	Mức độ đồng ý				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Rất không đồng ý
	thao yêu thích.					
3	Tự hào khi được thi đấu cùng bạn bè.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Nỗ lực hết mình khi được tham gia.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Luôn mong chờ các buổi tập luyện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Cảm thấy thoải mái, vui vẻ khi tập luyện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Nuối tiếc khi không được tham gia đều đặn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi 4. Anh/chị hãy cho biết những hành động học tập và tập luyện ngoại khóa của mình để đạt được kết quả cao.

T T	Nội dung	Mức độ đồng ý				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1	Tự xây dựng kế hoạch tập luyện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

T T	Nội dung	Mức độ đồng ý				
		Rất đồng ý	ĐỒNG ý	Phân vân	Khôn g đồng ý	Rất không đồng ý
2	Luôn tích cực tập luyện trong quá trình học tập.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Nỗ lực thực hiện các yêu cầu trong giờ tập luyện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Tích cực quan sát, lắng nghe khi học động tác khó.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Hệ thống lại kiến thức, kỹ năng theo ý hiểu của bản thân.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Tự tin khi thực hiện các động tác kỹ thuật.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Làm đề cương ôn tập trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng đã học.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Luôn tập lại hoặc tư duy về các động tác trước khi có giờ GDTC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Giờ đi học và trang phục tập luyện đúng quy định.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Luôn vận dụng các kiến thức và kỹ năng vào cuộc sống và nghề nghiệp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

T T	Nội dung	Mức độ đồng ý				
		Rất đồng ý	ĐỒNG ý	Phân vân	Khôn g đồng ý	Rất không đồng ý
11	Tìm hiểu và sưu tầm các tài liệu về môn thể thao đang tập luyện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12	Trao đổi với GV và bạn bè về môn thể thao yêu thích.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13	Đọc các tài liệu, giáo trình mà GV yêu cầu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
14	Chăm chú theo dõi, quan sát các động tác thị phạm, mô phỏng của GV.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
15	Tích cực tập các bài tập bổ trợ khác.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi 5. Anh/chị hãy cho biết mong muốn của mình đối với các môn GDTC tự chọn theo nghề nghiệp dưới đây.

TT	Môn GDTC tự chọn	Lựa chọn	Chưa lựa chọn
1	Bóng rổ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Bóng đá	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Bơi lội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Thể dục Aerobic	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Khiêu vũ thể thao	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Bóng chuyền	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Võ thuật	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của anh (chị)./.

PHỤ LỤC 3. PHIẾU PHỎNG VẤN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH

BỘ VH,TT&DL CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Nhằm giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đề tài: “*Nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp*”, mong đ/c nghiên cứu kỹ những câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng.

Câu hỏi 1. Xin đồng chí cho biết ý kiến của mình về cấu trúc chương trình môn học GDTC và môn thể thao tự chọn (có tài liệu kèm theo).

TT	Cấu trúc	Ý kiến	
		Tán thành	Yêu cầu chỉnh sửa
1	Cấu trúc chương trình môn học GDTC	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Cấu trúc chương trình môn thể thao tự chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi 2. Xin đồng chí cho biết ý kiến thẩm định của mình đối với chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp (có tài liệu kèm theo).

TT	Nội dung thẩm định	Mức độ phù hợp		
		Không đạt yêu cầu, phải xây dựng lại	Đạt yêu cầu, nhưng phải chỉnh sửa	Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành

TT	Nội dung thẩm định	Mức độ phù hợp		
		Không đạt yêu cầu, phải xây dựng lại	Đạt yêu cầu, nhưng phải chỉnh sửa	Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành
1	Căn cứ xây dựng chương trình môn học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Chuẩn đầu ra của chương trình môn học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Cấu trúc chương trình môn học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Thời lượng của chương trình môn học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Nội dung của chương trình môn học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Đề cương chi tiết môn học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của đồng chí./.

Phần 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình

I. Mục tiêu.

1. Mục tiêu chung: Chương trình môn học Giáo dục thể chất nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu toàn diện.

2. Mục tiêu cụ thể:

Nhằm đảm bảo công tác giáo dục thể chất có hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế tại trường, đồng thời, đa dạng hóa nội dung giảng dạy giáo dục thể chất, chú trọng các môn thể thao mới, hấp dẫn đối với sinh viên, cũng như tạo thuận lợi cho sự lựa chọn môn học để học tập, rèn luyện theo khả năng và sở thích của sinh viên.

Hiểu biết về mục đích, ý nghĩa, tác dụng của thể dục thể thao đối với sức khỏe con người, biết cách tự rèn luyện cũng như phòng tránh chấn thương trong quá trình tập luyện của sinh viên.

Chương trình môn học GDTC nhằm trang bị những kiến thức và kỹ năng vận động cơ bản giúp sinh viên biết cách tập luyện và thi đấu các môn thể thao.

Trên cơ sở nắm vững kỹ thuật, phương pháp tập luyện và thi đấu các môn thể thao theo nội dung chương trình, giúp sinh viên biết vận dụng chúng trong các hoạt động vui chơi giải trí cũng như trong quá trình tự rèn luyện.

Phát triển một cách toàn diện các tố chất thể lực, giáo dục tính tự giác, tích cực, ý thức tổ chức kỷ luật và đặc biệt là thói quen tập luyện TDTT thường xuyên trong sinh viên, góp phần cùng với Nhà trường đào tạo nên lớp người có ý chí, phẩm chất đạo đức, sức khỏe tốt, không bệnh tật phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

II. Chuẩn đầu ra

Sinh viên sau khi học môn Giáo dục thể chất phải đạt được những yêu cầu sau:

1. Kiến thức:

1.1. Hiểu rõ vị trí, ý nghĩa, tác dụng của Giáo dục thể chất đối với con người nói chung, đối với sinh viên đại học và người lao động nói riêng.

1.2. Nắm vững được một số kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của các số môn thể dục thể thao được quy định trong chương trình, trên cơ sở đó tự rèn luyện sức khỏe trong quá trình học tập, lao động sản xuất.

2. Kỹ năng:

2.1. Thực hành được những kỹ thuật cơ bản của một số môn thể dục thể thao quy định trong chương trình.

2.2. Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe, phát triển tố chất thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp.

2.3. Đạt yêu cầu việc đánh giá, xếp loại thể lực sinh viên theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm theo QĐ số 53/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục Đào tạo.

3. Thái độ: Có thói quen vận động, tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe thường xuyên.

III. Khối lượng kiến thức:

Khối lượng kiến của chương trình môn học Giáo dục thể chất mà sinh viên Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp cần tích lũy là 04 (bốn) tín chỉ, bao gồm 04 học phần. Trong đó học phần 02 là học phần bắt buộc, 02 học phần còn lại là học phần tự chọn (Căn cứ vào điều kiện tiên quyết của từng học phần sinh viên chọn 2 trong 14 học phần của 7 môn TDTT trong chương trình đào tạo)

IV. Cấu trúc chương trình đào tạo

Học phần	Nội dung	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Kiểm tra (giờ)	Tổng số (giờ)
Giáo dục thể chất chung	Học phần bắt buộc (2 tín chỉ)				
	1. Lý luận giáo dục thể chất	8			8
	2. Thực hành (Các môn thể thao cơ bản: Điền kinh, Thể dục)		24*2	2*2	52
	Tổng	8	48	4	60
Giáo dục thể chất tự chọn theo nghề nghiệp	Học phần tự chọn (2 tín chỉ)				
	Lựa chọn chọn 2 trong 14 học phần của 7 môn TDTT: Thể dục Aerobic, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng đá, Bơi lội, Khiêu vũ thể thao, Võ thuật		28*2		28*2
	Kiểm tra:			2*2	2*2
	Tổng		56	4	60
	Tổng cộng	8	104	8	120

Phần 2: Nội dung chương trình

I. Giáo dục thể chất chung <Khoa, Bộ môn căn cứ vào điều kiện thực tế, để lựa chọn đưa vào chương trình các nội dung phù hợp nhằm mục tiêu để sinh viên đạt yêu cầu trong việc đánh giá, xếp loại thể lực sinh viên theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm theo QĐ số 53/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục Đào tạo>

1. Lý luận giáo dục thể chất.

1.1. Vị trí, mục tiêu, yêu cầu môn học.

1.2. Ý nghĩa, tác dụng của Giáo dục thể chất đối với sức khỏe con người và người học nghề.

1.3. Giới thiệu nội dung chương trình, cơ sở khoa học về lý luận giáo dục thể chất nghề nghiệp, những tiêu chuẩn và yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và rèn luyện thể chất, những yêu cầu đạt được khi kết thúc môn học.

2. Các môn thể thao cơ bản

II. Giáo dục thể chất tự chọn

1. Môn bơi lội.

1.1. Mục đích.

- Giới thiệu những đặc điểm kỹ thuật và phương pháp tập luyện môn bơi lội, nội dung và phân loại môn bơi lội;

- Trang bị những hiểu biết cơ bản về môn bơi lội và ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện môn bơi lội đối với sức khỏe con người;

- Rèn luyện sức khỏe và thể lực cho người học nghề.

1.2. Yêu cầu.

- Nêu được kỹ thuật bơi ếch, bơi trườn sấp và biết phân loại được các kiểu bơi;

- Biết phương pháp tập luyện môn bơi lội;

- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra.

1.3. Thực hành kỹ thuật môn bơi lội.

- Làm quen với nước, phương pháp làm nổi;

- Động tác tay (trên cạn và dưới nước);

- Động tác chân (trên cạn và dưới nước)

- Động tác thở (trên cạn và dưới nước);

- Phối hợp tay - chân;

- Phối hợp tay - chân – thở;

- Hoàn thiện kỹ thuật: thực hiện kỹ thuật bơi ếch và kỹ thuật bơi trườn sấp.

2. Các môn bóng (bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ)

2.1. Mục đích.

- Giới thiệu lịch sử ra đời, sự phát triển các môn bóng, những đặc điểm kỹ thuật và phương pháp tập luyện các môn bóng;

- Trang bị những hiểu biết cơ bản về các môn bóng, ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện các môn bóng đối với sức khỏe con người;

- Rèn luyện sức khỏe và thể lực cho người học nghề.

2.2. Yêu cầu.

- Nêu được những kỹ thuật cơ bản nhất của các môn bóng;

- Biết phương pháp tập luyện và thi đấu;

- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra.

2.3. Thực hành kỹ thuật các môn bóng.

2.3.1. Môn bóng chuyền.

- Tư thế cơ bản, các bước di chuyển;

- Kỹ thuật bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2);

- Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1);
- Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt;
- Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt;
- Kỹ thuật đập bóng theo phương lầy đà;
- Một số Điều luật thi đấu, sân bãi, dụng cụ, tổ chức thi đấu.

2.3.2. Môn bóng đá.

- Kỹ thuật di chuyển;
- Kỹ thuật dẫn bóng bằng má trong bàn chân;
- Kỹ thuật giữ bóng;
- Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân;
- Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân
- Kỹ thuật ném biên;
- Một số Điều luật thi đấu, sân bãi, dụng cụ, tổ chức thi đấu.

2.3.3. Môn bóng rổ.

- Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển;
- Kỹ thuật dẫn bóng;
- Kỹ thuật chuyền bóng về trước bằng hai tay trước ngực
- Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay;
- Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai;
- Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực;
- Kỹ thuật hai bước ném rổ;
- Một số Điều luật thi đấu, sân bãi, dụng cụ, tổ chức thi đấu.

3. Môn khiêu vũ thể thao.

3.1. Mục đích.

- Giới thiệu những đặc điểm kỹ thuật và phương pháp tập luyện môn khiêu vũ thể thao;

- Trang bị những hiểu biết cơ bản về môn khiêu vũ thể thao và ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện môn khiêu vũ thể thao đối với sức khỏe con người;

- Rèn luyện sức khỏe và thể lực cho người học nghề.

3.2. Yêu cầu.

- Nêu được kỹ thuật các vũ hình cơ bản và âm nhạc;

- Biết phương pháp tập luyện môn khiêu vũ thể thao;

- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra.

3.3. Thực hành kỹ thuật môn khiêu vũ thể thao.

- Làm quen với bước nhảy;

- Động tác tập không nhạc;

- Động tác tập có nhạc;

- Phối hợp ghép đôi;

- Phối hợp giữa các vũ hình;

- Hoàn thiện kỹ thuật các vũ hình cơ bản và nâng cao.

4. Môn thể dục Aerobic.

4.1. Mục đích.

- Giới thiệu những đặc điểm kỹ thuật và phương pháp tập luyện môn thể dục Aerobic;

- Trang bị những hiểu biết cơ bản về môn thể dục Aerobic và ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện môn thể dục Aerobic đối với sức khỏe con người;

- Rèn luyện sức khỏe và thể lực cho người học nghề.

4.2. Yêu cầu.

- Nêu được 7 bước cơ bản của thể dục Aerobic;

- Biết phương pháp tập luyện và biểu diễn kết hợp với âm nhạc sôi động;

- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra.

4.3. Thực hành kỹ thuật môn thể dục Aerobic.

- Làm quen với 7 bước cơ bản.
- Điều hành.
- Chạy bộ.
- Nhảy cách quãng.
- Nâng đầu gối.
- Đá.
- Bật Jack.
- Lunge;
- Hoàn thiện bài thể dục Aerobic tập thể 18, 20 động tác với nhạc, đội hình di chuyển và thiết kế.

5. Môn võ thuật.

5.1. Mục đích.

- Giới thiệu đặc điểm kỹ thuật và phương pháp tập luyện môn võ thuật;
- Trang bị những hiểu biết cơ bản về môn võ thuật và ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện môn võ thuật đối với sức khỏe con người;
- Rèn luyện sức khỏe và thể lực cho người học nghề.

5.2. Yêu cầu.

- Nêu được các tư thế tấn cơ bản;
- Biết phương pháp tập luyện và biểu diễn các bài quyền;
- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra.

5.3. Thực hành kỹ thuật môn võ thuật .

- Tư thế tấn cơ bản.
- Bài quyền số 1, số 2.
- Hoàn thiện phương pháp thi đấu tấn công, phòng thủ.

Phần 3. Hướng dẫn thực hiện chương trình.

1. Tổ chức giảng dạy.

1.1. Khoa GDTC&QPAN có trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng lựa chọn và phê duyệt giáo trình môn học Giáo dục thể chất để làm tài liệu giảng dạy, học tập; tổ chức cập nhật, đánh giá chương trình môn học giáo dục thể chất theo quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tiễn và các tiến bộ của khoa học chuyên ngành; công bố công khai chương trình môn học Giáo dục thể chất ngay từ đầu khóa học để người học có thể lựa chọn các học phần và đăng ký học tập; bố trí giảng viên, đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của chương trình Giáo dục thể chất và việc luyện tập thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực cho người học, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

1.2. Giảng viên có trách nhiệm kiểm tra về các điều kiện đảm bảo chất lượng, đảm bảo an toàn dạy học trước khi tổ chức dạy học; Giảng viên và sinh viên có thể từ chối không tham gia giảng dạy và học tập khi các điều kiện an toàn được xác định trong chương trình môn học không được đảm bảo.

1.3. Người học bị khuyết tật hoặc sức khỏe không đủ điều kiện học các nội dung phải vận động trong chương trình, có thể lựa chọn những học phần phù hợp. Trong chương trình môn học cần soạn thảo nội dung các bài tập phù hợp cho người học kém sức khỏe để giảng dạy, đồng thời trang bị cho họ phương pháp tập luyện thể dục chữa bệnh, phục hồi chức năng.

2. Đánh giá kết quả học tập.

Việc đánh giá kết quả học tập của từng học phần sẽ được quy định cụ thể trong từng đề cương chi tiết học phần; không tính vào điểm chung bình chung học kỳ, năm học, hay khóa học.

Điểm đánh giá học phần là điểm bài thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10, sinh viên nghỉ quá 50% thời gian lên lớp thì không được dự thi kết thúc học phần và nhận điểm 0 của học phần đó, không được dự thi lần 2 mà phải đăng ký học lại (có thể chọn học phần khác tương đương)

Sau khi hoàn thành chương trình môn học Giáo dục thể chất (4 tín chỉ), không có học phần nào có điểm dưới 5, sinh viên sẽ được cấp chứng chỉ hoàn thành chương trình môn học.

Điểm môn học được tính bằng chung bình chung các học phần.

$$A = \frac{\sum_{i=1}^4 a_i}{4}$$

Trong đó A là điểm trung bình chung môn học, làm tròn đến phần nguyên; a_i là điểm thi học phần chấm theo thang điểm 10

Căn cứ vào điểm chung bình chung môn học, kết quả học tập của sinh viên được xếp loại như sau:

- + Loại Giỏi: điểm trung bình môn học đạt điểm 9, điểm 10.
- + Loại Khá: điểm trung bình môn học đạt điểm 7, điểm 8.
- + Loại Trung bình: điểm trung bình môn học đạt điểm 5, điểm 6.

3. Triển khai thực hiện

Phòng Đào tạo Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp phối hợp với Khoa GDTC & QPAN tổ chức triển khai thực hiện chương trình môn học Giáo dục thể chất đã được phê duyệt. Trong quá trình thực hiện nếu có những đề xuất thay đổi về nội dung kiến thức sẽ đề xuất Hội đồng khoa học nhà Trường điều chỉnh. Trong từng giai đoạn cụ thể, Khoa GDTC và QPAN đề xuất phòng Đào tạo thay đổi các học phần tự chọn sao cho phù hợp với điều kiện công trình thể thao, phát triển của khoa học và công nghệ.

Một tín chỉ môn GDTC được qui định bằng 30 tiết, một tiết học được tính bằng 50 phút.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC

KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

PHỤ LỤC 5. CHƯƠNG TRÌNH TỰ CHỌN BÓNG ĐÁ 1

- 1. Tên học phần:** Giáo dục thể chất tự chọn Bóng đá 1
- 2. Số tín chỉ:** 1 (2, 28, 30, 60)
- 3. Trình độ đào tạo:** Đại học
- 4. Tính chất học phần:** Tự chọn
- 5. Khoa phụ trách:** Khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy:**
- 7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

7.1. Điều kiện đăng ký học tập

- Học phần tiên quyết: Không có
- Học phần học trước: Điền kinh 2

7.2. Nội dung học phần

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về môn bóng đá như: lịch sử, nguyên lý kỹ thuật. Giúp người học có các kỹ năng trong việc thực hiện các kỹ thuật cá nhân cơ bản. Giúp người học sử dụng như một phương tiện cơ bản để rèn luyện sức khỏe và tăng cường thể lực.

8. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Biết được khái niệm, đặc điểm và tác dụng của bóng đá. Biết được lịch sử ra đời và sự phát triển của bóng đá. Hiểu và nắm được nguyên lý kỹ thuật một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá. Hiểu và nắm được một số điều luật bóng đá.

- Kỹ năng: Hiểu và vận dụng một số điều luật và các kỹ thuật đã học vào tập luyện, chơi bóng đá. Có phương pháp tự tập luyện và nâng cao kỹ năng, tăng cường thể lực.

- Thái độ: Hình thành thái độ ham thích bóng đá, coi đó là phương tiện để tăng cường thể lực và giữ gìn sức khỏe. Từ đó hình thành những cảm xúc tích cực, năng động, sống hòa mình với tập thể, coi trọng tính tập thể và giao tiếp cộng đồng.

9. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	Bài 1		4	
	1. Giới thiệu về đề cương môn học. 2. Phổ biến quy định, yêu cầu của môn học. 3. Khái niệm bóng đá. 4. Giới thiệu lịch sử ra đời và sự phát triển của bóng đá.		1	1. Xây dựng kế hoạch học tập. 2. Chuẩn bị các câu hỏi.
	1. Giới thiệu các động tác khởi động chung và khởi động chuyên môn. 2. Thể lực: Bài tập phát triển sức bền chung.		1	- Đọc TL1 tr.1-28
	1. Nguyên lý một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá. - Kỹ thuật tung bóng. - Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. - Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.			- Đọc TL1 tr.29-31 - Đọc TL1 tr.35, 76

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	- Kỹ thuật dẫn bóng.			
	1. Tập kỹ thuật tâng bóng. - Các động tác tâng bóng. 2. Thẻ lọc: Bài tập phát triển sức bền chung.		2	
2	Bài 2		4	
	1. Đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá.		1	- Đọc tài liệu 1
	1. Tập kỹ thuật tâng bóng. 2. Tập kỹ thuật dẫn bóng. - Dẫn bóng trên đoạn thẳng. 3. Thẻ lọc: Bài tập phát triển sức nhanh.			- Tập tâng bóng bằng mu giữa bàn chân.
	1. Luật bóng đá. - Sân thi đấu. - Bóng thi đấu - Số lượng cầu thủ. - Trang phục cầu thủ.		1	- Đọc tài liệu 2
	1. Tập kỹ thuật tâng bóng. 2. Tập kỹ thuật dẫn bóng luôn cọc. 3. Tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn		2	- Tập tâng bóng bằng mu giữa bàn chân, bằng đùi.

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>chân.</p> <p>4. Thẻ lục: Giới thiệu nội dung kiểm tra giữa kỳ: Thực hiện test di chuyển tam giác.</p>			<p>- Dẫn bóng đổi hướng.</p>
3	Bài 3		4	
	<p>1. Tập kỹ thuật dẫn bóng luôn cọc.</p> <p>2. Tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân.</p> <p>- Đá bóng vào cầu môn 2 x 3m ở cự ly 9m đối với nữ và 12m đối với nam.</p> <p>3. Tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.</p> <p>- Các bài tập bổ trợ.</p> <p>4. Tập nội dung kiểm tra giữa kỳ: Thực hiện test di chuyển tam giác.</p>		2	<p>Đá bóng bằng lòng bàn chân</p>
	<p>1. Tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân vào cầu môn.</p> <p>2. Tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m.</p> <p>3. Tập kỹ thuật dẫn bóng luôn cọc.</p> <p>4. Tập nội dung kiểm tra giữa kỳ: Test di chuyển tam giác.</p>		2	<p>- Đá bóng bằng lòng bàn chân.</p> <p>- Dẫn bóng đổi hướng bằng lòng bàn chân.</p> <p>- Tập di chuyển tiến, lùi, ngang.</p>

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
4	Bài 4		4	
	<p>1. Phối hợp di chuyển và đá bóng bằng lòng bàn chân kết hợp sút cầu môn bằng mu trong bàn chân.</p> <p>- Phối hợp nhóm 2 người, 3 người di chuyển và chuyền bóng cho nhau và sút cầu môn.</p> <p>2. Chuyền bóng xa bằng mu trong.</p> <p>- Thực hiện 2 người đứng đối diện, cách nhau 15-20m và chuyền bóng bằng mu trong bàn chân.</p> <p>3. Tập nội dung kiểm tra giữa kỳ: Test di chuyển tam giác.</p>		2	<p>- Kết hợp di chuyển và đá bóng bằng lòng bàn chân.</p> <p>- Tập di chuyển tiến, lùi, ngang.</p>
	<p>1. Tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân vào cầu môn.</p> <p>2. Tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn.</p> <p>3. Tập kỹ thuật dẫn bóng luôn cọc.</p> <p>4. Thẻ lực: Bài tập phát triển khả năng khéo léo.</p>		2	- Tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m.
5	Bài 5		4	
	1. Phối hợp di chuyển và đá bóng bằng		2	- Tập đá bóng

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>lòng bàn chân vào cầu môn.</p> <p>2. Đá bóng điểm rơi vào cầu môn 2 x 3m bằng kỹ thuật mu trong bàn chân.</p> <p>3. Tập kỹ thuật dẫn bóng luôn cọc.</p> <p>4. Thẻ lực: Trò chơi vận động.</p>			điểm rơi bằng mu trong bàn chân.
	<p>1. Phối hợp nhóm 2 người hoặc 3 người thực hiện bài tập đá bóng, dẫn bóng và sút cầu môn.</p> <p>2. Dẫn bóng luôn cọc.</p> <p>3. Thẻ lực: Trò chơi vận động.</p>		1	<p>- Tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân vào cầu môn.</p> <p>- Dẫn bóng luôn qua 5 cọc.</p>
	<p>1. Tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân vào cầu môn.</p> <p>2. Dẫn bóng luôn cọc tính thời gian.</p> <p>3. Thi đấu.</p>		1	<p>- Phối hợp đá bóng, chuyền bóng, sút cầu môn theo nhóm 2, 3 hoặc 4 người.</p>
6	Kiểm tra - đánh giá		4	- Chuẩn bị tốt về tâm lý
7	Bài 6		4	
	<p>1. Tập nội dung thi cuối kỳ:</p> <p>- Đá bóng bằng lòng bàn chân vào cầu</p>		2	- Tập nội dung thi cuối kỳ.

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	môn. - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn. - Dẫn bóng luôn cộc tính thời gian. 2. Thi đấu tập.			
	1. Tự tập các nội dung thi cuối kỳ. 2. Phổ biến yêu cầu và công tác chuẩn bị thi cuối học kỳ.		2	- Hoàn thiện các nội dung thi.
8	Tổ chức thi cuối kỳ		4	- Chuẩn bị tốt tâm lý - Tập kỹ thuật kiểm tra

10. Tài liệu phục vụ cho học phần

10.1. Tài liệu học tập:

[1] Trần Đức Dũng (2007), *Giáo trình bóng đá*, NXB Thể dục thể thao.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Tổng cục TDTT (2013), *Luật thi đấu bóng đá*, NXB Thể dục thể thao.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

11.1. Phương pháp giảng dạy – học tập.

- Hướng dẫn tài liệu học tập, thị phạm, giảng giải, phân tích kỹ thuật, trực quan sinh động, tự giác tích cực.

11.2. Đánh giá học phần.

- Điểm chuyên cần (Dự lớp) Tham gia học đảm bảo 50% số giờ tín chỉ;
 Bài tập: Thực hiện đủ lượng vận động theo yêu cầu của bài tập trên lớp. Tự giác tập luyện ngoài giờ học (ngoại khóa); Dụng cụ học tập: Sinh viên mặc đúng trang phục thể thao. Sinh viên phải mang thẻ sinh viên trong suốt quá trình học và kiểm tra.

- Điểm kiểm tra giữa kỳ: chiếm tỷ trọng 30% Hình thức kiểm tra: Thực hành

Nội dung: Di chuyển tam giác.

Tiêu chí đánh giá:

+ Thực hiện đúng kỹ thuật di chuyển.

+ Tính thời gian thực hiện.

- Điểm thi cuối kỳ: Chiếm tỷ trọng 60% Hình thức kiểm tra: Thực hành

Nội dung:

+ Dẫn bóng sút cầu môn.

+ Đá lòng bóng chết (Chọn 1 trong 2 kỹ thuật: đá bóng bằng lòng bàn chân hoặc đá bóng bằng mu trong bàn chân).

- Tiêu chí đánh giá:

+ Dẫn bóng sút cầu môn: Mỗi người thực hiện 3 lần. Chỉ tính điểm khi dẫn bóng luôn qua các cọc đúng thứ tự.

+ Đá lòng bóng chết: 10 quả. Đúng kỹ thuật và vào cầu môn 2 x 3m.

Thang điểm đánh giá:

TT	Nội dung	Điểm thi									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Dẫn bóng sút cầu môn (điểm)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Đá lòng bóng chết 10 quả (quả)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9

12. Hướng dẫn thực hiện

- Các Khoa, Bộ môn phổ biến đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên thực hiện theo đúng đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 201

Trưởng Phòng Đào tạo

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

((Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 6. CHƯƠNG TRÌNH TỰ CHỌN BÓNG ĐÁ 2

Tên học phần: Giáo dục thể chất tự chọn Bóng đá 2

- 1. Số tín chỉ:** 1 (2, 28, 30, 60)
- 2. Trình độ đào tạo:** Đại học
- 3. Tính chất học phần:** Tự chọn
- 4. Khoa phụ trách:** Khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng
- 5. Bộ môn phụ trách giảng dạy:**
- 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

7.1. Điều kiện đăng ký học tập

- Học phần tiên quyết: Bóng đá 1
- Học phần học trước:

7.2. Nội dung học phần

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về môn bóng đá như: lịch sử, luật thi đấu. Giúp người học có các kỹ năng nâng cao trong việc thực hiện các kỹ thuật cơ bản và phối hợp. Giúp người học sử dụng như một phương tiện cơ bản để rèn luyện sức khỏe và tăng cường thể lực.

7. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Biết được khái niệm, đặc điểm và tác dụng của bóng đá. Biết được lịch sử ra đời và sự phát triển của bóng đá. Hiểu và nắm được nguyên lý kỹ thuật một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá. Hiểu và nắm được một số điều luật bóng đá.

- Kỹ năng: Hiểu và vận dụng một số điều luật và các kỹ thuật đã học vào tập luyện, chơi bóng đá. Có phương pháp tự tập luyện và nâng cao kỹ năng, tăng cường thể lực.

- Thái độ: Hình thành thái độ ham thích bóng đá, coi đó là phương tiện để tăng cường thể lực và giữ gìn sức khỏe. Từ đó hình thành những cảm xúc tích cực, năng động, sống hòa mình với tập thể, coi trọng tính tập thể và giao tiếp cộng đồng.

8. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	Bài 7		4	
	1. Giới thiệu về đề cương môn học 2. Phổ biến quy định, yêu cầu của môn học. 3. Nguyên lý kỹ thuật cơ bản của Bóng đá: - Kỹ thuật đá bóng. - Kỹ thuật dùng bóng. - Kỹ thuật dẫn bóng.		1	1. Xây dựng kế hoạch học tập. 2. Chuẩn bị các câu hỏi.
	1. Giới thiệu các động tác khởi động chung và khởi động chuyên môn. 2. Thể lực: Bài tập phát triển sức bền chung.		1	
	1. Luật bóng đá: Luật 7, 8, 9, 10, 12, 16, 17.			- Đọc tài liệu 2 - Chuẩn bị các câu hỏi để thảo luận.
	1. Tập kỹ thuật đá bóng tại chỗ bằng		2	- Đọc giáo trình 1

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>lòng bàn chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các giai đoạn thực hiện kỹ thuật. - Khắc phục những sai lầm thường mắc. <p>2. Thẻ lược: Bài tập phát triển sức bền chung.</p>			
2	Bài 8		4	
	<p>1. Tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đá bóng tại chỗ. - Đá bóng lăn sệt. <p>2. Tập kỹ thuật dừng bóng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dừng bóng lăn sệt bằng lòng bàn chân. - Dừng bóng lăn sệt bằng mu ngoài bàn chân. - Dừng bóng lăn sệt bằng gan bàn chân. <p>3. Thẻ lược: Bài tập phát triển sức nhanh.</p>		2	<ul style="list-style-type: none"> - Đá bóng lăn sệt bằng lòng bàn chân kết hợp với kỹ thuật giữ bóng.
	<p>1. Tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân:</p>		2	<ul style="list-style-type: none"> - Đá bóng bằng lòng bàn chân kết hợp dừng bóng;

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<ul style="list-style-type: none"> - Đá bóng tại chỗ. - Đá bóng lăn sệt. - Đá bóng nửa nảy. <p>2. Tập kỹ thuật dừng bóng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật dừng bóng nửa nảy. - Kỹ thuật dừng bóng trên cao. <p>3. Tập kỹ thuật dẫn bóng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật dẫn bóng bằng lòng bàn chân. - Kỹ thuật dẫn bóng bằng mu trong bàn chân. - Kỹ thuật dẫn bóng bằng mu ngoài bàn chân. 			<ul style="list-style-type: none"> - Tập dẫn bóng trên đoạn thẳng.
3	Bài 9		4	
	<p>1. Tập kỹ thuật đá bóng tại chỗ bằng mu trong bàn chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các giai đoạn thực hiện kỹ thuật. - Khắc phục những sai lầm thường mắc. <p>2. Tập kỹ thuật dẫn bóng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật dẫn bóng bằng mu giữa bàn chân. 		2	<ul style="list-style-type: none"> Tập dẫn bóng trên đoạn thẳng.

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>- Kỹ thuật dẫn bóng bằng mũi bàn chân.</p> <p>3. Tập dẫn bóng tốc độ trên đoạn thẳng.</p> <p>4. Giới thiệu và tập nội dung kiểm tra giữa kỳ.</p>			
	<p>1. Tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.</p> <p>2. Tập kỹ thuật đá bóng tại chỗ bằng mu giữa bàn chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các giai đoạn thực hiện kỹ thuật. - Khắc phục những sai lầm thường mắc. <p>3. Tập kỹ thuật dẫn bóng.</p> <p>4. Tập nội dung kiểm tra giữa kỳ.</p>		2	Tập nội dung kiểm tra giữa kỳ
4	Bài 10		4	
	<p>1. Tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.</p> <p>2. Tập kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân.</p> <p>3. Tập nội dung kiểm tra giữa kỳ.</p>		2	Tập nội dung kiểm tra giữa kỳ
	<p>1. Tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân:</p>		2	

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>- Đá bóng điểm rơi bằng mu trong bàn chân ở cự ly 15 – 20m.</p> <p>2. Tập kỹ thuật đá bóng tại chỗ bằng mu ngoài bàn chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các giai đoạn thực hiện kỹ thuật. - Khắc phục những sai lầm thường mắc. <p>3. Tập kỹ thuật dẫn bóng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn bóng tốc độ trên đường thẳng. - Dẫn bóng luôn cọc. <p>4. Thẻ lục: Bài tập phát triển sức nhanh và khả năng khéo léo.</p>			
5	Kiểm tra – đánh giá giữa kỳ		4	- Chuẩn bị tốt về tâm lý và thể lục.
6	Bài 11		4	
	<p>1. Tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đá bóng dài bằng mu trong bàn chân, điểm rơi trong hành lang 15m. <p>2. Tập kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân.</p> <p>3. Tập kỹ thuật dẫn bóng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn bóng tốc độ trên đường thẳng kết hợp đổi hướng. - Dẫn bóng luôn cọc. <p>4. Thi đấu tập: Thi đấu sân 7 người.</p>		2	

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	1. Giới thiệu, tập nội dung thi cuối kỳ: - Nội dung đá bóng bằng mu trong bàn chân điểm rơi trong hành lang 15m. - Dẫn bóng tốc độ trên đường thẳng kết hợp dẫn bóng luôn qua 5 cọc. 2. Thi đấu tập: Thi đấu sân 7 người.		2	
7	Bài 12		4	
	1. Tập nội dung thi cuối kỳ: - Nội dung đá bóng bằng mu trong bàn chân điểm rơi trong hành lang 15m. - Dẫn bóng tốc độ trên đường thẳng kết hợp dẫn bóng luôn qua 5 cọc. 2. Thi đấu tập: Thi đấu sân 7 người.		2	- Tập theo nội dung và hình thức kiểm tra.
	1. Ôn tập nội dung thi cuối kỳ. 2. Thông báo các điểm thành phần cho sinh viên. 3. Phổ biến yêu cầu và công tác chuẩn bị thi cuối kỳ.		2	- Hoàn thiện nội dung thi cuối kỳ.
8	Tổ chức kiểm tra – đánh giá cuối kỳ		4	- Chuẩn bị tốt tâm lý.

9. Tài liệu phục vụ cho học phần

10.1. Tài liệu học tập:

[1] Trần Đức Dũng (2007), *Giáo trình bóng đá*, NXB Thể dục thể thao.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Tổng cục TDTT (2013), *Luật thi đấu bóng đá*, NXB Thể dục thể thao.

10. Phương pháp đánh giá học phần:

11.1. Phương pháp giảng dạy – học tập

- Hướng dẫn tài liệu học tập, thị phạm, giảng giải, phân tích kỹ thuật, trực quan sinh động, tự giác tích cực.

11.2. Đánh giá học phần

- Điểm chuyên cần (Dự lớp) Tham gia học đảm bảo 50% số giờ tín chỉ; Bài tập: Thực hiện đủ lượng vận động theo yêu cầu của bài tập trên lớp. Tự giác tập luyện ngoài giờ học (ngoại khóa); Dụng cụ học tập: Sinh viên mặc đúng trang phục thể thao. Sinh viên phải mang thẻ sinh viên trong suốt quá trình học và kiểm tra.

- Điểm kiểm tra giữa kỳ: chiếm tỷ trọng 30%. Hình thức kiểm tra: Thực hành.

- Nội dung: Dẫn bóng 30m vòng qua cọc, tính thời gian.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Dẫn bóng trên đoạn thẳng 30m, phải chạm bóng ít nhất 3 lần.

+ Mỗi người thực hiện 2 lần và tính thành tích tốt nhất.

- Điểm thi cuối kỳ: Chiếm tỷ trọng 60% Hình thức kiểm tra: Thực hành

- Nội dung:

+ Đá bóng xa: bằng mu trong bàn chân, điểm rơi của bóng trong hành lang 17m.

+ Dẫn bóng sút cầu môn.

* Nội dung 1: Đá bóng bằng mu trong bàn chân, điểm rơi của bóng trong hành lang 17m.

Tiêu chí đánh giá: Mỗi người thực hiện 3 lần. Chỉ tính điểm khi bóng đá đi đúng kỹ thuật, không lăn sệt và không rơi ra ngoài hành lang 17m.

* Nội dung 2: Dẫn bóng sút cầu môn

Tiêu chí đánh giá: Mỗi người thực hiện 3 lần. Chỉ tính điểm khi dẫn bóng luôn qua các cọc đúng thứ tự.

Thang điểm đánh giá:

TT	Nội dung	Điểm thi									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Dẫn bóng sút cầu môn (điểm)	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Đá xa (m)	31	32	33	34	35	37	39	41	43	45

11. Hướng dẫn thực hiện

- Các Khoa, Bộ môn phổ biến đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

- Giảng viên thực hiện theo đúng đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 201

Trưởng Phòng Đào tạo

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

((Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 7. CHƯƠNG TRÌNH TỰ CHỌN BÓNG RỔ 1

- 1. Tên học phần:** Giáo dục thể chất tự chọn Bóng rổ 1
- 2. Số tín chỉ:** 1 (2, 28, 30, 60)
- 3. Trình độ đào tạo:** Đại học
- 4. Tính chất học phần:** Tự chọn
- 5. Khoa phụ trách:** Khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy:**
- 7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

7.1. Điều kiện đăng ký học tập

- Học phần tiên quyết: Không có
- Học phần học trước: Điền kinh 2

7.2. Nội dung học phần

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của môn bóng rổ như: các lịch sử phát triển, nguyên lý kỹ thuật... Giúp người học có các kỹ năng trong việc thực hiện các kỹ thuật cơ bản. Giúp người học sử dụng như một phương tiện cơ bản để rèn luyện sức khỏe và tăng cường thể lực.

8. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Biết được nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển và vị trí của môn bóng rổ trên thế giới, sự hình thành phát triển của môn bóng rổ ở Việt Nam. Nắm được một số điều luật, các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Hiểu được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản.
- Kỹ năng: Thực hiện được các kỹ thuật động tác cá nhân để tự tập luyện hoặc tập theo nhóm.
- Thái độ: Người học cần có thái độ tích cực, yêu thích môn học mà mình đã lựa chọn, luôn có tinh thần thái độ hăng say trong mỗi giờ học và tích cực tập luyện

ngoại khóa, để có được các kỹ năng cần thiết và tâm lý tốt. Ngoài ra, người học biết vận dụng môn bóng rổ làm phương tiện cho việc rèn luyện và nâng cao sức khỏe của con người.

9. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	Bài 1		4	
	1. Giới thiệu đề cương môn học. 2. Phổ biến yêu cầu, quy chế. 3. Giới thiệu khái niệm, lịch sử và quá trình phát triển môn bóng rổ.		1	1. Xây dựng kế hoạch học tập. 2. Chuẩn bị các câu hỏi.
	1. Giới thiệu các động tác di chuyển không bóng. 2. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng: <ul style="list-style-type: none"> - Hai tay trước ngực. - Hai tay trên cao. - Hai tay bật đất. - Một tay trên cao. - Một tay trên vai. - Một tay bật đất 3. Bài tập bổ trợ: <ul style="list-style-type: none"> - Tập tại chỗ không có bóng làm động tác tay. 		3	TL1 tr.31-35 TL1 tr.35-52

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tại chỗ với bóng 4. Thể lực: - Bài tập phát triển sức bền chung. 			
	<ul style="list-style-type: none"> 1. Trang bị một số điều luật: - Thành phần đội bóng (Điều 4). - Cách chơi bóng (Điều 13). - Luật dẫn bóng (Điều 24). 		1	TL2
2	Bài 2		4	
	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn bóng di chuyển: + Đi bộ dẫn bóng. + Chạy chậm dẫn bóng. 3. Giới thiệu kỹ thuật ném rổ tại chỗ 2 tay trước ngực. - Bài tập bổ trợ : + Bài tập mô phỏng. +Tập hai người một bóng (cự ly tăng dần từ 3m đến 5m). + Tập có bóng với rổ (cự ly 3m, 5m) 4. Thể lực: Bài tập phát triển sức mạnh tốc độ. 		2	TL1 tr.58-71
	1. Trang bị một số điều luật:		1	- Đọc tài liệu 2

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước sân bãi, trang thiết bị thi đấu (Điều 2, Điều 3). - Luật ném phạt (Điều 43). 			
	<p>2. Ôn các kỹ thuật đã học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn bóng. - Chuyển bóng. - Ném rỏ tại chỗ 2 tay trước ngực. <p>3. Giới thiệu kỹ thuật ném rỏ tại chỗ 1 tay trên vai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hỗ trợ: <ul style="list-style-type: none"> + Tập tại chỗ không có bóng. + Tập hai người 1 bóng ném qua lại (cự ly 3,5m, 4,5m). + Tập ném rỏ tại chỗ (cự ly gần sau đó tăng dần đúng cự ly kiểm tra). <p>4. Thẻ lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập phát triển sức bền chuyên môn. 		1	<p>Tập các bài tập hỗ trợ</p> <p>TL1 tr.64</p>
3	Bài 3		4	
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bài tập trò chơi vận động. 2. Ôn định kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển bóng. 		1	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập các động tác hỗ trợ: <ul style="list-style-type: none"> + Ném rỏ tại chỗ

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<ul style="list-style-type: none"> - Bắt bóng. - Chạy dẫn bóng trên đường thẳng (tốc độ chạy trung bình). 			<ul style="list-style-type: none"> 2 tay trước ngực. + Ném rổ tại chỗ 1 tay trên vai.
	<p>1. Trang bị một số điều luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật chạy bước (Điều 25). - Luật 3 giây, 5 giây, 8 giây, 24 giây (Điều 26, 27, 28, 29). 		1	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu 2
	<p>1. Hoàn thiện kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển bóng, bắt bóng. - Chạy dẫn bóng. <p>2. Ôn định kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực và tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai.</p> <p>3. Ôn tập kỹ thuật di chuyển ném rổ 1 tay trên vai (không tập với rổ).</p> <p>+ Tập 2 người thực hiện kỹ thuật 2 bước ném bóng cho nhau.</p> <p>4. Thẻ lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập phát triển sức nhanh. 		2	<ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo các câu hỏi về Luật bóng rổ. - Ôn kỹ thuật hỗ trợ bước bộ không bóng, kỹ thuật di chuyển ném rổ 1 tay trên vai.
4	Bài 4		4	
	1. Bài tập trò chơi vận động.		2	- Tập ném rổ.

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>2. Tập kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển bóng, bắt bóng. - Tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực. - Tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai. <p>3. Tập chạy dẫn bóng tốc độ 28m. Kiểm tra thử bấm thời gian.</p> <p>4. Tập kỹ thuật di chuyển ném rổ 1 tay trên vai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập bước bộ không có bóng với rổ. - Tập ở ngoài rổ với bóng: <ul style="list-style-type: none"> + Tập kỹ thuật tại chỗ bắt bóng 2 bước. + Tập kỹ thuật di chuyển và bắt bóng bước 1. + Tập kỹ thuật di chuyển và bắt bóng 2 bước. <p>5. Thẻ lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập phát triển sức bền chuyên môn. 			<ul style="list-style-type: none"> - Tập bước bộ kỹ thuật di chuyển ném rổ 1 tay trên vai.
	<p>1. Tập kỹ thuật chuyển bóng, bắt bóng.</p> <p>2. Hoàn thiện kỹ thuật ném rổ tại chỗ.</p> <p>3. Tập chạy dẫn bóng tốc độ 28m.</p>		2	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	Kiểm tra thử bấm thời gian. 4. Thực hiện kỹ thuật di chuyển ném rổ 1 tay trên vai: - Tập bước bộ có bóng (ngoài rổ). - Tập di chuyển có bóng (ngoài rổ). - Tập di chuyển có bóng ném rổ. 5. Thẻ lực: - Bài tập phát triển sức nhanh.			- Tập bước bộ kỹ thuật di chuyển ném rổ 1 tay trên vai.
5	Bài 5		4	
	1. Tập kỹ thuật chuyền bóng, bắt bóng, dẫn bóng. 2. Tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ. 3. Tập kỹ thuật di chuyển ném rổ 1 tay trên vai. 4. Thẻ lực: - Bài tập phát triển sức mạnh.		1	- Tập kỹ thuật di chuyển ném rổ không có bóng. - Tập kỹ thuật di chuyển ném rổ có bóng.
	1. Bài tập trò chơi vận động. 2. Tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ. 3. Hoàn thiện kỹ thuật di chuyển ném rổ 1 tay trên vai: - Tại chỗ bật nhảy ném rổ chéo góc 45 ⁰		1	- Bài tập hỗ trợ. - Tại chỗ ném rổ. - Di chuyển ném rổ một tay trên vai.

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<ul style="list-style-type: none"> - 2 bước ném rổ chéo góc 45⁰ - Di chuyển ném rổ 1 tay trên vai. 			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ. 2. Tập kỹ thuật di chuyển ném rổ 1 tay trên vai. 3. Thẻ lược: <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập tổng hợp: Xếp hàng lần lượt thực hiện chạy dẫn bóng 20m -> di chuyển ném rổ 1 tay trên vai sau đó dẫn bóng đi bộ về rổ đối diện thực hiện -> tại chỗ ném rổ sau vạch kiểm tra. 		2	<ul style="list-style-type: none"> - Tại chỗ ném rổ. - Di chuyển ném rổ 1 tay trên vai.
6	Kiểm tra - đánh giá		4	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị tốt về tâm lý
7	Bài 6		4	
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trò chơi vận động. 2. Giới thiệu kỹ thuật dẫn bóng qua người. 3. Tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ. 4. Tập kỹ thuật di chuyển ném rổ 1 tay trên vai. 5. Thẻ lược: <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập phát triển sức mạnh bền. 		2	<ul style="list-style-type: none"> - Tại chỗ ném rổ. - TL1 tr.52-57 - Di chuyển ném rổ 1 tay trên vai.

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	1. Tập kỹ thuật chạy dẫn bóng qua người. 2. Giới thiệu kỹ thuật di chuyển chuyền bóng và bắt bóng. 3. Tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ. 4. Tập kỹ thuật di chuyển ném rổ 1 tay trên vai. 5. Thẻ lược: Bài tập tổng hợp.		1	- Ném rổ tại chỗ. - Ném rổ tựa bảng. - Di chuyển ném rổ 1 tay trên vai.
	1. Tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ. 2. Tập kỹ thuật di chuyển ném rổ 1 tay trên vai. 3. Kiểm tra thử. 4. Thẻ lược: - Bài tập phát triển sức nhanh.		1	- Tại chỗ ném rổ. - Di chuyển ném rổ 1 tay trên vai.
8	Tổ chức thi cuối kỳ		4	- Chuẩn bị tốt tâm lý - Tập kỹ thuật kiểm tra

10. Tài liệu phục vụ cho học phần

10.1. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Quốc Quân, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình Bóng rổ*, Nxb TDTT

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Fiba (8/2014), *Luật bóng rổ*, biên dịch: Nguyễn Ngọc Tuấn.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

11.1. Phương pháp giảng dạy – học tập

- Hướng dẫn tài liệu học tập, thi phạm, giảng giải, phân tích kỹ thuật, trực quan sinh động, tự giác tích cực.

11.2. Đánh giá học phần

- Điểm chuyên cần (Dự lớp) Tham gia học đảm bảo 50% số giờ tín chỉ;
Bài tập: Thực hiện đủ lượng vận động theo yêu cầu của bài tập trên lớp. Tự giác tập luyện ngoài giờ học (ngoại khóa); Dụng cụ học tập: Sinh viên mặc đúng trang phục thể thao. Sinh viên phải mang thẻ sinh viên trong suốt quá trình học và kiểm tra.

- Điểm kiểm tra giữa kỳ: chiếm tỷ trọng 30% Hình thức kiểm tra: *Thực hành*

+ Nội dung: Chạy dẫn bóng 28m.

+ Tiêu chí đánh giá: Thành tích về thời gian, đúng kỹ thuật, không phạm luật.

- Điểm thi cuối kỳ: Chiếm tỷ trọng 60% Hình thức kiểm tra: *Thực hành*

Nội dung:

+ Tại chỗ ném rổ.

+ Dẫn bóng tốc độ.

Tiêu chí đánh giá:

+ Số lần ném bóng vào rổ không phạm luật.

+ Tính nhịp điệu trong quá trình thực hiện động tác.

Thang điểm đánh giá:

TT	Nội dung	Điểm thi									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Dẫn bóng tốc độ 20m (s)	3.50	3.55	3.60	3.65	3.70	3.75	3.80	3.85	3.90	3.95
2	Tại chỗ ném rổ 5 quả (quả)	3/5 quả đạt 9 điểm. Sau đó giảm 01 quả thì trừ 3 điểm. Còn 01 điểm đánh giá kỹ thuật thực hiện theo 04 mức (A, B, C, D).									

12. Hướng dẫn thực hiện

- Các Khoa, Bộ môn phổ biến đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

- Giảng viên thực hiện theo đúng đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 201

Trưởng Phòng Đào tạo

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng khoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người biên soạn

((Ký và ghi rõ họ tên))

PHỤ LỤC 8. CHƯƠNG TRÌNH TỰ CHỌN BÓNG RỔ 2

- 1. Tên học phần:** Giáo dục thể chất tự chọn Bóng rổ 2
- 2. Số tín chỉ:** 1 (2, 28, 30, 60)
- 3. Trình độ đào tạo:** Đại học
- 4. Tính chất học phần:** Tự chọn
- 5. Khoa phụ trách:** Khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy:**
- 7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

7.1. Điều kiện đăng ký học tập

- Học phần tiên quyết: Bóng rổ 1
- Học phần học trước:

7.2. Nội dung học phần

Trang bị cho người học những kiến thức nâng cao của môn bóng rổ như: luật thi đấu, nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật... Giúp người học có các kỹ năng thuần thục trong việc thực hiện các kỹ thuật nâng cao. Giúp người học sử dụng như một phương tiện cơ bản để rèn luyện sức khỏe và tăng cường thể lực.

8. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Hiểu và nắm được nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Hiểu và nắm được một số điều luật của môn bóng rổ.

- Kỹ năng: Biết vận dụng các điều luật, kỹ thuật đã học vào tập luyện và thi đấu. Hình thành thói quen tự tập luyện và nâng cao khả năng tự chơi bóng, tăng cường thể lực.

- Thái độ: Người học luôn thể hiện sự cầu tiến để hoàn thiện kỹ năng chơi bóng rổ, luôn có tinh thần thái độ hăng say trong mỗi giờ học. Từ đó biết vận dụng môn bóng rổ làm phương tiện cho việc rèn luyện và nâng cao sức khỏe của con người.

9. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
1	Bài 7		4	
	<p>1. Ôn các kỹ thuật đã học: Chuyển bóng; Bắt bóng; Kỹ thuật dẫn bóng.</p> <p>2. Giới thiệu kỹ thuật di chuyển chuyền bóng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tập di chuyển dọc sân. <p>3. Giới thiệu kỹ thuật dẫn bóng qua người.</p> <p>4. Bài tập bổ trợ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tập kỹ thuật không có bóng thay đổi tốc độ qua người, đổi tay qua người, động tác giả qua người.- Tập kết hợp với bóng. <p>5. Thử lực:</p> <ul style="list-style-type: none">- Bài tập phát triển sức bền.		2	<p>1. Xây dựng kế hoạch học tập.</p> <p>2. Chuẩn bị các câu hỏi.</p> <p>TL1 tr.41-57</p>
	<p>1. Nguyên lý các kỹ thuật.</p> <p>2. Trang bị một số điều luật:</p> <ul style="list-style-type: none">- Luật hội ý (Điều 18).- Luật thay người (Điều 19).- Lỗi va chạm (Điều 33).		1	Đọc tài liệu 2

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>1. Ôn các kỹ thuật đã học: Dẫn bóng; Chuyển bóng; Ném rổ tại chỗ.</p> <p>2. Tập kỹ thuật dẫn bóng qua người.</p> <p>3. Giới thiệu kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng.</p> <p>4. Bài tập bổ trợ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập nhảy dừng không có bóng. - Tập nhảy dừng kết hợp với bóng. <p>5. Thẻ lực: Bài tập phát triển sức mạnh.</p>		1	
2	Bài 8		4	
	<p>1. Tập các kỹ thuật đã học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn bóng tại chỗ, di chuyển, qua người. - Tập kỹ thuật di chuyển chuyển bóng. - Kỹ thuật ném rổ tại chỗ 2 tay trước ngực. - Tập kỹ thuật ném rổ tại chỗ 1 tay trên vai. <p>2. Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng.</p> <p>3. Giới thiệu kỹ thuật di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.</p>		1	<ul style="list-style-type: none"> - Tập các bài tập bổ trợ: + Kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng. + Kỹ thuật dẫn bóng qua người.

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>- Bài tập bổ trợ:</p> <p>+ Tập di chuyển bắt bóng ném rỏ không có bóng.</p> <p>+ Tập di chuyển bắt bóng ném rỏ kết hợp với bóng.</p> <p>4. Thẻ lực: Bài tập phát triển sức nhanh.</p>			
	<p>Trang bị một số điều luật:</p> <p>- Lỗi phản tinh thần thể thao (Điều 36).</p> <p>- Lỗi truất quyền (Điều 37).</p> <p>- Lỗi đồng đội (Điều 41).</p>		1	Đọc tài liệu 2
	<p>Nội dung chính</p> <p>Trang bị một số điều luật:</p> <p>- Lỗi phản tinh thần thể thao (Điều 36).</p> <p>- Lỗi truất quyền (Điều 37).</p> <p>- Lỗi đồng đội (Điều 41).</p> <p>1. Trò chơi vận động.</p> <p>2. Ôn định kỹ thuật dẫn bóng qua người.</p> <p>3. Tập kỹ thuật tại chỗ ném rỏ.</p> <p>4. Tập kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng.</p>			Đọc tài liệu 2

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>5. Tập kỹ thuật di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.</p> <p>6. Phối hợp kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng và di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.</p> <p>7. Thẻ lực: Đấu tập nửa sân 1 đấu 1; 3 đấu 2.</p>			
	<p>1. Tập kỹ thuật di chuyển chuyền bóng.</p> <p>2. Hoàn thiện kỹ thuật dẫn bóng qua người.</p> <p>3. Tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ.</p> <p>4. Hoàn thiện kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng.</p> <p>5. Ôn kỹ thuật di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.</p> <p>6. Phối hợp kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng và di chuyển ném rổ 1 tay trên vai.</p> <p>7. Thẻ lực: Đấu tập nửa sân: 2 đấu 1, 4 đấu 2.</p>		2	<ul style="list-style-type: none"> - Tập kỹ thuật dẫn bóng qua người. - Tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ. - Tập kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng.

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
3	Bài 9		4	
	<p>1. Bài tập trò chơi vận động.</p> <p>2. Tập kỹ thuật dẫn bóng qua người (cự ly 28m):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thử bấm thời gian. <p>3. Tập kỹ thuật ném rổ tại chỗ.</p> <p>4. Phối hợp kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng và di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.</p> <p>5. Thẻ lược: Bài tập thi đấu.</p>		2	<ul style="list-style-type: none"> - Tập ném rổ. - Tập kỹ thuật di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.
	<p>Nội dung chính</p> <p>1. Tập kỹ thuật di chuyển chuyền bắt bóng.</p> <p>2. Tập kỹ thuật dẫn bóng qua người. (cự ly 28m).</p> <p>Kiểm tra thử bấm thời gian.</p> <p>3. Tập kỹ thuật ném rổ tại chỗ.</p> <p>4. Tập kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng và di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập các bài tập bổ trợ: <p>+ Tại chỗ bật nhảy ném rổ chéo góc</p>		2	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật tại chỗ ném rổ. - Tập kỹ thuật di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<p>45°.</p> <p>+ Thực hiện kỹ thuật 2 bước ném rổ chéo góc 45°.</p> <p>+ Di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.</p> <p>5. Thẻ lực: Bài tập phát triển sức mạnh tốc độ.</p>			
4	Bài 10		4	
	<p>1. Tập kỹ thuật di chuyển chuyền bóng.</p> <p>2. Tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ.</p> <p>3. Tập kỹ thuật phối hợp dẫn bóng nhảy dừng và di chuyển ném rổ 1 tay trên vai.</p> <p>4. Thẻ lực: Bài tập thi đấu.</p>		1	<p>- Tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ.</p> <p>- Tập kỹ thuật di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.</p>
	<p>Nội dung chính</p> <p>1. Bài tập trò chơi vận động.</p> <p>2. Tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ.</p> <p>3. Tập kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng và di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.</p> <p>4. Thẻ lực.</p>		1	<p>- Tại chỗ ném rổ.</p> <p>- Di chuyển bắt bóng ném rổ một tay trên vai.</p>

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập tổng hợp: Dẫn bóng 20m - Di chuyển nhận bóng ném rổ 1 tay trên vai - Tại chỗ ném rổ. 			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tập kỹ thuật chuyền bóng, dẫn bóng. 2. Tập kỹ thuật ném rổ tại chỗ. 3. Tập kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng và di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai. 4. Thẻ lực: Tổ chức thi đấu. 		2	<ul style="list-style-type: none"> - Tại chỗ ném rổ. - Di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.
5	Kiểm tra – đánh giá giữa kỳ		4	- Chuẩn bị tốt về tâm lý và thể lực.
6	Bài 11		4	
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu kỹ thuật di chuyển chuyền bóng 3 người: <ul style="list-style-type: none"> - Tập di chuyển không bóng. - Tập di chuyển kết hợp với bóng. 2. Tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ. 3. Tập kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng và di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai. 5. Thẻ lực: Bài tập tổng hợp. 		4	<ul style="list-style-type: none"> - Ném rổ tại chỗ. - Ném rổ tựa bảng. - Di chuyển ném rổ 1 tay trên vai.

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH	Tài liệu học tập, tham khảo
7	Bài 12		4	
	1. Tập di chuyển chuyền bóng 2 người, 3 người. 2. Tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ. 3. Tập kỹ thuật dẫn bóng nhảy dừng và di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai. 4. Kiểm tra thử. 5. Thẻ lục: Bài tập thi đấu.		4	- Tại chỗ ném rổ. - Di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.
8	Tổ chức kiểm tra – đánh giá cuối kỳ		4	- Chuẩn bị tốt tâm lý.

10. Tài liệu phục vụ cho học phần

10.1. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Quốc Quân, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình Bóng rổ*, Nxb TĐTT

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Fiba (8/2014), *Luật bóng rổ*, biên dịch: Nguyễn Ngọc Tuấn.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

11.1. Phương pháp giảng dạy – học tập

- Hướng dẫn tài liệu học tập, thị phạm, giảng giải, phân tích kỹ thuật, trực quan sinh động, tự giác tích cực.

11.2. Đánh giá học phần

- Điểm chuyên cần (Dự lớp): Tham gia học đảm bảo 50% số giờ tín chỉ;
Bài tập: Thực hiện đủ lượng vận động theo yêu cầu của bài tập trên lớp. Tự giác tập luyện ngoài giờ học (ngoại khóa); Dụng cụ học tập: Sinh viên mặc đúng trang phục thể thao. Sinh viên phải mang thẻ sinh viên trong suốt quá trình học và kiểm tra.

- Điểm kiểm tra giữa kỳ: chiếm tỷ trọng 30% Hình thức kiểm tra: *Thực hành*

- Nội dung: Chạy dẫn bóng qua chướng ngại vật 28m.

- Tiêu chí đánh giá: Thành tích về thời gian, đúng kỹ thuật, không phạm luật.

- Điểm thi cuối kỳ: Chiếm tỷ trọng 60% Hình thức kiểm tra: *Thực hành*

Nội dung:

+ Tại chỗ ném rổ.

+ Dẫn bóng nhảy dừng và di chuyển bắt bóng ném rổ 1 tay trên vai.

Tiêu chí đánh giá:

+ Đúng kỹ thuật, không phạm luật.

+ Số lần ném bóng vào rổ.

+ Tính nhịp điệu trong quá trình thực hiện động tác.

Thang điểm đánh giá:

TT	Nội dung	Điểm thi									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Di động chuyên bắt bóng 2 tay trước ngực	Thực hiện 01 lần. Đánh giá theo thang điểm 10 với 04 mức kỹ thuật (A, B, C, D). Giảm 01 mức trừ 2,5 điểm.									
2	Dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao 05 lần (quả)	5/5 quả đạt 9 điểm. Sau đó giảm 01 quả thì trừ 2 điểm. Còn 01 điểm đánh giá kỹ thuật thực hiện theo 04 mức (A, B, C, D).									

12. Hướng dẫn thực hiện

- Các Khoa, Bộ môn phổ biến đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

- Giảng viên thực hiện theo đúng đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 201

Trưởng Phòng Đào tạo

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

((Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 9. PHIẾU PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN

BỘ VH,TT&DL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN

Nhằm giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đề tài: “*Nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp*”, mong anh (chị) nghiên cứu kỹ các câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng.

Câu hỏi 1. Anh/chị hãy cho biết nhận định của mình sau khi kết thúc quá trình học tập môn học thể thao tự chọn (bóng đá, bóng rổ).

T T	Nội dung	Mức độ đồng ý				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1	Nội dung môn học hữu ích với nghề nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Phương pháp giảng dạy đã lôi cuốn được SV tập luyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Bài tập, lượng vận động tác động tốt đến kỹ năng thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Chương trình thúc đẩy SV tập luyện ngoại khóa và nâng cao	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Nội dung kiểm tra - đánh giá phản ánh tốt năng lực của SV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của anh (chị)./.

PHỤ LỤC 10. PHIẾU PHẢN HỒI CỦA GIẢNG VIÊN

BỘ VH,TT&DL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHẢN HỒI CỦA GIẢNG VIÊN

Nhằm giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đề tài: “*Nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp*”, mong đồng chí nghiên cứu kỹ các câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng.

Câu hỏi 1. Đồng chí hãy cho biết nhận định của mình sau khi hoàn thành quá trình giảng dạy môn học thể thao tự chọn (bóng đá, bóng rổ).

T T	Nội dung	Mức độ đồng ý		
		Rất phù hợp	Phù hợp	Chưa phù hợp
1	Nội dung chương trình đảm bảo đáp ứng được chuẩn đầu ra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Thiết kế chương trình được sắp xếp hợp lý.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Chương trình phù hợp với đội ngũ giảng viên và công trình TDTT.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Chương trình hữu ích để SV tập luyện TDTT thường xuyên.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Phương pháp kiểm tra đánh giá tích cực và công bằng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của đồng chí./.

**PHỤ LỤC 11. XÁC NHẬN TRIỂN KHAI THỰC NGHIỆM CHƯƠNG
TRÌNH GIẢNG DẠY BÓNG ĐÁ, BÓNG RỔ CHO CÂU LẠC BỘ THỂ
THAO TRONG TRƯỜNG**